

BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TỔNG LUẬN

**NỀN TẢNG LÝ LUẬN VÀ CON ĐƯỜNG THỰC TIỄN
CỦA PHÁT TRIỂN TÍCH HỢP ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
Ở TRUNG QUỐC**

Số 4 -2025

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	3
Phần mở đầu	4
Chương 1: Tổng quan về các vấn đề trong phát triển tích hợp đô thị - nông thôn	6
Chương 2: Nguồn gốc lý luận của phát triển tích hợp đô thị - nông thôn ở Trung Quốc	13
Chương 3: Cơ sở thực tiễn và những vấn đề tồn tại trong quá trình phát triển tích hợp đô thị - nông thôn ở Trung Quốc	30
Chương 4: Các con đường thực tiễn thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị - nông thôn Trung Quốc	44
Phần kết luận	61

LỜI GIỚI THIỆU

Trong tiến trình hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc, phát triển tích hợp đô thị – nông thôn đã trở thành một chiến lược trọng yếu nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa hai khu vực, thúc đẩy phân bổ hợp lý các nguồn lực, và hiện thực hóa mục tiêu “thịnh vượng chung” cho toàn dân. Nền tảng lý luận của quá trình này được hình thành trên cơ sở kế thừa và phát triển tư tưởng Mác – Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, cùng các quan điểm mới trong thời kỳ cải cách và mở cửa, đặc biệt là tư tưởng phát triển toàn diện, hài hòa và bền vững dưới thời kỳ Tổng bí thư Tập Cận Bình.

Từ góc độ thực tiễn, Trung Quốc đã trải qua quá trình chuyển đổi sâu sắc trong cơ cấu không gian và mô hình phát triển, từ việc chú trọng đô thị hóa đơn hướng sang thúc đẩy “hội nhập đô thị – nông thôn” trên nhiều phương diện như quy hoạch, hạ tầng, dịch vụ công, và quản trị xã hội. Các chính sách trọng điểm như “Chiến lược chấn hưng nông thôn”, “Cải cách chế độ đất đai” hay “Phát triển vùng tích hợp đô thị – nông thôn” đã tạo nên cơ sở thể chế vững chắc cho tiến trình này.

Nghiên cứu về “Nền tảng lý luận và con đường thực tiễn của phát triển tích hợp đô thị – nông thôn ở Trung Quốc” không chỉ giúp hiểu rõ hơn logic nội tại của sự phát triển xã hội Trung Quốc đương đại, mà còn cung cấp những kinh nghiệm quý báu cho các quốc gia đang trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa – trong đó có Việt Nam – trong việc hướng tới phát triển cân bằng, bao trùm và bền vững giữa đô thị và nông thôn.

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

PHẦN MỞ ĐẦU

Kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, quan hệ giữa thành thị và nông thôn ở Trung Quốc không ngừng biến đổi, lần lượt trải qua ba giai đoạn phát triển: giai đoạn nông thôn hỗ trợ thành thị trong bối cảnh chiến lược ưu tiên phát triển công nghiệp nặng; giai đoạn thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn trong thời kỳ cải cách mở cửa; và giai đoạn phát triển tích hợp đô thị – nông thôn hướng tới thịnh vượng chung trong thời đại mới.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn đặc biệt coi trọng việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong phát triển đô thị và nông thôn. Trên cơ sở xem xét toàn diện tình trạng mất cân đối giữa đô thị và nông thôn cũng như sự phát triển chưa đầy đủ của nông nghiệp và nông thôn ở Trung Quốc, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã sáng tạo đề xuất và triển khai chiến lược phát triển tích hợp đô thị – nông thôn, tập trung xây dựng mối quan hệ mới giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa đô thị và nông thôn theo hướng thúc đẩy lẫn nhau, bổ trợ cho nhau và cùng phát triển phồn vinh.

Báo cáo Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc, xuất phát từ tầm chiến lược “đẩy nhanh việc hình thành cục diện phát triển mới, tập trung thúc đẩy phát triển chất lượng cao”, đã nhấn mạnh yêu cầu kiên định thực hiện chính sách ưu tiên phát triển nông nghiệp và nông thôn, đồng thời kiên trì con đường phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Điều này đã chỉ rõ định hướng và bố trí chiến lược nhằm tiếp tục thúc đẩy quá trình tích hợp đô thị – nông thôn trong giai đoạn tiếp theo.

Vì vậy, việc tổng kết và hệ thống hóa quá trình phát triển cũng như những kinh nghiệm lịch sử của Trung Quốc trong lĩnh vực phát triển tích hợp đô thị – nông thôn, đồng thời khám phá con đường phát triển chất lượng cao của mô hình tích hợp đô thị – nông thôn trong thời đại mới, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hết sức quan trọng.

Tổng luận bao gồm 4 chương:

Chương thứ nhất trình bày tổng quan về những vấn đề cơ bản trong phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Chương này tiến hành xác định và làm rõ các khái niệm về đô thị, nông thôn và phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Tiếp đó, từ ba góc độ gồm xóa bỏ cơ cấu nhị nguyên đô thị – nông thôn, thúc đẩy chân hưng nông thôn, và hỗ trợ thực hiện mục tiêu thịnh vượng chung, chương này phân tích và luận giải tính tất yếu của phát triển tích hợp đô thị – nông thôn.

Chương thứ hai tập trung truy nguyên nguồn gốc lý luận của quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn ở Trung Quốc. Chương này trình bày tư tưởng về sự hòa hợp giữa đô thị và nông thôn trong học thuyết của C. Mác, Ph. Ăng-ghe-nh và V. I. Lênin, đồng thời hệ thống hóa những khám phá lý luận của năm thế hệ lãnh đạo Trung Quốc kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập liên quan đến vấn đề phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Trên cơ sở đó, chương này tổng kết những kinh nghiệm lịch sử của quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn từ khi thành lập nước, qua đó đặt nền tảng lý luận vững chắc cho việc tiếp tục thúc đẩy sự phát triển tích hợp giữa đô thị và nông thôn trong giai đoạn mới.

Chương thứ ba trình bày về cơ sở thực tiễn và những vấn đề tồn tại trong quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Trước hết, chương khẳng định những thành tựu

quan trọng mà Trung Quốc đã đạt được trong quá trình phát triển quan hệ đô thị – nông thôn. Đồng thời, chương tiến hành phân tích sâu năm phương diện hạn chế chủ yếu đang cản trở sự phát triển tích hợp này, bao gồm: (1) dòng lưu chuyển các yếu tố sản xuất giữa đô thị và nông thôn còn thiếu thông suốt; (2) mức độ tích hợp công nghiệp giữa hai khu vực chưa cao; (3) sự chênh lệch rõ rệt trong xây dựng hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; (4) tương tác văn hóa giữa đô thị và nông thôn còn mất cân đối; và (5) tính tổng thể trong phát triển sinh thái tích hợp còn chưa đầy đủ. Qua đó, làm rõ những thách thức thực tế mà Trung Quốc cần giải quyết để thúc đẩy quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn một cách toàn diện và bền vững.

Chương thứ tư đề xuất các con đường thực tiễn thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn ở Trung Quốc. Trước những vấn đề chủ yếu còn tồn tại trong quá trình phát triển, chương này đưa ra năm định hướng chiến lược trọng tâm như sau: Thứ nhất, lấy sự hòa nhập về thể chế và cơ chế làm khâu đột phá chủ yếu, nhằm hiện thực hóa sự thống nhất và tương thích về thể chế giữa đô thị và nông thôn; Thứ hai, lấy phát triển công – nông nghiệp tích hợp làm nền tảng, qua đó thúc đẩy mục tiêu thịnh vượng chung giữa đô thị và nông thôn; Thứ ba, lấy phát triển cùng hưởng làm mục tiêu cốt lõi, hướng tới nâng cao phúc lợi và chất lượng cuộc sống của người dân ở cả hai khu vực; Thứ tư, lấy xây dựng văn hóa làm định hướng dẫn dắt, nhằm thúc đẩy sự giao thoa, hòa hợp và phát triển hài hòa giữa văn hóa đô thị và văn hóa nông thôn; Thứ năm, lấy phát triển xanh làm kim chỉ nam, hướng đến hiện thực hóa sự hòa hợp sinh thái và phát triển bền vững giữa đô thị và nông thôn. Những định hướng này không chỉ mang ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn, mà còn cung cấp cơ sở lý luận và chiến lược phát triển toàn diện cho quá trình thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn trong giai đoạn mới.

Từ khóa: *quan hệ đô thị – nông thôn; phát triển tích hợp đô thị – nông thôn; con đường thực tiễn*

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÁC VẤN ĐỀ TRONG PHÁT TRIỂN TÍCH HỢP ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN

Khái niệm là sự thể hiện tập trung những thuộc tính bản chất của sự vật; việc hiểu thấu đáo khái niệm chính là tiền đề căn bản để nhận thức toàn diện một hiện tượng hay vấn đề, đồng thời cũng là công việc nền tảng trong các hoạt động nghiên cứu học thuật.

Thành thị và nông thôn là hai hình thái quần cư chủ yếu của loài người, đồng thời cũng là hai không gian sản xuất và sinh hoạt cơ bản của con người. Ở các thời kỳ lịch sử khác nhau, ý nghĩa, địa vị và vai trò của thành thị và nông thôn có sự khác biệt nhất định, và hình thức biểu hiện mối quan hệ giữa hai khu vực này cũng thay đổi theo thời gian. Cùng với sự phát triển của thời đại, mối quan hệ giữa đô thị và nông thôn ngày càng trở nên mật thiết hơn.

Mục tiêu của chương này là làm rõ những vấn đề cơ bản trong quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn ở Trung Quốc, đồng thời phân tích tính tất yếu của sự phát triển tích hợp từ ba phương diện: xóa bỏ cơ cấu nhị nguyên đô thị – nông thôn, thúc đẩy chấn hưng nông thôn, và góp phần hiện thực hóa mục tiêu thịnh vượng chung. Đây chính là cơ sở và tiền đề quan trọng để xem xét quá trình hình thành và biến đổi logic lý luận của phát triển tích hợp đô thị – nông thôn, đánh giá hiện trạng thực tiễn, và đề xuất các con đường phát triển phù hợp trong giai đoạn mới.

1.1. Xác định các khái niệm căn bản

1.1.1. Thành thị/thành phố/đô thị

Thành thị (thành phố/đô thị) là hình thức quần cư được hình thành và phát triển dần dần cùng với quá trình tập trung cư trú của loài người, là sản phẩm của sự phát triển từng bước của lực lượng sản xuất xã hội, đồng thời cũng là biểu hiện của nền văn minh và sự tiến bộ của nhân loại. Tại Trung Quốc, “thành thị” thường được gọi là thành phố hoặc thị trấn, là khái niệm đối lập với nông thôn hoặc làng xã, chủ yếu bao gồm các đơn vị hành chính cấp thành phố và thị trấn, đồng thời là trung tâm tập trung dân cư, chính trị, kinh tế, văn hóa – giáo dục và khoa học – công nghệ. Xét về nguồn gốc lịch sử của từ “thành thị”, có thể thấy khái niệm này bao hàm hai tầng nghĩa: “thành” và “thị”, trong đó hai yếu tố này có sự khác biệt rõ rệt cả về nội hàm lẫn chức năng.

Trong thời cổ đại, thành phố về bản chất chính là “thành”, được hình thành và tồn tại như một khái niệm gắn liền với đơn vị hành chính lãnh thổ, là nơi tập trung dân cư quy mô lớn, với số lượng nhiều, quy mô rộng và phân bố tương đối rộng khắp. Thành phố trong giai đoạn này có chức năng quan trọng về an ninh phòng thủ và quản lý chính trị, đồng thời nhờ sức hút chính trị mạnh mẽ, nó tác động sâu sắc đến tiến trình phát triển của toàn xã hội. Thành phố cũng được xem là biểu tượng của quyền lực, và sự thịnh suy của thành thị luôn gắn liền với sự hưng vong của chính quyền. Trong khi đó, “thị” có nghĩa là chợ hoặc khu buôn bán, chủ yếu thể hiện bản chất thương nghiệp của đô thị, là nơi cố định diễn ra hoạt động trao đổi hàng hóa và giao thương thương mại.

Cùng với sự hưng thịnh của hoạt động ngoại thương, các “chợ phiên” bắt đầu được hình thành ở những khu vực nằm cách thành trì một khoảng nhất định. Nhà nước khi đó đã thiết lập chế độ quản lý nghiêm ngặt đối với các khu chợ, ban hành những quy định cụ thể và thành lập các cơ quan chuyên trách giám sát hoạt động thương mại. “Thành” và “thị”

tác động qua lại và dần dần kết hợp với nhau, từ đó hình thành nên các đô thị theo nghĩa hoàn chỉnh. Trong lịch sử Trung Quốc, có rất nhiều thành phố nổi tiếng nhờ hoạt động thương nghiệp phồn vinh, chẳng hạn như Khai Phong, Tuyền Châu, Quảng Châu, Tô Châu... Các khu “thị” (chợ, trung tâm thương mại) thường phát triển hoặc suy tàn tùy thuộc vào sự thịnh – suy của các đô thành lớn. Cùng với sự phát triển không ngừng của xã hội, chức năng đặc thù của thành phố cũng liên tục mở rộng, đảm nhiệm hai vai trò quan trọng: một là trung tâm sản xuất và cung ứng hàng hóa, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân; hai là không gian kế thừa và đổi mới các giá trị văn hóa, góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện của nền văn minh đô thị.

Nhiều ngành khoa học lấy thành phố làm đối tượng nghiên cứu, và cách hiểu về khái niệm “thành phố” trong từng lĩnh vực có sự khác biệt nhất định.

Trong kinh tế học, thành phố được xem là một chỉnh thể không gian tập trung các hoạt động của con người và các hoạt động kinh tế, có quy mô lớn, mật độ dân cư cao, đồng thời đóng vai trò đầu tàu trong việc thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng, văn hóa và các lĩnh vực khác trong phạm vi khu vực nhất định. Thành phố được đặc trưng bởi cơ cấu kinh tế phi nông nghiệp, trong đó các ngành chủ đạo bao gồm: dịch vụ hiện đại, sản xuất chế tạo tiên tiến, các ngành công nghiệp chiến lược mới nổi, tài chính và thông tin, dịch vụ du lịch, cũng như các ngành công nghiệp văn hóa.

Ngành xã hội học chú trọng nghiên cứu mối quan hệ giữa con người với không gian và địa điểm, cho rằng ý nghĩa của khái niệm “thành phố” tất yếu phải bao hàm yếu tố tập trung dân cư. Sự hình thành và phát triển của thành phố bắt nguồn từ việc con người tập trung sinh sống và sản xuất trong một khu vực không gian nhất định. Trong các thành phố lớn, chức năng của từng khu vực không gian được phân định rõ ràng, và mỗi khu vực đều đảm nhận một vai trò riêng biệt. Vì vậy, thành phố được xem là một không gian quy mô lớn có khả năng đáp ứng các nhu cầu đa dạng của con người, bao gồm sinh hoạt, lao động, và vui chơi giải trí. Chính sự xuất hiện không ngừng của các nhu cầu mới đã thúc đẩy sự mở rộng và phát triển liên tục của thành phố, khiến thành phố ngày càng trở thành trung tâm năng động của đời sống xã hội.

Trong địa lý học, thành phố được hiểu là một chỉnh thể không gian kết hợp giữa mật độ dân cư cao, hệ thống giao thông thuận tiện, kiến trúc xây dựng tập trung và cơ sở hạ tầng hoàn thiện. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ tuy không đưa ra một định nghĩa cụ thể về khái niệm “thành phố”, nhưng cho rằng thành phố là nơi tập trung các yếu tố và nguồn lực khác nhau, là trung tâm của hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa và quân sự, đồng thời cũng là không gian có tốc độ phát triển đặc biệt nhanh chóng, nơi hàng loạt công nhân bị thu hút tập trung về sinh sống và lao động. Thành phố, trong nhận thức của các ông, cũng là nơi diễn ra quá trình tích lũy và sinh sôi tư bản một cách mãnh liệt nhất, đồng thời là điểm hội tụ và bộc lộ tập trung nhất các mâu thuẫn xã hội.¹

1.1.2. Hương thôn/Nông thôn

Tại Trung Quốc, người ta thường cho rằng “hương thôn” và “nông thôn” là hai khái niệm tương đồng, tuy nhiên giữa các học giả vẫn tồn tại một số khác biệt nhất định trong cách hiểu và cách sử dụng hai thuật ngữ này. Dẫu vậy, về tổng thể, chúng có thể được xem là đồng nghĩa về mặt ngữ nghĩa. Khái niệm “hương thôn” thường được dùng ở bình diện vĩ

¹ Tuyên tập Mác – Ăng-ghe-nơ (Tập 1) [M]. Bắc Kinh: Nhà xuất bản Nhân dân, 1995, tr. 240.

mô để mô tả một nơi, chốn sinh tồn hữu cơ của con người, đối lập với không gian đô thị, nơi hoạt động sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, phân bố dân cư thưa thớt và rải rác, đồng thời mang đặc trưng khá khép kín và bảo thủ trong lối sống cũng như cấu trúc xã hội.

Nền văn hóa truyền thống lâu đời của Trung Quốc bắt nguồn sâu xa từ hương thôn. Từ “hương thôn” có thể truy nguyên về tác phẩm *Thạch Thất Sơn thi* của Tạ Linh Vận, trong đó có câu: “Chốn hương thôn vắng lặng, người đồn củi như hòa cùng mây gió”. Trong thời cổ đại, “hương” và “thôn” vốn là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau.

- “Hương” là một đơn vị hành chính cấp cơ sở của Trung Quốc, đã xuất hiện từ thời Nhà Chu, thường bao gồm nhiều làng hành chính, có diện tích và dân số nhỏ hơn so với thị trấn.
- “Thôn”, chủ yếu lấy sản xuất nông nghiệp làm chức năng cơ bản, cư dân thường tham gia các hoạt động nông – lâm – mục – ngư nghiệp hoặc tiểu thủ công nghiệp, hình thành nên một cơ cấu kinh tế tự cung tự cấp và duy trì hình thức quản lý cộng đồng mang tính tự trị.

Như vậy, “hương” và “thôn” là hai cấp độ không gian và quản lý khác nhau, nhưng cùng cấu thành nên nền tảng sinh tồn và phát triển của xã hội nông thôn truyền thống Trung Hoa. Cho đến ngày nay, trong Trung Quốc, khái niệm “hương” và “thôn” vẫn tồn tại sự khác biệt.

Mác và Ăng-ghe-nhê khi bàn về vấn đề nông thôn đã đưa ra một số nhận định quan trọng: Nông thôn thường bị đô thị chiếm dụng một lượng lớn đất đai mà không có sự bồi thường, đồng thời dân số trong nông thôn bị thu hút vào các đô thị; cộng thêm việc dòng chảy của tư liệu sản xuất và các phương tiện sinh hoạt ra khỏi nông thôn, dẫn đến cảnh nông thôn trở nên cô lập, suy tàn và xuống cấp. Nhận định này cho thấy mối quan hệ bất cân đối giữa đô thị và nông thôn, đồng thời làm rõ những thách thức cơ bản trong phát triển tích hợp đô thị – nông thôn.

Trong các lĩnh vực kinh tế – xã hội, chính trị và văn hóa, thành thị so với nông thôn có những ưu thế tuyệt đối không thể lay chuyển, từ đó hình thành mô hình phân cực “trung tâm – ngoại vi” giữa thành thị và nông thôn. Tình trạng này ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững và lành mạnh của cả hai khu vực, đồng thời tạo ra những tác động bất lợi cho cả thành thị lẫn nông thôn. Nhìn chung, nông thôn có những đặc điểm cơ bản sau:

- Không khí trong lành, dân cư hiền hòa, thích hợp cho sinh sống lâu dài;
- Hoạt động sản xuất chủ yếu tập trung vào nông nghiệp, phạm vi sinh hoạt tương đối cố định, dòng chảy dân cư hạn chế, và tự cung tự cấp là một đặc trưng nổi bật;
- Người dân trong cộng đồng thôn xóm dựa trên mối quan hệ quen biết và tin cậy lẫn nhau, hình thành nên “xã hội quen biết”;
- Nông thôn lưu giữ và truyền tải những giá trị văn hóa và lịch sử phong phú, mang gen văn hóa truyền thống sâu sắc.

1.1.3. Phát triển tích hợp đô thị - nông thôn

Các Mác và Ăng-ghe-n cho rằng thành thị và nông thôn là hai cộng đồng xã hội khác nhau cùng tồn tại trong một không gian nhất định, với đặc điểm và lợi thế tài nguyên khác biệt rõ rệt. Thông qua việc phát huy tối đa ưu thế riêng của mỗi bên và bổ sung cho nhau, mới có thể xóa bỏ những hạn chế và khiếm khuyết của từng khu vực, từ đó thực hiện phát triển tích hợp đô thị – nông thôn một cách hài hòa và bền vững. Việc triển khai các chiến lược như “Xây dựng nông thôn mới”, “Quy hoạch tổng thể đô thị – nông thôn” và “Đô thị – nông thôn nhất thể hóa” đều nhằm mục tiêu giải quyết vấn đề phát triển không đồng đều giữa thành thị và nông thôn, và đã đạt được những kết quả đáng kể. Tuy nhiên, cấu trúc nhị nguyên đô thị – nông thôn vẫn còn tồn tại, khu vực nông thôn vẫn chưa phát triển đầy đủ, khiến cho sự phát triển giữa hai khu vực trong thời gian dài vẫn ở trạng thái mất cân bằng.

Trên cơ sở đó, Báo cáo Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề xuất khái niệm “phát triển tích hợp đô thị – nông thôn” và lần đầu tiên đưa nội dung này vào hệ thống tư tưởng, lý luận của Đảng. Đây là sự vượt qua tư duy nhị nguyên truyền thống giữa đô thị và nông thôn, coi thành thị và nông thôn là hai chủ thể phát triển bình đẳng, xem hai khu vực như một chỉnh thể thống nhất trong tư duy phát triển tích hợp. Đồng thời, phát triển lấy nông thôn làm điểm trọng tâm, nhấn mạnh nâng cao năng lực phát triển nội sinh của khu vực nông thôn, chú trọng tăng cường tương tác lành mạnh, hội nhập sâu sắc, cùng tồn tại và cùng thịnh vượng giữa đô thị và nông thôn.

Để phân tích sâu hơn khái niệm “phát triển tích hợp đô thị – nông thôn”, cần phải hiểu rõ khái niệm “phát triển quy hoạch tổng thể đô thị – nông thôn” và “phát triển nhất thể hóa đô thị – nông thôn”, đồng thời nghiên cứu mối liên hệ và sự khác biệt giữa ba khái niệm này.

Phát triển quy hoạch tổng thể đô thị – nông thôn được đề xuất nhằm giải quyết những mâu thuẫn gay gắt trong “tam nông” (nông nghiệp, nông thôn, nông dân) ở Trung Quốc. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, cách tiếp cận này vẫn nghiêng về sự lãnh đạo của đô thị đối với nông thôn, thể hiện vai trò chủ đạo của chính phủ, trong khi nông thôn chỉ ở thế bị động tiếp nhận các chính sách và khoản hỗ trợ.²

Phát triển nhất thể hóa đô thị – nông thôn là một mục tiêu trong tiến trình phát triển giữa đô thị và nông thôn, nhấn mạnh việc tăng cường mối liên hệ về thời gian và không gian giữa hai khu vực. Tuy nhiên, cách tiếp cận này lại thiên lệch khi quá coi trọng sự hỗ trợ ngược chiều của công nghiệp đối với nông nghiệp, cũng như sức kéo của đô thị đối với nông thôn, mà chưa chú ý đúng mức đến vai trò tương tác hai chiều giữa đô thị và nông thôn cũng như việc bồi dưỡng động lực nội sinh của nông thôn. So với đó, phát triển tích hợp đô thị – nông thôn có phạm vi rộng hơn và tầng nghĩa sâu hơn, không chỉ kế thừa tư tưởng cốt lõi của phát triển quy hoạch tổng thể đô thị – nông thôn và phát triển nhất thể hóa đô thị – nông thôn, mà còn nâng cao và đổi mới trên cơ sở đó.

Khái niệm phát triển tích hợp đô thị – nông thôn phản ánh đặc trưng phát triển của Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay, nhấn mạnh quan hệ hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau, phát triển bình đẳng giữa đô thị và nông thôn, đồng thời làm nổi bật tính chủ thể và động lực nội sinh của phát triển nông thôn, đề cao đổi mới về thể chế và cơ chế trong tiến trình

² Hứa Thái Linh, Lý Kiến Kiên. *Hàm nghĩa khoa học và con đường hiện thực hóa của phát triển tích hợp đô thị – nông thôn: Suy ngẫm dựa trên lý luận quan hệ đô thị – nông thôn của chủ nghĩa Mác* [J]. Nhà Kinh tế học, 2019(01):96.

phát triển tích hợp, mang tính định hướng rõ ràng cả về vấn đề lẫn mục tiêu.³ Tổng thể mà nói, phát triển tích hợp đô thị – nông thôn có ưu thế vượt trội hơn so với phát triển quy hoạch tổng thể đô thị – nông thôn và phát triển nhất thể hóa đô thị – nông thôn, thể hiện sự hiểu biết sâu sắc và nắm bắt chính xác của Đảng và Chính phủ Trung Quốc đối với mối quan hệ giữa đô thị và nông thôn, đồng thời cũng phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn của quá trình phát triển đô thị – nông thôn ở Trung Quốc. Tuy nhiên, ba khái niệm này vẫn có mục tiêu thống nhất và những điểm tương đồng nhất định.

1.2. Tính tất yếu của phát triển tích hợp đô thị - nông thôn

1.2.1. Phát triển tích hợp đô thị – nông thôn là con đường cơ bản để xóa bỏ cơ cấu nhị nguyên đô thị – nông thôn

Trung Quốc là một quốc gia đang phát triển với cấu trúc nhị nguyên đô thị – nông thôn điển hình: một phía là nông thôn chủ yếu dựa vào nông nghiệp truyền thống, với năng suất lao động tương đối lạc hậu, phía còn lại là đô thị phát triển dựa trên công nghiệp hiện đại và dịch vụ, với năng suất lao động tương đối cao.⁴ Cấu trúc nhị nguyên đô thị – nông thôn ở Trung Quốc có những đặc trưng riêng biệt, và sự hình thành của nó là kết quả của nhiều yếu tố tác động, bao gồm nguyên nhân nội sinh cũng như nguyên nhân liên quan đến thể chế và cơ chế. Chiến lược ưu tiên công nghiệp để bắt kịp các nước phát triển, chính sách thu mua và phân phối nông sản tập trung, hệ thống kinh tế kế hoạch hóa cùng các chế độ xã hội liên quan đã dẫn đến sự hình thành và củng cố cấu trúc nhị nguyên đô thị – nông thôn.

Bên cạnh đó, Trung Quốc là một quốc gia nông nghiệp truyền thống, do đó nông thôn thiếu động lực phát triển nội sinh, khiến cấu trúc nhị nguyên đô thị – nông thôn duy trì trong trạng thái tương đối ổn định lâu dài. Hơn nữa, thị trường, ngành công nghiệp và văn hóa giữa đô thị và nông thôn hầu như hoạt động độc lập, điều này hạn chế nghiêm trọng và ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển hài hòa của mối quan hệ đô thị – nông thôn.

Sau công cuộc cải cách mở cửa, việc triển khai rộng rãi chế độ trách nhiệm gia đình theo liên kết sản xuất trên khắp cả nước đã thổi bùng phong trào sản xuất nông nghiệp, đem lại sự phát triển vượt bậc về năng suất và khả năng sản xuất của nông thôn. Tiếp đó, cải cách đô thị được tiến hành toàn diện, hệ thống kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa dần được thiết lập, mức độ công nghiệp hóa và đô thị hóa có sự nâng cao rõ rệt, tạo nên một bức tranh mới về sự thịnh vượng và phát triển. Tuy nhiên, cải cách nông thôn diễn ra chậm lại, khiến khoảng cách giữa đô thị và nông thôn sau một thời gian thu hẹp ngắn ngủi lại nhanh chóng mở rộng trở lại, làm tăng thêm sự mất cân bằng trong cấu trúc đô thị – nông thôn.

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, Nhà nước Trung Quốc đã ban hành hàng loạt chính sách và biện pháp mạnh mẽ nhằm hỗ trợ, củng cố và ưu đãi đối với nông nghiệp, nông thôn và nông dân, đồng thời chủ động điều hòa lợi ích giữa khu vực đô thị và nông thôn. Các khái niệm như “phát triển kinh tế – xã hội đồng quy hoạch đô thị – nông thôn”, “lấy đô thị dẫn dắt nông thôn”, “phát triển nhất thể hóa đô thị – nông thôn” và “phát triển tích

³ Trương Diên Man. *Nghiên cứu về thể chế phát triển tích hợp đô thị – nông thôn mang đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới* [Luận án Tiến sĩ]. Đại học Cát Lâm, 2020.

⁴ Lý Nguyên Phong. *Nghiên cứu phát triển tích hợp đô thị – nông thôn ở Trung Quốc trong bối cảnh chiến lược chấn hưng nông thôn* [Luận án Tiến sĩ]. Đại học Vũ Hán, 2019.

hợp đô thị – nông thôn” lần lượt được đề xuất, thể hiện quá trình từng bước vượt qua tư duy nhị nguyên đô thị – nông thôn, đồng thời cho thấy quyết tâm kiên định của Trung Quốc trong việc giải quyết vấn đề “tam nông”.

Hiện nay, Trung Quốc vẫn đang phải đối mặt với những rào cản mang tính thể chế và cơ chế như chế độ hộ khẩu và quyền sử dụng đất mang tính nhị nguyên, sự mất cân đối trong cung ứng dịch vụ công cơ bản, khoảng cách thu nhập quá lớn giữa đô thị và nông thôn, cùng với các biểu hiện “bệnh lý nông thôn” ngày càng rõ nét. Trong bối cảnh đó, việc lấy vấn đề làm trung tâm, tháo gỡ tận gốc nền tảng của cơ cấu nhị nguyên đô thị – nông thôn, loại bỏ những trở ngại trên con đường phát triển tích hợp đô thị – nông thôn trở thành yêu cầu cấp thiết và tất yếu của thời đại.

1.2.2. Phát triển tích hợp đô thị – nông thôn là phương thức quan trọng để thúc đẩy thực hiện chiến lược chấn hưng nông thôn

Trên con đường tiến hành hiện đại hóa theo định hướng Trung Quốc, để triển khai thành công chiến lược chấn hưng nông thôn, nhất thiết phải kiên định đi theo con đường phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Đây là lựa chọn tất yếu, phù hợp với xu thế phát triển đô thị hóa hiện nay và có ý nghĩa quan trọng trong việc giải phóng, khơi dậy sức sống mới cho khu vực nông thôn.

Đặc trưng của nông thôn Trung Quốc là dân số đông, phạm vi địa lý rộng và tính đa dạng cao, điều này quyết định tính phức tạp và khó khăn của quá trình chấn hưng nông thôn. Ngay cả khi tỷ lệ đô thị hóa của Trung Quốc đạt mức rất cao, vẫn còn một bộ phận dân cư lớn sinh sống tại khu vực nông thôn - đây là một nhóm xã hội không thể bị xem nhẹ trong tiến trình hiện đại hóa quốc gia.

Mặc dù nông thôn vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế và yếu kém, song vẫn sở hữu không gian phát triển rộng lớn và tiềm năng to lớn để bứt phá. Từ khi đô thị ra đời, nó đã cùng với nông thôn tồn tại trong mối quan hệ cộng sinh và tương hỗ; mối quan hệ giữa đô thị và nông thôn không phải là sự tách biệt, mà là mạng lưới liên kết chằng chịt, gắn bó mật thiết như một cộng đồng cùng chung vận mệnh. Do đó, nếu chỉ đơn thuần nhấn mạnh phát triển đô thị hoặc nông thôn, sẽ vô tình củng cố thêm mô hình phân tách nhị nguyên đô thị – nông thôn, khiến việc hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội hiện đại thực sự trở nên bất khả thi.

Xét theo mạch phát triển của khu vực nông thôn, có thể thấy rằng nền tảng nông nghiệp của Trung Quốc vẫn còn yếu, mức độ tập trung ngành nghề thấp, hệ thống và chuỗi giá trị nông nghiệp chưa hoàn thiện. Tình trạng phát triển chậm ở nông thôn và khó khăn trong việc gia tăng thu nhập cho nông dân vẫn còn khá phổ biến. Do đó, chỉ dựa vào nội lực của khu vực nông thôn thì rất khó có thể thực hiện thành công chiến lược chấn hưng nông thôn. Trong bối cảnh đó, sự dẫn dắt của quá trình đô thị hóa và tác động lan tỏa của công nghiệp hóa trở thành nguồn lực quan trọng thúc đẩy sự chấn hưng của nông thôn. Ở giai đoạn này, phát triển tích hợp đô thị – nông thôn được xem là một phương thức trọng yếu và mang tính chiến lược để đạt được mục tiêu chấn hưng nông thôn toàn diện.⁵

Phát triển tích hợp đô thị – nông thôn chính là quá trình gắn kết hữu cơ giữa hai khu vực, kết hợp đô thị và nông thôn thành một chỉnh thể thống nhất, xóa bỏ các rào cản

⁵ Kỷ Chí Canh, La Thiện Thiện. *Mạch phát triển và những đóng góp đổi mới trong các luận điểm quan trọng của Tập Cận Bình về chấn hưng nông thôn* [Tạp chí]. Nhà Kinh tế, số 4, năm 2022, tr. 5–16.

ngăn cách giữa hai bên, thúc đẩy chấn hưng nông thôn, qua đó hiện thực hóa sự phát triển hài hòa, chất lượng cao và toàn diện giữa kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và sinh thái trong không gian đô thị – nông thôn.

1.2.3. Phát triển tích hợp đô thị – nông thôn là yêu cầu căn bản để hiện thực hóa mục tiêu thịnh vượng chung

Thịnh vượng chung là mục tiêu giá trị quan trọng của phát triển tích hợp đô thị – nông thôn, đồng thời cung cấp một tầm nhìn tốt đẹp cho toàn dân cùng đoàn kết phấn đấu. Tuy nhiên, hiện nay, Trung Quốc vẫn đang phải đối mặt với những hạn chế và thách thức trong quá trình phát triển tích hợp, bao gồm:

- Dòng chảy các yếu tố sản xuất giữa đô thị và nông thôn còn kém thông suốt;
- Mức độ tích hợp các ngành nghề, lĩnh vực giữa hai khu vực còn thấp;
- Chênh lệch lớn về cơ sở hạ tầng và cung ứng dịch vụ công;
- Sự mất cân bằng trong tương tác văn hóa;
- Thiếu tính toàn diện trong hội nhập sinh thái giữa đô thị và nông thôn.

Rõ ràng, để hiện thực hóa thịnh vượng chung cần tập trung giải quyết những khó khăn trong phát triển nông thôn; việc làm thế nào để cư dân đô thị và nông thôn cùng đạt được thịnh vượng là một vấn đề quan trọng, không thể tránh né và đang rất cấp thiết phải giải quyết. Do đó, cần đặc biệt quan tâm đến một thực trạng xã hội quan trọng đó là khoảng cách phát triển giữa đô thị và nông thôn còn lớn, cùng với việc phát triển nông nghiệp và nông thôn chưa đầy đủ.

Trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện các cơ chế khuyến khích lâu dài như khởi nghiệp nông thôn, quản lý và sử dụng đất, nhằm thu hút nông dân đi làm xa trở về nông thôn và những cư dân đô thị có ý định khởi nghiệp ở nông thôn tham gia lao động, sản xuất và kinh doanh, từ đó thúc đẩy tiến trình xây dựng thịnh vượng chung toàn xã hội. Tiếp theo, cần thúc đẩy sự hội nhập sâu rộng giữa các ngành nghề và lĩnh vực của đô thị – nông thôn, tạo nền tảng vật chất vững chắc để đạt được thịnh vượng chung, đồng thời không ngừng mở rộng “chiếc bánh thịnh vượng” cho toàn xã hội.

Đồng thời, việc phân chia “chiếc bánh thịnh vượng” một cách công bằng và hợp lý cũng đặc biệt quan trọng. Cần phát huy vai trò điều tiết của Chính phủ thông qua thuế, các khoản chuyển giao ngân sách, trợ cấp nông nghiệp, nhằm vừa theo đuổi hiệu quả kinh tế vừa đảm bảo công bằng xã hội. Đặc biệt, cần bảo vệ quyền lợi hợp pháp về thu nhập tài sản và thu nhập kinh doanh của nông dân, tăng dần lợi tức từ đất và thu nhập khả dụng của nông dân, thúc đẩy tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ công ở nông thôn, từ đó dần thu hẹp khoảng cách về đời sống giữa đô thị và nông thôn, tạo môi trường xã hội thuận lợi cho việc thúc đẩy thịnh vượng chung.

CHƯƠNG 2: NGUỒN GỐC LÝ LUẬN CỦA PHÁT TRIỂN TÍCH HỢP ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN Ở TRUNG QUỐC

Tư tưởng phát triển tích hợp đô thị – nông thôn trong chủ nghĩa Mác là nền tảng lý luận quan trọng để nước ta thúc đẩy tiến trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn trong thời đại mới. Hiện nay, Trung Quốc đang đứng trước thời kỳ quan trọng với những cơ hội chiến lược lớn cho phát triển, đồng thời cũng bước vào giai đoạn các mâu thuẫn xã hội biểu hiện ngày càng rõ nét. Do đó, cần phải dựa trên vị thế lịch sử mới, đào sâu khai thác tư tưởng về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn của các nhà kinh điển Mác-xít, đặt vấn đề phát triển tích hợp đô thị – nông thôn trong toàn bộ tiến trình lịch sử kể từ khi nước Trung Quốc mới thành lập để phân tích và khảo sát. Điều này nhằm tăng cường nhận thức đối với phát triển tích hợp đô thị – nông thôn, đồng thời cung cấp cơ sở lý luận vững chắc cho việc thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn trong thời đại mới.

2.1. Tư tưởng của các nhà kinh điển Mác-xít về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn

Các nhà kinh điển Mác-xít như C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ đã phân tích sâu sắc mối quan hệ giữa đô thị và nông thôn từ góc độ lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội, đồng thời dự báo một cách khoa học xu thế lịch sử của “phát triển tích hợp đô thị – nông thôn”. Các ông đã xây dựng hệ thống tư tưởng về quan hệ tích hợp đô thị – nông thôn trên cơ sở thống nhất giữa tính thực tiễn, tính chân lý và tính khoa học. Với việc luận giải đúng đắn quy luật khách quan trong sự hình thành và biến đổi của quan hệ đô thị – nông thôn, Mác và Ăng-ghe-nơ chỉ ra rằng quá trình tích hợp đô thị – nông thôn là một tiến trình lịch sử mang tính tự nhiên và diễn ra dần dần.

Kế thừa lập trường lý luận đó, V.I. Lênin, trên cơ sở tình hình cụ thể của nước Nga và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã vận dụng quan điểm Mác-xít để nghiên cứu quan hệ giữa thành thị và nông thôn ở Nga; đồng thời phân tích căn nguyên cũng như các phương thức giải quyết tình trạng mất cân đối và mâu thuẫn giữa hai khu vực này, qua đó làm phong phú và mở rộng tư tưởng về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn của Mác và Ăng-ghe-nơ. Việc nghiên cứu tư tưởng của các nhà kinh điển thuộc học thuyết Mác-xít về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn tư tưởng này trong quá trình hiện thực hóa chủ nghĩa Mác dưới bối cảnh Trung Quốc, đồng thời tạo cơ sở vững chắc để tiếp tục khám phá những hướng đi phù hợp cho tiến trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn của Trung Quốc trong tương lai.

2.1.1. Tư tưởng về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn của C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ

C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ đã đúng đắn khám phá ra quy luật khách quan trong sự hình thành và biến đổi của quan hệ đô thị – nông thôn, và trong các tác phẩm kinh điển như *Tư tưởng Đức*, *Chống Đühring*, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có thể nhận thấy những tia sáng tư tưởng về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Họ chứng kiến thực trạng mất cân đối trong phát triển đô thị – nông thôn tại Đức, Pháp và Anh trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản phát triển. Trên cơ sở phê phán và kế thừa các quan niệm về đô thị – nông thôn trong kinh tế chính trị học cổ điển và chủ nghĩa xã hội không tưởng, C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ đã vận dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, từ góc độ lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, để phân tích quá trình lịch sử về sự tách biệt, đối lập và tích hợp giữa đô thị và nông thôn. Họ cũng chỉ ra rằng để hiện thực hóa phát triển

tích hợp đô thị – nông thôn cần thỏa mãn những điều kiện nhất định, qua đó cung cấp công cụ lý luận quan trọng giúp nhận thức đúng đắn mối quan hệ đô thị – nông thôn và thúc đẩy tiến trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn.

(1) Từ đối lập đến phát triển tích hợp đô thị – nông thôn

Trong xã hội nguyên thủy, trình độ của lực lượng sản xuất còn cực kỳ thấp, con người sống tập trung thành nhóm nhưng chưa hình thành được phân công lao động xã hội thực sự, nên không có sự khác biệt rõ ràng giữa đô thị và nông thôn. Sau đó, khi trình độ lực lượng sản xuất được nâng cao và phân công lao động ngày càng tinh vi, các chợ buôn bán hàng hóa liên tục xuất hiện, quy mô giao dịch không ngừng mở rộng, dần hình thành các đô thị với hình thái khác biệt so với nông thôn, và từ đó sự khác biệt và đối lập giữa đô thị và nông thôn bắt đầu xuất hiện.

Sau Cách mạng công nghiệp, các xưởng thủ công dần biến mất khỏi tầm nhìn của con người, thay vào đó là sự ứng dụng rộng rãi của công nghiệp máy móc quy mô lớn. Hình thức sản xuất này có đặc điểm nổi bật là phân công và hợp tác cao độ, thu hút liên tục các yếu tố như lao động, nhu cầu thị trường và vốn tập trung vào các đô thị, khiến lực lượng sản xuất đô thị đạt mức tăng trưởng chưa từng có trong lịch sử. Trong các lĩnh vực kinh tế – xã hội, chính trị và văn hóa, đô thị so với nông thôn sở hữu lợi thế tuyệt đối không thể lay chuyển, hình thành mô hình phân cực “trung tâm – vùng ven” giữa đô thị và nông thôn.

Điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của cả đô thị và nông thôn, đồng thời gây ra những tác động bất lợi cho cả hai khu vực. Một mặt, dưới tác động của vốn, số lượng và quy mô đô thị mở rộng một cách “cuồng loạn”, dẫn đến những vấn đề như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, khó khăn về nhà ở, thường được gọi là “bệnh đô thị”; trong khi đó, nông thôn, do dòng người đông đảo đổ về đô thị cùng với sự mất mát các tư liệu sản xuất và sinh hoạt, trở nên cô lập và suy tàn. Mặt khác, nó còn dẫn đến sự phát triển méo mó và phiến diện của con người: sự đối lập giữa đô thị và nông thôn khiến người dân đô thị bị hệ thống máy móc chi phối, phải làm việc quá sức hàng ngày, trong khi người dân nông thôn lại bị chính sự lạc hậu và hạn chế của bản thân kìm hãm.

Vào thời điểm đó, trình độ phát triển lực lượng sản xuất vẫn chưa đạt đến mức có thể xóa bỏ sự phân hóa lợi ích và mâu thuẫn phát sinh từ sự mất cân bằng và thiếu đồng bộ trong phát triển đô thị – nông thôn. Dưới tác động của chế độ sở hữu tư nhân, mâu thuẫn giữa đô thị và nông thôn càng trở nên gay gắt. C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ cho rằng mối quan hệ đối lập giữa đô thị và nông thôn là sản phẩm của lịch sử, và cuối cùng chắc chắn sẽ đi tới sự tích hợp. Đồng thời, họ cũng nhận thức rõ ràng rằng việc hiện thực hóa phát triển tích hợp đô thị – nông thôn là một quá trình thực tiễn lâu dài, liên tục phát triển và hoàn thiện, đồng thời cần thỏa mãn nhiều điều kiện tiên quyết khác nhau.⁶

(2) Các phương thức thực hiện phát triển tích hợp đô thị – nông thôn

Thứ nhất, đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất để tạo nền tảng vật chất vững chắc cho phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Một tiên đề quan trọng để thu hẹp khoảng

⁶ C.Mác, Ph. Ăng-ghe-nơ. Tuyển tập C.Mác – Ph. Ăng-ghe-nơ (Tập 4) [M]. Bắc Kinh: Nhà xuất bản Nhân dân, 2012: 179–180.

cách và xóa bỏ đối lập giữa đô thị và nông thôn là lực lượng sản xuất phải đạt trình độ phát triển cao. Chỉ khi sản xuất ra các sản phẩm lao động phong phú và đa dạng mới có thể đáp ứng nhu cầu về điều kiện vật chất của tất cả các thành viên trong xã hội, đồng thời tránh được tình trạng một số người có xu hướng chiếm đoạt tài nguyên.⁷ Hơn nữa, khi lực lượng sản xuất phát triển ở mức cao, con người sẽ thoát khỏi trạng thái chỉ bận rộn cho sinh tồn, có thời gian rảnh dỗi dào dạt và tự do hơn, từ đó có thể học tập những kiến thức, nghệ thuật, kỹ thuật mà bản thân quan tâm, nhằm theo đuổi cuộc sống tinh thần và văn hóa ở mức cao hơn.

Thứ hai, hiện thực hóa sự kết hợp giữa công nghiệp và nông nghiệp. Công nghiệp và nông nghiệp bổ trợ lẫn nhau và có mối quan hệ mật thiết: nông nghiệp cung cấp cho công nghiệp lượng lớn tư liệu sản xuất và lao động giá rẻ, trong khi công nghiệp cung cấp cho nông nghiệp thị trường, khoa học kỹ thuật tiên tiến và công cụ sản xuất. Để giải quyết vấn đề sự tha hóa con người do phân công lao động cũ gây ra, cần phải thúc đẩy sự tích hợp sâu sắc giữa công nghiệp và nông nghiệp, cho phép tất cả các nhà sản xuất công – nông trong xã hội được tự do di chuyển, đồng thời phân bổ cân bằng các ngành công nghiệp lớn trên phạm vi toàn quốc. So với nông thôn, đô thị sở hữu lợi thế rõ rệt, không chỉ là trung tâm của các hoạt động kinh tế như công – thương nghiệp, mà còn có nguồn lực phong phú, phát triển về giáo dục – khoa học – văn hóa – y tế, cơ sở hạ tầng và dịch vụ công hoàn thiện, cùng với các hoạt động giải trí đa dạng. Công nghiệp còn thể hiện trình độ phát triển của lực lượng sản xuất tiên tiến, tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết các vấn đề đô thị – nông thôn. Do đó, cần phân bổ công nghiệp một cách cân bằng tại các đô thị và nông thôn trên toàn quốc, đồng thời đẩy mạnh việc đưa các kỹ thuật công nghiệp tiên tiến về nông thôn, áp dụng các phương thức vận hành quy mô lớn và kỹ thuật hóa trong công nghiệp vào sản xuất nông nghiệp. Việc này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy sự phát triển hài hòa giữa công nghiệp và nông nghiệp, cũng như đổi mới nhận thức của người dân nông thôn.

Thứ ba, xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất. Nguyên nhân gốc rễ dẫn đến mâu thuẫn và đối lập giữa đô thị và nông thôn chính là sự tồn tại của chế độ sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất. Trong cách thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư bản thiết lập nhiều thể chế nhằm bảo vệ quyền thống trị, chiếm đoạt tư liệu sản xuất nông thôn một cách ồ ạt và truy cầu lợi nhuận, dẫn đến các “căn bệnh đô thị – nông thôn”, trong đó đô thị bóc lột nông thôn, công nghiệp áp bức nông nghiệp, khiến mâu thuẫn đô thị – nông thôn trở nên cực kỳ gay gắt. Vấn đề đối lập đô thị – nông thôn chỉ có thể được giải quyết trên cơ sở sở hữu công cộng. Do đó, cần thiết lập chế độ sở hữu công đối với tư liệu sản xuất, hệ thống này sẽ phân bổ hợp lý các tư liệu sản xuất như lao động, đất đai, kỹ thuật, tiến hành sản xuất và phân phối theo kế hoạch, có tổ chức, nhằm phát triển lực lượng sản xuất tối đa và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của tất cả thành viên lao động trong xã hội. Các thành tựu khoa học – công nghệ cũng có thể được ứng dụng quy mô lớn vào sản xuất nông nghiệp, giải phóng lực lượng sản xuất nông thôn và tạo điều kiện cho sự thịnh vượng và phát triển của nông thôn. Con người sẽ không còn bị ràng buộc bởi sự phân công lao động đô thị – nông thôn, bởi ranh giới giữa đô thị và nông thôn, hay giữa công nghiệp và nông nghiệp. Lao động sẽ trở thành con đường thúc đẩy sự phát triển tự do và toàn diện của con người, thay vì chỉ là phương tiện mưu sinh đơn thuần.

⁷ C.Mác, Ph. Ăng-ghe-n. Tuyển tập C.Mác – Ph. Ăng-ghe-n (Tập 3) [M]. Bắc Kinh: Nhà xuất bản Nhân dân, 2012: 264.

2.1.2. Tư tưởng về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn của Lênin

Lênin vận dụng lý thuyết về quan hệ đô thị – nông thôn của Mác và Ăng-ghe-n, kết hợp với tình hình thực tiễn cách mạng và xây dựng ở Nga, tiến hành nghiên cứu sâu sắc các mâu thuẫn đô thị – nông thôn của Nga, đồng thời lý luận và thiết kế chặt chẽ các phương thức hiện thực hóa phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Tư tưởng về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn của Lênin không chỉ làm phong phú và phát triển hơn tư tưởng đô thị – nông thôn của Mác và Ăng-ghe-n, mà còn đóng góp quan trọng vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, đồng thời đặt nền tảng lý luận và thực tiễn vững chắc cho công cuộc xây dựng đô thị và nông thôn ở Liên Xô. Tư tưởng này cũng thúc đẩy sự truyền bá và phát triển của tư tưởng Mác – Ăng-ghe-n về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn tại Trung Quốc, mang đến cho Trung Quốc những kinh nghiệm quý báu có thể tham khảo và vận dụng.

Thứ nhất, củng cố liên minh công – nông. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, các thế lực phản động mạnh mẽ trong và ngoài nước liên tục tấn công chính quyền Bolshevik do Lênin lãnh đạo. Trong bối cảnh nguy cơ nội ngoại đe dọa, Lênin đề xuất rằng giai cấp vô sản đô thị cần liên kết với giai cấp nông dân nhằm bảo vệ chính quyền Xô viết non trẻ. Dựa trên thực trạng nông nghiệp và nông dân ở Nga, Lênin đã đề ra một loạt chính sách kinh tế nhằm cải thiện quan hệ đô thị – nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và tăng cường động lực sản xuất của nông dân. Ông đề xuất thuế lương thực và cơ chế lưu thông tự do, cho phép nông dân tự chủ trong sản xuất và phân phối, đồng thời thúc đẩy lưu thông hàng hóa và phát triển sản xuất thông qua việc trao đổi thường xuyên giữa sản phẩm công nghiệp và nông sản.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất. Lênin đặc biệt chú trọng đến phát triển giao thông giữa đô thị và nông thôn, cho rằng việc rút ngắn khoảng cách giữa đô thị và nông thôn là yếu tố then chốt để phát triển lực lượng sản xuất. Nhờ giao thông phát triển, tốc độ trao đổi hàng hóa giữa đô thị và nông thôn được tăng nhanh, đồng thời dòng chảy dân cư trở nên thuận tiện hơn. Hơn nữa, Lênin nhận thấy công nghệ tiên tiến của đô thị có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với phát triển nông thôn, vì tiến bộ kỹ thuật có thể mang lại những thay đổi sâu sắc cho nông thôn. Đô thị cần cung cấp cho nông thôn các tư liệu sản xuất cần thiết như máy móc nông nghiệp, đồng thời dựa trên cơ sở kỹ thuật “điện khí hóa” để thúc đẩy nông nghiệp dần đi theo hướng chuyên môn hóa và công nghiệp hóa. Lênin cũng đặc biệt coi trọng xây dựng văn hóa nông thôn, tăng cường đầu tư giáo dục ở nông thôn, tổ chức các chiến dịch xóa mù chữ quy mô lớn, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên nông thôn, cung cấp sách vở, báo chí, mở trường học nông dân, đồng thời tiến hành giáo dục tư tưởng – chính trị cho nông dân nhằm nâng cao trình độ văn hóa ở nông thôn.

2.2. Tư tưởng về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn của các thế hệ lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc

2.2.1. Tư tưởng của Mao Trạch Đông về cân bằng phát triển đô thị – nông thôn

Mao Trạch Đông luôn tôn trọng tinh hoa tư tưởng về phát triển đô thị – nông thôn của chủ nghĩa Mác – Lênin, trong quá trình lãnh đạo xây dựng nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, ông đã tiến hành nghiên cứu một cách hệ thống và sâu sắc về quan hệ đô thị – nông thôn, đồng thời sáng tạo khám phá ra các tư tưởng quan hệ đô thị – nông thôn như:

- “Nông thôn bao vây thành thị”,
- Liên minh công – nông,
- Chuyển dịch lao động dư thừa nông thôn,
- Phát triển cân bằng nông nghiệp – công nghiệp nhẹ – nặng.

Những tư tưởng này đã làm phong phú, mở rộng và đổi mới tư tưởng phát triển tích hợp đô thị – nông thôn của chủ nghĩa Mác, đồng thời mang lại những gợi ý quan trọng và giá trị tham khảo cho công cuộc xây dựng đô thị – nông thôn trong thời đại mới.

(1) *Lấy đô thị làm trọng tâm, cân bằng phát triển đô thị và nông thôn*

Mao Trạch Đông đã tiến hành phân tích sâu sắc và cụ thể về cấu trúc hai cực đô thị – nông thôn ở Trung Quốc, đồng thời sáng suốt chỉ ra rằng trọng tâm công tác của Đảng tạm thời đặt ở nông thôn, nhưng khi các điều kiện cần thiết được đáp ứng, trọng tâm công tác của Đảng tất yếu sẽ chuyển sang đô thị. Lý do là đô thị tập trung các yếu tố sản xuất tiên tiến, đại diện là công nghiệp hiện đại, vốn là lực lượng sản xuất tiên tiến. Đô thị dẫn dắt nông thôn là yêu cầu tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất, tận dụng công nghiệp hiện đại và khoa học – kỹ thuật tiên tiến của đô thị để thúc đẩy nền kinh tế tiểu nông còn khép kín và lạc hậu, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi Trung Quốc từ một quốc gia nông nghiệp truyền thống sang quốc gia công nghiệp hiện đại.

Dựa trên cơ sở này, sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, Mao Trạch Đông nhiều lần nhấn mạnh tư tưởng “đô thị là trung tâm” và “quốc gia công nghiệp mạnh”, nhấn mạnh rằng phải học cách xây dựng và quản lý tốt đô thị, nhưng không được bỏ rơi nông thôn; phát triển phải đảm bảo cân bằng giữa đô thị và nông thôn. Nhà nước cũng chủ động cân bằng lợi ích giữa đô thị và nông thôn, tuân thủ nguyên tắc trao đổi sản phẩm công – nông tương đương, đồng thời bảo đảm lợi ích của nông dân, áp dụng các chính sách ưu đãi cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân, nhằm thúc đẩy tương tác kinh tế giữa đô thị và nông thôn.⁸

Ngoài ra, Mao Trạch Đông còn chỉ ra rằng, để đảm bảo sự thịnh vượng và phát triển của đô thị, cần phải giải quyết các vấn đề nhà ở, lương thực của cư dân đô thị, đồng thời kiểm soát số lượng dân cư đô thị. Trong những năm đầu sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, nhiều đô thị lớn gặp khó khăn về nhà ở. Trước tình hình này, Mao Trạch Đông đề xuất rằng đô thị phải xây dựng nhà ở cho cư dân một cách có kế hoạch, nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản trong đời sống của nhân dân. Bên cạnh đó, đô thị tập trung lượng lớn dân cư; nếu nguồn cung rau xanh không đủ, sẽ dẫn đến biến động giá cả trên thị trường lương thực, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế – xã hội có trật tự của đô thị. Do đó, Mao Trạch Đông đề xuất phát triển sản xuất rau xanh tại ngoại ô đô thị, triển khai “dự án giỏ rau” nhằm đảm bảo nguồn cung thực phẩm ổn định cho dân cư đô thị.⁹ Mao Trạch Đông cũng đã đề xuất một cách tiên đoán về việc kiểm soát dân số đô thị, chỉ ra những hệ quả tiêu cực do sự bùng nổ quá mức của dân số thành thị. Tư tưởng này cũng đã gợi mở cho chính sách kế hoạch hóa gia đình sau này của Trung Quốc.

⁸ Lý Kiến Kiến, Hứa Thái Linh. “Tư tưởng về quan hệ đô thị – nông thôn của Mao Trạch Đông: Tóm lược mạch lạc và những gợi ý kinh nghiệm”. *Nghiên cứu Kinh tế Đương đại*, 2014(11): 5–12+2+97.

⁹ Tạ Tiêu Phi. “Tư tưởng phát triển tích hợp đô thị – nông thôn của Mao Trạch Đông và việc xây dựng toàn diện xã hội khá giả.” *Tạp chí Đại học Hàng không – Vũ trụ Nam Kinh (Phiên bản Khoa học Xã hội)*, 2021, 23(01): 27.

(2) Công – nông song hành, cân đối tổng thể

Sau khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, trong nội bộ Trung Quốc tồn tại thực trạng “một nghèo hai trắng” (nghèo nàn về kinh tế, trắng tay về tài nguyên và văn hóa), với công nghiệp lạc hậu và năng suất thấp, đồng thời quốc gia lại bị các nước tư bản cô lập và đe dọa, khiến toàn xã hội trăm bề khó khăn, mọi việc đều phải khởi dựng lại từ đầu. Để đảm bảo quốc gia trường tồn và củng cố chính quyền nhân dân, Đảng và Nhà nước, sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng và cân nhắc nhiều phương diện, đã xác định chính sách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng với trọng tâm là thành thị.

Mô hình “Liên Xô” thành công đã cung cấp cho Trung Quốc một khuôn mẫu phát triển tham khảo, vừa thực tế vừa có khả năng triển khai. Phát triển công nghiệp nặng đòi hỏi nguồn nguyên liệu và vốn lớn, trong khi Trung Quốc là một quốc gia nông nghiệp lớn, do đó để tối đa hóa việc tập trung tư liệu sản xuất hiện có vào xây dựng công nghiệp hóa quốc gia, nhà nước đã áp dụng chính sách dùng nông nghiệp hỗ trợ công nghiệp, dùng nông thôn nuôi thành thị, nhằm hỗ trợ phát triển thành phố và công nghiệp. Tuy nhiên, chiến lược phát triển thiên về thành thị này, với việc nhấn mạnh phát triển công nghiệp nặng một cách đơn phương, đã ức chế nghiêm trọng sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn và nông dân, phần nào hy sinh lợi ích của họ, dẫn đến mất cân đối nghiêm trọng giữa công nghiệp và nông nghiệp. Từ một góc nhìn khác, đây cũng là lựa chọn tất yếu đối với một “quốc gia nông nghiệp lạc hậu” đi theo con đường công nghiệp hóa dựa trên tích lũy nội bộ.

Mao Trạch Đông rút ra bài học từ việc Liên Xô thực hiện chính sách “một chân đi trước” trong thời gian dài (phát triển công nghiệp nặng một cách ưu tiên, bỏ qua nông nghiệp và đời sống dân sinh, dẫn đến mất cân đối kinh tế), và tiến hành tái điều chỉnh mối quan hệ công – nông của Trung Quốc. Ông nhiều lần nhấn mạnh rằng cần phải đảm bảo công tác sản xuất nông nghiệp, bảo đảm vụ mùa bội thu. Phát triển công nghiệp phải dựa trên nền tảng nông nghiệp, chỉ khi vấn đề lương thực của nhân dân được giải quyết, việc phát triển công nghiệp mới có thể tiến hành, và sự phát triển đó mới có một nền tảng vững chắc.

Do đó, Mao Trạch Đông chủ trương nông nghiệp phải đi theo con đường “tập thể hóa” và “cơ giới hóa”. Cơ giới hóa nông nghiệp giúp nâng cao đáng kể hiệu quả sản xuất nông nghiệp, trong khi sản xuất tập thể thuận lợi cho việc cơ giới hóa đồng ruộng quy mô lớn, đồng thời giúp phổ biến kỹ thuật sản xuất nông nghiệp đến nông dân. Thông qua hình thức hợp tác xã, nông dân được tổ chức tập trung, phát huy tối đa vai trò cầu nối và liên kết của hợp tác xã, tạo điều kiện để cán bộ cơ sở và quần chúng cùng tham gia sản xuất, đồng thời thu hẹp khoảng cách giữa cán bộ và dân.

Bên cạnh đó, Mao Trạch Đông nhận thấy rõ những khoảng cách lớn giữa y tế – chăm sóc sức khỏe ở thành thị và nông thôn, cũng như tình trạng giáo dục mất cân đối nghiêm trọng, văn hóa – giáo dục nông thôn còn lạc hậu. Ông nhiều lần nhấn mạnh cần thu hẹp khoảng cách đời sống giữa cư dân thành thị và nông thôn, đặt trọng tâm công tác y tế vào nông thôn, tăng cường xây dựng hệ thống hợp tác y tế nông thôn, hình thành một lực lượng “bác sĩ chân đất” tương đối đầy đủ về số lượng, đồng thời kêu gọi trí thức lên núi xuống làng, hỗ trợ công tác xây dựng và phát triển nông thôn.

2.2.2. Tư tưởng của Đặng Tiểu Bình về mối quan hệ tương hỗ giữa đô thị và nông thôn

(1) Chú trọng phát triển nông nghiệp

Đặng Tiểu Bình, dựa trên thực trạng Trung Quốc là một quốc gia nông nghiệp lớn, đã có nhận thức sâu sắc hơn về vị trí cơ bản và vai trò của nông nghiệp, từ đó đưa ra quan điểm “nông nghiệp là nền tảng”.

Trước hết, nông nghiệp là nền tảng sinh tồn của con người; “dân dĩ thực vi thiên” (lấy lương thực làm trọng). Ở một quốc gia đông dân như Trung Quốc, việc đảm bảo sản xuất nông nghiệp là điều kiện tiên quyết để bảo đảm sự sống cơ bản của nhân dân. Do đó, về mặt tư tưởng, cần nhận thức một cách chân thực về vị trí cốt lõi của nông nghiệp, đặt nông nghiệp lên hàng đầu trong phát triển kinh tế quốc dân, đồng thời khơi dậy tinh thần tích cực của nông dân trong sản xuất nông nghiệp và đảm bảo tính liên tục, ổn định của sản xuất nông nghiệp.¹⁰

Thứ hai, nông nghiệp là nền tảng cho sự phát triển công nghiệp, hai ngành này có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau và kiềm chế lẫn nhau. Nông nghiệp là ngành cơ bản của Trung Quốc, vừa cung cấp lương thực và các nhu yếu phẩm thiết yếu cho cư dân đô thị, vừa cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào, thị trường rộng lớn và lực lượng lao động liên tục cho công nghiệp. Tốc độ phát triển càng nhanh và quy mô công nghiệp càng lớn thì vai trò hỗ trợ và bảo đảm của nông nghiệp càng nổi bật.

Trên cơ sở đó, Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh rằng công nghiệp cần hỗ trợ nông nghiệp, sự phát triển nhanh chóng của đô thị và công nghiệp có thể thúc đẩy hiệu quả sự phát triển của nông thôn. Đồng thời, đô thị cung cấp cho cư dân nông thôn các sản phẩm công nghiệp đa dạng, đáp ứng nhu cầu về ăn, mặc, sử dụng của nhân dân, giảm gánh nặng cho nông nghiệp. Đô thị còn cần ứng dụng các công nghệ tiên tiến để hỗ trợ nông nghiệp và chăn nuôi, tăng cường phân công lao động và hợp tác giữa công nghiệp và nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, giúp nông dân tăng năng suất và thu nhập. Chỉ khi đó, quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp mới được thúc đẩy, từ từ thu hẹp khoảng cách giữa công nghiệp và nông nghiệp, đồng thời giảm bớt sự chênh lệch và bất cân đối giữa đô thị và nông thôn.

(2) Vai trò của khoa học công nghệ trong mối quan hệ tương hỗ đô thị – nông thôn

Dựa trên yêu cầu hiện đại hóa của Trung Quốc và từ góc độ phát triển lâu dài của quốc gia, Đặng Tiểu Bình chỉ ra rằng cả đô thị và nông thôn đều cần được hỗ trợ bởi khoa học, công nghệ và giáo dục tiên tiến. Ông nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa phát triển khoa học công nghệ và năng lực sản xuất, đồng thời đưa ra những quan điểm nổi tiếng như “Khoa học và công nghệ là lực lượng sản xuất hàng đầu”, “Phát triển nông nghiệp dựa trên khoa học công nghệ”, và “Phải đề cao khoa học, dựa vào khoa học mới có hy vọng”.

Tại thời điểm đó, trình độ giáo dục và nguồn lực giáo dục ở nông thôn còn hạn chế, năng lực khoa học công nghệ của Trung Quốc chưa phát triển đầy đủ, sức mạnh công nghệ còn yếu và khoảng cách so với trình độ tiên tiến của thế giới vẫn rất lớn. Trên cơ sở này, Đặng Tiểu Bình đề xuất tư tưởng “phát triển nông nghiệp dựa trên khoa học công nghệ”. Ông cho rằng khoa học công nghệ hiện đại là động lực quan trọng để thúc đẩy hiện

¹⁰ Vương Huy, Tào Phong Kỳ. Tư tưởng về phát triển kinh tế tích hợp đô thị – nông thôn của Đặng Tiểu Bình và những gợi ý thực tiễn [J]. *Tạp chí Đại học Sư phạm Tế Lưu*, 2019, 34(06): 92.

đại hóa nông nghiệp, đồng thời cần xây dựng một khung chiến lược phát triển khoa học công nghệ nông nghiệp, giúp nông dân nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của khoa học công nghệ đối với nông nghiệp, nâng cao trình độ văn hóa – khoa học và đào tạo thể hệ lao động tri thức mới.

Ngoài ra, thông qua sự hỗ trợ của ngành công nghiệp và khai thác sức mạnh của khoa học – công nghệ để chuyển đổi phương thức phát triển nông nghiệp truyền thống, đơn nhất, nâng cao hiệu quả và chất lượng sản xuất, tìm kiếm lối đi cho sự hiện đại hóa nông nghiệp dựa trên kỹ thuật. Việc ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học – công nghệ vào nông nghiệp và nông thôn đã đáp ứng nhu cầu phát triển của đại bộ phận nông dân, giúp người dân nông thôn được thụ hưởng lối sống và phương thức sản xuất hiện đại, đồng thời thúc đẩy quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn.

Đồng thời, Chính phủ cần tiếp tục tăng cường đầu tư vốn vào lĩnh vực đổi mới công nghệ nông nghiệp, khuyến khích đội ngũ cán bộ khoa học tích cực tham gia nghiên cứu và phát triển công nghệ nông nghiệp, đẩy nhanh chuyển giao kết quả khoa học – công nghệ, cải tiến phương thức sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, thúc đẩy sự phát triển hơn nữa của năng suất lao động. Vì vậy, việc bồi dưỡng nhân lực khoa học – công nghệ là hết sức quan trọng; sự nghiệp khoa học – công nghệ của nước ta cần được thể hệ trẻ kế thừa, đồng thời cần tập trung đào tạo một đội ngũ nhân lực khoa học chất lượng cao, vừa có phẩm chất chính trị tốt vừa có chuyên môn vững vàng, làm nền tảng khoa học – công nghệ để thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn.

(3) Phát triển doanh nghiệp ở các thị trấn và thôn xã

Đặng Tiểu Bình kiên trì xuất phát từ thực tiễn, sớm nhận thấy mâu thuẫn giữa con người và đất đai ở Trung Quốc ngày càng nổi bật, lực lượng lao động dư thừa ở nông thôn quá lớn, đồng thời các hoạt động trao đổi giữa thành thị và nông thôn tồn tại nhiều vấn đề. Trên cơ sở thực tiễn này, ông hình thành tư tưởng về việc nông nghiệp đi theo con đường công nghiệp hóa.

Các doanh nghiệp ở thị trấn và thôn xã của Trung Quốc là kết quả của sự phát triển không ngừng của nghề thủ công tập thể, đồng thời cũng là hiện tượng mới nảy sinh trong quá trình cải cách nông thôn của đất nước, phá vỡ nền kinh tế tự cấp tự túc của tiểu nông và tác động hiệu quả vào cấu trúc nhị nguyên thành thị – nông thôn. Đặng Tiểu Bình cho rằng đặc điểm tình hình quốc gia của Trung Quốc mang tính đặc thù, do đó nông thôn phải phát triển kinh doanh đa dạng, công nghiệp và ngành dịch vụ thứ ba, đặc biệt là thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp ở thị trấn và thôn xã, mới có thể hướng tới thịnh vượng chung và giải quyết vấn đề lao động dư thừa ở nông thôn.

Dưới sự dẫn dắt của tư tưởng này, các doanh nghiệp ở thị trấn và thôn xã trên toàn quốc đồng loạt xuất hiện, năng lực phát triển kinh tế nông thôn được nâng cao, cấu trúc ngành nghề đơn lẻ của nông thôn bị phá vỡ, đồng thời thúc đẩy hiện đại hóa và thị trường hóa nông nghiệp, góp phần làm dịu mâu thuẫn giữa thành thị và nông thôn.

Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh rằng doanh nghiệp thị trấn – thôn xã có vị trí vô cùng quan trọng, được thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Tác động dẫn dắt mạnh mẽ: Doanh nghiệp thị trấn – thôn xã nâng cao đáng kể năng suất nông nghiệp. Sự phát triển hiện đại hóa nông nghiệp giúp ngày càng nhiều

thiết bị công nghệ tiên tiến thay thế lao động thủ công đơn giản, giảm gánh nặng lao động cho nông dân.

- Chế biến sâu nông sản và phát triển tích hợp sản xuất – cung ứng – tiêu thụ: Doanh nghiệp thị trấn – thôn xã tận dụng thiết bị cơ giới để chế biến nông sản, thúc đẩy nông sản phát triển theo hướng quy mô hóa, chuyên môn hóa, đa dạng hóa chủng loại, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Hình thức tương tác đô thị – nông thôn và công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp: Doanh nghiệp thị trấn – thôn xã sản xuất các sản phẩm công nghiệp phục vụ nông thôn và nông nghiệp, nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân, thúc đẩy quá trình đô thị hóa và tiến bộ tư tưởng của người dân, trở thành cầu nối quan trọng trong giao lưu và tương tác giữa thành thị và nông thôn.

2.2.3. Tư tưởng của Giang Trạch Dân về phát triển hài hòa đô thị – nông thôn

Trong giai đoạn đầu của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, tập thể lãnh đạo Trung ương thể hệ thứ ba, đứng đầu là Giang Trạch Dân đã tổng kết sâu sắc những kinh nghiệm và bài học về phát triển đô thị – nông thôn kể từ sau cải cách mở cửa; phân tích bối cảnh cục diện thế giới chuyển dịch theo hướng đa cực hóa và tình trạng đối lập gay gắt giữa các hệ tư tưởng Đông – Tây; đồng thời nhận thức rõ mâu thuẫn giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn ở Trung Quốc ngày càng trở nên nổi bật. Trên cơ sở đó, hình thành tư tưởng phát triển đô thị – nông thôn mang tính phối hợp hài hòa. Để thích ứng tốt hơn với những biến đổi của thời đại và duy trì sự ổn định xã hội, Giang Trạch Dân đã kiên trì và tiếp tục phát triển tư tưởng “nông nghiệp là nền tảng” của Đặng Tiểu Bình. Ông nhiều lần nhấn mạnh rằng trong điều kiện kinh tế thị trường, thậm chí trong bất kỳ điều kiện nào, đều phải kiên định giữ vững vị trí nền tảng của nông nghiệp; phải bảo đảm cân đối cung – cầu lương thực; và phải nhận thức sâu sắc tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề lương thực.

Trong quá trình giải quyết vấn đề “tam nông”, Giang Trạch Dân cũng đã có những điều chỉnh phù hợp với tình hình mới và đưa ra hàng loạt quyết sách mang tính hiệu quả cao. Ông cho rằng cần vừa kiên trì thực hiện chế độ khoán hộ gia đình, vừa định hướng nông dân phát triển các mô hình sản xuất quy mô phù hợp, cơ giới hóa; đồng thời hoàn thiện hệ thống quản lý kinh doanh hai tầng “khoán hộ là chủ thể, tập thể hỗ trợ”. Giang Trạch Dân từng nhiều lần đi khảo sát tại các đô thị và thị trấn trên cả nước, chỉ rõ rằng đẩy nhanh xây dựng các thị trấn nhỏ là lựa chọn tất yếu để thúc đẩy phát triển đô thị – nông thôn mang tính phối hợp, qua đó tăng cường tương tác và giao lưu giữa hai khu vực.¹¹

Các thị trấn nhỏ nằm ở khu vực trung gian giữa thành thị và nông thôn, đồng thời mang những đặc trưng của cả hai. Thông qua các hoạt động giao lưu kinh tế, xã hội và văn hóa với đô thị, các thị trấn nhỏ góp phần thúc đẩy dòng chảy thông suốt của các yếu tố sản xuất giữa thành thị và nông thôn, mở rộng mạnh mẽ thị trường nông thôn và từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế ở khu vực này. Về cách thức xây dựng thị trấn nhỏ, Giang Trạch Dân cũng đưa ra những định hướng cụ thể. Ông nhấn mạnh cần căn cứ vào tình hình thực tế và đặc điểm của từng địa phương để tiến hành quy hoạch và bố trí hợp lý;

¹¹ Cung Vũ Vy, Lưu Diễm Quân, Dịch Tiểu Nhã. “Tổng quan các tài liệu nghiên cứu về quá trình Trung Quốc hóa tư tưởng quan hệ giữa thành thị và nông thôn của Mác và Ăng-ghen” [J]. *Diễn đàn Phương Nam*, 2021, (số 06): trang 31.

đồng thời phải có tầm nhìn dài hạn, xác định vị trí phát triển một cách chính xác và khoa học.

2.2.4. Tư tưởng của Hồ Cẩm Đào về phát triển đô thị – nông thôn theo hướng quy hoạch tổng thể

(1) Quan điểm quan trọng về xu hướng 2 chiều

Hồ Cẩm Đào tuân theo quy luật chung về sự phát triển quan hệ giữa đô thị và nông thôn mà C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã luận giải, đồng thời kế thừa tinh hoa trong tư tưởng *tương tác hỗ trợ giữa đô thị và nông thôn* của Đặng Tiểu Bình và *phát triển đô thị – nông thôn hài hòa* của Giang Trạch Dân. Trên cơ sở đó, ông tiến hành nghiên cứu sâu sắc và hệ thống về mối quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa thành thị và nông thôn, và đưa ra “quan điểm xu hướng 2 chiều”. Theo quan điểm này, ở giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, nông nghiệp phải hỗ trợ công nghiệp và cung cấp nguồn tích lũy cho công nghiệp – đây là yêu cầu tất yếu và có tính phổ biến. Khi công nghiệp hóa bước vào giai đoạn trung kỳ, công nghiệp phải hỗ trợ trở lại nông nghiệp, và các đô thị phải hỗ trợ ngược lại cho khu vực nông thôn.¹²

Ông nhấn mạnh rõ ràng, sự phát triển cần phải lấy “xu hướng 2 chiều” làm chủ đề, tổng kết quy luật của công nghiệp hóa, đô thị hóa và hiện đại hóa, đồng thời vạch ra quá trình phát triển của xã hội hài hòa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ông nhấn mạnh khi công nghiệp phát triển đến một giai đoạn nhất định, cần phải “hỗ trợ phản hồi” nông nghiệp; điều này không có nghĩa là nông nghiệp không còn phải hỗ trợ công nghiệp, cũng không có nghĩa là mức độ phát triển của công nghiệp đã đủ cao, mà là nhằm thực hiện tốt hơn mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội ổn định. Điều này đòi hỏi phải tiếp tục cải cách về thể chế và cơ chế những bộ phận cản trở sự phát triển năng lực sản xuất, đồng thời chủ động hơn trong việc hỗ trợ phát triển “tam nông” (nông nghiệp – nông thôn – nông dân). Hồ Cẩm Đào còn chỉ ra rằng, trong giai đoạn này, sự phát triển của Trung Quốc cần tự giác theo xu hướng “lấy đô thị dẫn dắt nông thôn”; chính phủ cần có chính sách và đầu tư nghiêng về nông thôn, giảm gánh nặng kinh tế cho nông dân, nâng cao mức bảo hiểm y tế và bao phủ an sinh xã hội, tạo thêm cơ hội việc làm cho nông dân tại các thành phố, giúp nông thôn bắt kịp nhịp phát triển của thành phố và thúc đẩy mối quan hệ đô thị – nông thôn đạt trạng thái cân bằng tương đối.

(2) Xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa

Để nhanh chóng khắc phục thực trạng mất cân đối nghiêm trọng trong phát triển đô thị – nông thôn ở Trung Quốc, Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã đề ra quyết sách quan trọng về xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Đây là một công trình mang tính hệ thống, có quy mô rộng lớn, vừa dài hạn vừa đầy thách thức. Xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa mang nội hàm phong phú và tính định hướng thực tiễn rõ rệt, là phương tiện quan trọng để thay đổi diện mạo nông thôn, đồng thời tăng cường gắn kết mối quan hệ đô thị – nông thôn. Do đó, cần nắm vững nguyên tắc và những nội dung trọng yếu của công cuộc này.

Trước hết, phải tiến hành quy hoạch tổng thể, triển khai một cách có kế hoạch và theo từng bước. Việc lập kế hoạch khoa học, dài hạn là điều quan trọng tối thiểu, đồng

¹² Lý Quân Cương, Không Chú Hải. Về tư tưởng phát triển cân đối đô thị – nông thôn của Hồ Cẩm Đào và ý nghĩa thực tiễn [J]. *Kinh tế sư*, 2013(09):27–28+31.

thời việc thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch cũng không thể xem nhẹ. Luôn đặt mục tiêu tổng thể là xây dựng xã hội khá giả toàn diện làm định hướng, tiến hành đồng thời việc xây dựng nông thôn mới với hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa và đô thị hóa. Bên cạnh đó, cần thực hiện những công tác cụ thể và hiệu quả cho nông thôn. Trong quá trình cải tạo, phải cố gắng tránh việc lặp lại các hạng mục xây dựng, đặc biệt là tránh tình trạng đầu tư nhiều nhân lực, tài lực, vật lực vào giai đoạn đầu nhưng sau đó vẫn phải tiến hành xây dựng lại.

Có thể bắt đầu từ việc tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Trong đó, chính phủ cần đẩy mạnh đầu tư và triển khai các hạng mục như đường giao thông nông thôn, hệ thống logistics, mạng lưới thông tin và các cơ sở hạ tầng khác, đồng thời hoàn thiện hệ thống cấp thoát nước, điện, khí đồng bộ giữa đô thị – nông thôn, xây dựng mạng lưới giao thông thuận tiện, hiệu quả và kết nối thông suốt giữa đô thị và nông thôn. Cần tập trung xử lý rác thải và nước thải sinh hoạt ở nông thôn, cải thiện cảnh quan và môi trường làng xã, giúp đời sống người dân thuận tiện hơn. Thứ hai, tuân thủ nguyên tắc phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Do khoảng cách phát triển giữa các vùng, đặc biệt là giữa các khu vực nông thôn còn rất rõ rệt, cần xuất phát từ thực tiễn địa phương để xác định các lộ trình phát triển khác nhau, tránh tình trạng chạy theo hình thức, so bì không căn cứ vào thực tế, gây lãng phí nhân lực, tài lực và tạo ra các công trình hình thức, một màu, thiếu giá trị thực chất. Cuối cùng, phát triển kinh tế nông thôn là nhiệm vụ hàng đầu. Cần tập trung tăng cường cơ sở hạ tầng nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ vào nông nghiệp, chuyển đổi phương thức sản xuất, nâng cao trình độ canh tác và chăn nuôi của nông dân, từ đó thúc đẩy phát triển bền vững nông thôn.

2.2.5. Tư tưởng Tập Cận Bình về phát triển tích hợp đô thị - nông thôn

Tập Cận Bình kế thừa và phát triển tư tưởng phát triển tích hợp đô thị – nông thôn của chủ nghĩa Mác – Lênin, cũng như các quan điểm về phát triển đô thị – nông thôn của các thế hệ lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng thời tiến hành những nghiên cứu lý luận và thực tiễn công phu để giải quyết các vấn đề thực tiễn của phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Những luận điểm quan trọng của ông về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn chứa đựng giá trị nội hàm cực kỳ phong phú, không chỉ mở ra một chương mới trong việc Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác, mà còn cung cấp một con đường thực tiễn để giải quyết những khó khăn trong tiến trình hiện đại hóa.

(1) Lấy nhân dân làm trung tâm là nguyên lý cốt lõi trong phát triển tích hợp đô thị – nông thôn

Nhìn lại lịch sử phát triển quan hệ đô thị – nông thôn của Trung Quốc từ góc độ khởi điểm và sứ mệnh của những người Cộng sản, có thể thấy Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn kiên định lập trường vì nhân dân, cân nhắc và điều chỉnh lợi ích cốt lõi của người dân ở cả đô thị và nông thôn, đồng thời có những trọng điểm khác nhau để làm cho quan hệ đô thị – nông thôn phù hợp hơn với sự phát triển năng lực sản xuất. Lý do các chính sách đô thị – nông thôn của Trung Quốc nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ nhân dân là vì chúng luôn dựa vào nhân dân, lắng nghe và phản ánh nguyện vọng của nhân dân, giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống của họ, và đáp ứng sâu sắc yêu cầu về một cuộc sống tốt đẹp hơn của cư dân đô thị và nông thôn. Bước vào thời kỳ mới, Tổng Bí thư Tập Cận Bình luôn nhấn mạnh rằng nhân dân là lực lượng chủ thể thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn, yêu cầu hình thành một quan hệ đô thị – nông thôn mới lấy con

người làm trung tâm. Mục tiêu công tác là mang lại lợi ích cho nhân dân, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của con người, đồng thời lấy mức độ hài lòng của nhân dân làm tiêu chuẩn đánh giá và kiểm nghiệm hiệu quả công việc.

Dựa trên thực trạng phát triển đô thị – nông thôn, cần tiến hành điều chỉnh thích đáng các chính sách hiện hành, nhằm thực sự nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Những thành quả phát triển phải được cụ thể hóa thông qua việc đảm bảo và cải thiện đời sống nhân dân, thu hẹp khoảng cách đô thị – nông thôn, đồng thời gia tăng phúc lợi cho người dân. Trong xử lý quan hệ đô thị – nông thôn, cần kiên quyết bảo vệ và điều hòa lợi ích cốt lõi của nhân dân ở cả hai khu vực, không ngừng khơi dậy sức mạnh và khả năng sáng tạo của quần chúng. Tập Cận Bình cho rằng, việc xây dựng thể chế, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý cơ sở đô thị – nông thôn, cùng với việc bảo tồn và phát huy văn hóa, đều nhằm liên tục đáp ứng khát vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn của nhân dân, cũng như nâng cao nhận thức về quyền lợi, an toàn và hạnh phúc của người dân.

Tập Cận Bình đã tích cực đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, quan tâm đến đời sống, an nguy của người dân. Cuối năm 2020, các huyện nghèo ở Trung Quốc lần lượt tuyên bố thoát nghèo, đánh dấu việc xây dựng xã hội khá giả toàn diện đạt được những thành tựu lịch sử vĩ đại. Điều này phản ánh sâu sắc việc Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn đặt nhân dân ở vị trí cao nhất. Trung Quốc còn đề ra việc thúc đẩy sâu rộng quá trình đô thị hóa mới lấy con người làm trung tâm, nhấn mạnh thực hiện tốt công tác bảo đảm nhu cầu thiết yếu của người dân, thể hiện cụ thể phương châm “lấy nhân dân làm trung tâm”. Ngoài ra, Tổng Bí thư Tập Cận Bình còn chỉ ra rằng trong tiến trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn, đặc biệt cần phát huy vai trò chủ thể và tinh thần sáng tạo của nông dân, khơi dậy động lực nội sinh để nông dân tham gia xây dựng quê hương, đồng thời bảo đảm quyền cạnh tranh bình đẳng trên thị trường và duy trì quyền lợi hợp pháp cũng như lợi ích cốt lõi của đông đảo nông dân. Khi các cơ quan chính phủ xây dựng các chính sách liên quan, cần tham khảo ý kiến nhân dân, tôn trọng quyền phát ngôn của nông dân, rộng rãi thu thập đề xuất của họ, nâng cao cảm giác tham gia và cảm nhận về lợi ích của nông dân trong quản lý nông thôn. Việc đi theo con đường phát triển tích hợp đô thị – nông thôn chính là để đông đảo người dân thực sự được hưởng thành quả từ công cuộc xây dựng kinh tế – xã hội, đồng thời thúc đẩy hình thành một mô hình mới về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn với ba nguyên tắc: cùng xây dựng, cùng quản lý và cùng chia sẻ.

(2) Thực hiện chiến lược chấn hưng nông thôn

Từ sau Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tổng Bí thư Tập Cận Bình luôn coi việc giải quyết các vấn đề về nông nghiệp, nông thôn và nông dân là trọng tâm trong công tác lãnh đạo. Đối với công tác tam nông, ông liên tục thúc đẩy đổi mới cả về lý luận và thực tiễn, đồng thời đưa ra một loạt quan điểm và luận giải mới xoay quanh chiến lược chấn hưng nông thôn. Trên cơ sở nắm vững đặc điểm tình hình quốc gia, Tổng Bí thư Tập Cận Bình chỉ rõ rằng, trong quá trình triển khai chiến lược chấn hưng nông thôn, thời cơ và thách thức đan xen; do đó cần nắm bắt chặt chẽ cơ hội lịch sử, chủ động vượt qua khó khăn, thực sự nắm chắc và làm tốt công tác tam nông. Ông cũng nhấn mạnh rằng việc thực hiện chiến lược chấn hưng nông thôn có ý nghĩa hết sức to lớn, gắn bó mật

thiết với mục tiêu xây dựng toàn diện quốc gia xã hội chủ nghĩa hiện đại và hiện thực hóa quá trình phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa.¹³

Trong thời đại mới, việc thực hiện mục tiêu hội nhập đô thị – nông thôn phải dựa trên nền tảng cốt lõi là chiến lược chấn hưng nông thôn, qua đó hình thành động lực nội sinh thúc đẩy sự phát triển phối hợp giữa nông thôn và đô thị. Trong Báo cáo tại Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tổng Bí thư Tập Cận Bình nhấn mạnh rằng muốn thúc đẩy toàn diện công cuộc chấn hưng nông thôn thì phải kiên định con đường phát triển hội nhập đô thị – nông thôn, lấy hệ thống đô thị và hệ thống nông thôn làm hai cấu phần trọng yếu, bảo đảm sự liên thông, tương hỗ và cùng phát triển hài hòa giữa hai khu vực. Những luận điểm quan trọng của Tập Cận Bình về chấn hưng nông thôn được hình thành trên một nền tảng thực tiễn sâu sắc, bắt nguồn từ những trải nghiệm phong phú và thực chứng của ông trong quá trình tham gia xây dựng nông thôn tại nhiều địa phương trên toàn Trung Quốc.

Tổng Bí thư Tập Cận Bình đã chỉ rõ một cách khái quát và định hướng rằng thúc đẩy hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn chính là mục tiêu cốt lõi của chiến lược chấn hưng nông thôn. Đồng thời, ông cũng tiếp tục đưa ra những quy hoạch và bố trí mang tính hệ thống đối với việc triển khai cụ thể chiến lược này. Ông xác định các mốc thời gian trọng yếu như sau: Đến năm 2020, công cuộc chấn hưng nông thôn phải đạt được những bước tiến quan trọng; khung thể chế và hệ thống chính sách liên quan cần cơ bản được định hình. Đến năm 2035, chấn hưng nông thôn phải thu được những kết quả mang tính quyết định, về cơ bản hiện thực hóa mục tiêu hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Đến năm 2050, bước thứ ba là toàn diện hoàn thành mục tiêu chấn hưng nông thôn, cụ thể là đạt được các yêu cầu: nông nghiệp mạnh, nông thôn giàu đẹp và đời sống nông dân ngày càng sung túc.¹⁴

Việc triển khai này vừa xuất phát từ thực tiễn trước mắt, vừa hướng tới mục tiêu phát triển lâu dài, giúp quá trình thực hiện chiến lược chấn hưng nông thôn trở nên rõ ràng, cụ thể hơn, đồng thời bảo đảm mục tiêu và nhiệm vụ của từng giai đoạn có sự bổ trợ và liên kết chặt chẽ với nhau. Bước vào thời đại mới, Đảng Cộng sản Trung Quốc với Tổng bí thư Tập Cận Bình làm hạt nhân đã nắm bắt chính xác xu thế biến động và quy luật phát triển của quan hệ đô thị – nông thôn, đồng thời đánh giá khoa học thực trạng quốc tình của đất nước. Tổng Bí thư Tập Cận Bình chỉ rõ rằng, bất luận quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa tiến triển đến mức độ nào, nông thôn Trung Quốc tuyệt đối không biến mất; đô thị và nông thôn luôn là một chỉnh thể gắn bó, cùng tồn tại, cùng thịnh suy – đó là quy luật khách quan không thể phủ nhận. Vì vậy, cần nhận thức đầy đủ giá trị thời đại sâu sắc được hàm chứa trong những luận điểm quan trọng của Tổng Bí thư Tập Cận Bình về việc thúc đẩy toàn diện chiến lược chấn hưng nông thôn.

(3) Đẩy mạnh cải cách sâu rộng, toàn diện

Lịch sử phát triển đô thị – nông thôn của Trung Quốc cho thấy, cải cách là động lực chính của sự phát triển; nếu không có cải cách, sẽ không có những thành tựu phát triển nổi bật mà thế giới hiện nay nhìn thấy ở Trung Quốc. Phát triển tích hợp đô thị – nông

¹³ Lưu Hình Di, Đặng Căn. “Hội nhập đô thị – nông thôn: Khám phá con đường hiện đại hóa trong thời đại mới nhằm thúc đẩy toàn diện công cuộc chấn hưng nông thôn.” *Tạp chí Giang Nam Luận Đàn*, 2023(01): 30–34.

¹⁴ Vương Liên Hoa. “Bàn về tư tưởng chấn hưng nông thôn của Tập Cận Bình” [J]. *Tạp chí Đại học Nông nghiệp Hồ Nam (Phiên bản Khoa học Xã hội)*, 2019, 20(01): 1–9.

thôn phải dựa vào cải cách để tạo động lực, sử dụng các biện pháp cải cách để giải quyết mọi vấn đề trong quá trình phát triển. Việc phá vỡ cấu trúc nhị nguyên đô thị – nông thôn, loại bỏ các hạn chế trong thể chế và cơ chế, và thúc đẩy toàn diện sự thịnh vượng chung đều không thể thiếu cải cách; chính cải cách cung cấp cho phát triển tích hợp đô thị – nông thôn nguồn động lực liên tục.

Một mặt, cần kiên trì cải cách theo xu hướng thị trường, để thị trường và chính phủ phối hợp nhịp nhàng, cùng phát huy tác dụng. Nếu chỉ dựa vào cơ chế điều tiết của thị trường, sẽ càng làm gia tăng sự mất cân đối trong phát triển đô thị – nông thôn; vì vậy, sự hỗ trợ và định hướng của chính phủ là vô cùng quan trọng, giúp kết hợp hữu cơ giữa chính phủ và thị trường, đồng thời phát huy tối đa vai trò tích cực của cả hai. Xây dựng thị trường các yếu tố sản xuất mở, thống nhất và cạnh tranh có trật tự giữa đô thị và nông thôn, đồng thời tăng cường nỗ lực loại bỏ các rào cản chính sách cản trở sự lưu thông thông suốt của các yếu tố thị trường, để các yếu tố sản xuất có thể tự do di chuyển và trao đổi bình đẳng giữa đô thị và nông thôn. Đặc biệt, cần hỗ trợ, khuyến khích và thu hút các yếu tố tiên tiến từ đô thị chuyển nhiều hơn về nông thôn, góp phần thúc đẩy phát triển nông thôn. Bên cạnh đó, cần chú trọng vai trò dẫn dắt của chính phủ, phân bổ hợp lý các nguồn lực công, nhanh chóng ban hành các chính sách và biện pháp thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn, phát huy chức năng điều tiết vĩ mô, giám sát thị trường và cung cấp dịch vụ liên quan của chính phủ.

Mặt khác, cần tiến hành cải cách sâu rộng về thể chế và cơ chế. Loại bỏ hệ thống nhị nguyên đô thị – nông thôn là yếu tố then chốt để thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Cần toàn diện thúc đẩy cải cách sâu sắc, xem đô thị và nông thôn như một cộng đồng gắn bó mật thiết, đồng thời tăng cường thiết kế tổng thể từ cấp cao và nâng cao nguồn cung về thể chế cho quá trình phát triển tích hợp.

2.3. Kinh nghiệm lịch sử về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn kể từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

2.3.1. Kiên định thực hiện vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với công tác đô thị – nông thôn

Trong quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn kể từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn đóng vai trò lãnh đạo trung tâm và định hướng. Việc kiên định lãnh đạo toàn diện của Đảng là điều kiện tiên quyết để thống nhất tư tưởng, định hướng phát triển, đảm bảo các chính sách và biện pháp liên quan đến nông thôn và thành thị được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Thông qua sự lãnh đạo này, các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, cải thiện đời sống nhân dân và thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa nông thôn đều có thể đạt được một cách bền vững.

Thực tiễn đã chứng minh rằng, chỉ khi kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng và thực hiện đúng đường lối của Đảng thì mọi công việc mới có thể tiến hành thuận lợi; do đó, phải kiên quyết và không ngừng áp dụng lãnh đạo của Đảng trong quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Đặc biệt kể từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, trong quá trình giải quyết các vấn đề đô thị – nông thôn, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã dần nắm vững quy luật phát triển đô thị và nông thôn, không ngừng củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo trong công tác này. Để thúc đẩy phát triển nông thôn, các tổ chức Đảng cơ sở không thể vắng mặt; các cấp ủy Đảng và tổ chức Đảng cơ sở đô thị – nông thôn phải luôn ghi nhớ lý tưởng và sứ mệnh của mình, phát huy vai trò cốt lõi và lãnh đạo trong

quản lý nông thôn. Việc thực thi lãnh đạo của Đảng phải được cụ thể hóa trong quá trình xây dựng chính sách, triển khai công tác và thực hiện các nhiệm vụ của chiến lược phát triển nông thôn, nâng cao sức mạnh đoàn kết và tính định hướng của công cuộc này, hướng mỗi quan hệ đô thị – nông thôn đi đúng hướng, đồng thời cung cấp sự bảo đảm chính trị vững chắc cho xây dựng nông thôn.

Quá trình phát triển quan hệ đô thị – nông thôn của Trung Quốc gặp phải nhiều khó khăn và thách thức tất yếu. Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn kiên định lập trường vì nhân dân, chủ động tham khảo ý kiến của nhân dân, dựa trên thực tiễn trong công tác, đặt tính chân thực và thực tiễn lên hàng đầu, thông qua cải cách và đổi mới liên tục để giải quyết các vấn đề. Việc thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn bao trùm nhiều lĩnh vực và yêu cầu mục tiêu cao; chỉ khi tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, chuẩn bị kỹ lưỡng thiết kế cấp cao, tuân thủ quy luật phát triển đô thị – nông thôn và đưa lãnh đạo của Đảng vào toàn bộ quá trình cũng như mọi khâu, thì mới có thể lấy “thịnh vượng chung” làm mục tiêu, dẫn dắt sự phát triển đô thị – nông thôn chất lượng cao. Ban Chấp hành Trung ương Đảng với sự dẫn dắt của Tập Cận Bình đã đứng ở tầm tổng thể, hoạch định có hệ thống, tiến hành những nghiên cứu sâu sắc về các vấn đề phát triển quan hệ đô thị – nông thôn. Một loạt luận điểm quan trọng về phát triển tích hợp đô thị – nông thôn do Tổng Bí thư đề ra đã cung cấp hướng dẫn khoa học và cơ sở tuân thủ, tạo nền tảng cho sự tồn tại, thịnh vượng và phối hợp phát triển giữa đô thị và nông thôn.

2.3.2. Kiên định tuân thủ các quy luật cơ bản của phát triển tích hợp đô thị – nông thôn

Sự phát triển của sự vật có những quy luật khách quan riêng của nó. Trong thời kỳ mới, việc đi theo con đường phát triển tích hợp đô thị – nông thôn phải dựa trên thực tiễn, kiên định thực hiện phương châm tôn trọng sự thật, nhận thức, tôn trọng và tuân thủ các quy luật.

Thứ nhất, tôn trọng quy luật của quá trình đô thị hóa. Phát triển tích hợp đô thị – nông thôn xuất hiện trong bối cảnh rộng lớn của đô thị hóa, vì vậy cần kiên định thực hiện chiến lược đô thị hóa kiểu mới với tiêu chuẩn cao, nhằm cung cấp động lực mạnh mẽ cho việc thúc đẩy hiện đại hóa kiểu Trung Quốc. Do đó, phát triển tích hợp đô thị – nông thôn phải tự giác phục tùng quy luật đô thị hóa, để đô thị hóa kiểu mới giải phóng năng lượng phát triển lớn hơn, thúc đẩy hiện đại hóa kiểu Trung Quốc. Cần tích cực thúc đẩy xây dựng đô thị hóa kiểu mới lấy các thị trấn - huyện làm trọng tâm, nâng cao mức độ xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, dịch vụ công cơ bản, chức năng hỗ trợ công nghiệp, tăng cường năng lực tổng thể và khả năng quản trị, đồng thời phát huy vai trò lan tỏa và dẫn dắt của các thị trấn huyện đối với phát triển kinh tế khu vực.

Thứ hai, tôn trọng quy luật phát triển của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn, việc nhận thức và xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa chính phủ và thị trường là vô cùng quan trọng. Phải kiên định đi theo đúng hướng cải cách kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, trong đó chính phủ cần khuyến khích tinh thần tích cực và khả năng sáng tạo của các chủ thể thị trường, phá bỏ mọi rào cản và trở ngại đối với việc luân chuyển có trật tự các yếu tố thị trường, giải quyết các thất bại của thị trường trong các lĩnh vực nông nghiệp, sinh kế và điều tiết quan hệ lợi ích giữa đô thị – nông thôn, từ đó bảo đảm cho sự tích hợp đô thị – nông thôn và sự phát triển bền vững, lành mạnh của nền kinh tế quốc dân. Các cấp chính quyền cũng phải phát huy tối đa

vai trò hoạch định, bảo đảm và định hướng, phân định rõ những việc chính phủ không nên can thiệp mà để thị trường giải quyết, đồng thời nỗ lực xây dựng một chính phủ pháp quyền và chính phủ phục vụ.

Thứ ba, tôn trọng quy luật tự nhiên, kiên định việc con người – thiên nhiên cùng tồn tại hài hòa. Làm thế nào để đạt được sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên là vấn đề cơ bản của sự phát triển văn minh nhân loại, đồng thời cũng là thách thức mà các quốc gia phải giải quyết trong tiến trình hiện đại hóa. Thúc đẩy tích hợp đô thị – nông thôn đòi hỏi phải xem xét từ các khía cạnh như tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái, từ đó bố trí lại các hoạt động sản xuất và sinh hoạt, khai thác tối đa lợi thế của cả đô thị và nông thôn, hướng tới phát triển toàn diện, hài hòa và bền vững giữa con người và thiên nhiên. Dưới sự dẫn dắt khoa học của Tư tưởng văn minh sinh thái của Tổng bí thư Tập Cận Bình, Trung Quốc đặc biệt coi trọng việc xây dựng văn minh sinh thái, nhất là trong quá trình thực hiện chiến lược nông thôn mới và thúc đẩy tích hợp đô thị – nông thôn. Qua đó, cần thúc đẩy phát triển xanh, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái, cân đối lợi ích môi trường giữa đô thị và nông thôn, đẩy nhanh tiến trình giảm phát thải carbon và xanh hóa các phương thức sản xuất – sinh hoạt, tích cực nghiên cứu cơ chế hiện thực hóa giá trị sản phẩm sinh thái đô thị – nông thôn, hình thành mô hình sinh thái cùng tồn tại giữa đô thị và nông thôn, hướng tới xây dựng xã hội tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường.

2.3.3. Kiên trì thực hiện quản lý tổng thể, chú trọng cân bằng phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn

Thứ nhất, cân đối hợp lý giữa phát triển đô thị và nông thôn, kiên trì tư duy quản trị theo một chỉnh thể thống nhất cho cả thành thị và nông thôn. Mặc dù trong các giai đoạn phát triển khác nhau, tư duy và nhiệm vụ trọng tâm của Đảng trong xử lý quan hệ đô thị – nông thôn có sự khác biệt, song nguyên tắc xuyên suốt vẫn là cân bằng lợi ích giữa đô thị và nông thôn, thúc đẩy sự thịnh vượng chung của cả hai. Tổng Bí thư Tập Cận Bình nhấn mạnh rằng, khi toàn diện xây dựng một quốc gia xã hội chủ nghĩa hiện đại, cần phải vừa xây dựng các thành phố phồn vinh, vừa phát triển nông thôn thịnh vượng. Trong thực tiễn phát triển, cần dựa trên quan điểm phát triển đô thị – nông thôn tích hợp, tiến hành thiết kế đồng bộ và triển khai đồng thời các kế hoạch, xây dựng và quản lý đô thị – nông thôn. Đồng thời, cần thúc đẩy đồng bộ việc bố trí không gian các thị trấn cấp huyện, phát triển ngành nghề, hạ tầng cơ sở, bảo vệ sinh thái và cung cấp dịch vụ công. Cần khuyến khích việc lưu thông có trật tự các nguồn lực và yếu tố của đô thị đến nông thôn, phát huy giá trị riêng của nông thôn theo điều kiện địa phương, chuyển hóa lợi thế về tài nguyên sinh thái của nông thôn thành lợi thế phát triển kinh tế. Trên cơ sở phát triển chất lượng cao, cần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa đô thị và nông thôn, thúc đẩy hình thành quan hệ đô thị – nông thôn mới, trong đó thành phố hỗ trợ nông thôn, đô thị và nông thôn thúc đẩy lẫn nhau.

Thứ hai, kiên trì thực hiện sự thống nhất giữa công bằng và hiệu quả. Công bằng và chính nghĩa là những giá trị hết sức cao quý mà Đảng Cộng sản Trung Quốc theo đuổi. Trong quá trình thúc đẩy phát triển đô thị – nông thôn theo hướng hòa nhập và gắn kết, Đảng luôn coi trọng việc xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa hiệu quả và công bằng; ở các giai đoạn phát triển khác nhau, mức độ nhấn mạnh vào công bằng xã hội hay hiệu quả phát triển cũng có sự khác biệt. Trong hơn 40 năm cải cách mở cửa, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu phát triển kinh tế – xã hội có ý nghĩa lịch sử và được thế giới ghi

nhận; đã giành thắng lợi trong cuộc chiến xóa đói giảm nghèo, tạo nên kỳ tích nhân sinh được ghi vào sử sách; đồng thời kiến thiết nên mạng lưới an sinh xã hội lớn nhất thế giới, giúp đời sống nhân dân được cải thiện toàn diện. Công bằng phải được xây dựng trên nền tảng của hiệu quả, còn hiệu quả cũng chỉ có thể duy trì bền vững khi được đặt trên cơ sở của công bằng. Việc tiếp tục làm sâu sắc cải cách thể chế phân phối, tìm ra điểm cân bằng hợp lý giữa hiệu quả và công bằng, chính là một trong những kinh nghiệm quan trọng để Đảng lãnh đạo nhân dân thúc đẩy phát triển đô thị – nông thôn theo hướng hòa nhập, đồng bộ và bền vững.

CHƯƠNG 3: CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN TÍCH HỢP ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN Ở TRUNG QUỐC

Kể từ khi Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc chính thức nêu ra quan điểm “phát triển tích hợp đô thị – nông thôn”, quan hệ đô thị – nông thôn của Trung Quốc đã đạt được những bước đột phá mang tính thực chất, thể hiện ở việc không ngừng tối ưu hóa các thể chế và cơ chế thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn, trình độ đô thị hóa tăng trưởng ổn định và sức sống phát triển ở khu vực nông thôn ngày càng mạnh mẽ. Trong thời đại mới, Trung Quốc đã hội tụ đầy đủ các điều kiện vật chất, điều kiện thể chế và điều kiện xã hội để hiện thực hóa phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Tuy nhiên, do quan hệ đô thị – nông thôn vốn ở trạng thái mất cân đối trong thời gian dài, cùng với việc cấu trúc nhị nguyên đô thị – nông thôn chưa được xóa bỏ hoàn toàn, quá trình thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức.

Chương này tập trung phân tích các vấn đề nổi bật trong phát triển tích hợp đô thị – nông thôn hiện nay của Trung Quốc, bao gồm:

- Sự lưu thông của các yếu tố sản xuất giữa đô thị và nông thôn còn kém thông suốt;
- Mức độ tích hợp ngành giữa khu vực đô thị và nông thôn chưa cao;
- Hạ tầng và dịch vụ công giữa hai khu vực vẫn tồn tại những chênh lệch rõ rệt;
- Tương tác văn hóa mất cân đối;
- Tính tổng thể và sự liên thông trong phát triển sinh thái đô thị – nông thôn còn chưa đầy đủ.

3.1. Cơ sở thực tiễn của phát triển tích hợp đô thị - nông thôn

3.1.1. Thể chế và cơ chế phát triển tích hợp đô thị – nông thôn ngày càng được hoàn thiện

Nhìn lại tiến trình biến đổi của quan hệ đô thị – nông thôn ở Trung Quốc có thể thấy rằng thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung trước đây đã làm gia tăng tình trạng tách biệt giữa hai khu vực. Để từng bước tháo gỡ cấu trúc nhị nguyên đô thị – nông thôn, Nhà nước đã ban hành và triển khai một loạt chủ trương, chính sách quan trọng. Hiện nay, Trung Quốc đang đẩy mạnh cải cách chế độ hộ tịch đô thị – nông thôn; cải cách cơ chế “tam quyền phân trí” đối với đất nông nghiệp giao khoán; cải cách chế độ kinh doanh cơ bản ở nông thôn; cải cách cơ chế bồi thường bảo vệ đất canh tác; cũng như cải cách hệ thống an sinh xã hội. Những cải cách này đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân, góp phần khơi dậy động lực phát triển mới cho khu vực nông nghiệp – nông thôn, đồng thời giúp nông dân được hưởng thụ ngày càng nhiều hơn các thành quả của tiến trình cải cách.

Ngoài ra, việc triển khai Chiến lược chấn hưng nông thôn đã thúc đẩy quá trình hoàn thiện không ngừng của thể chế và cơ chế phát triển đô thị – nông thôn. Một loạt chính sách vì nông nghiệp, nông thôn và nông dân đã được ban hành và thực thi, như chế độ hộ tịch mới, chính sách trợ cấp trực tiếp cho người trồng lúa, chính sách xóa đói giảm nghèo có trọng tâm, trọng điểm, chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông thôn... Cơ chế phân bổ nguồn lực công cộng theo hướng đô thị – nông thôn thống nhất đang không ngừng được

cải thiện; việc xây dựng thị trường nội địa thống nhất cũng đang được đẩy nhanh. Tất cả những yếu tố này cho thấy môi trường chính sách phục vụ phát triển đô thị – nông thôn tích hợp của Trung Quốc ngày càng tích cực.

Đồng thời, Trung Quốc là quốc gia xã hội chủ nghĩa, lấy chế độ công hữu làm chủ thể và thực hiện phân phối theo lao động. Vì vậy, xét từ phương diện thể chế, chia sẻ là yêu cầu bản chất của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, với những ưu thế chế độ nổi bật, tạo nền tảng thể chế vững chắc cho mục tiêu thịnh vượng chung, thúc đẩy bình đẳng trong thụ hưởng giữa đô thị và nông thôn¹⁵. Cùng với việc các chính sách và biện pháp thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn của Trung Quốc ngày càng được triển khai chi tiết và thực thi nghiêm túc, các thể chế và cơ chế liên quan cũng không ngừng được hoàn thiện. Một hệ thống phân công mới giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, dựa trên nguyên tắc thịnh vượng chung, hỗ trợ lẫn nhau và thúc đẩy nhau phát triển, đang dần hình thành.

3.1.2. Trình độ đô thị hóa tăng trưởng ổn định

Trong hơn 70 năm kể từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Trung Quốc kiên định khám phá con đường phát triển đô thị hóa phù hợp với tình hình quốc gia, trải qua một quá trình đô thị hóa chưa từng có trong lịch sử và đạt được những thành tựu lịch sử rực rỡ. Đặc biệt kể từ Đại hội Đảng cộng sản Trung Quốc lần thứ XVIII, Trung Quốc đã điều chỉnh chiến lược phát triển, thúc đẩy mạnh mẽ xây dựng đô thị hóa kiểu mới, đạt được hiệu quả rõ rệt trong phát triển cân đối giữa thành thị và nông thôn. Năm 2022, tỷ lệ đô thị hóa của Trung Quốc đạt mức lịch sử 65,22%, tăng 15,5% so với năm 2010, cao hơn mức tăng trung bình hàng năm của thế giới. Dân số thành thị thường trú vào năm 2022 khoảng 920,71 triệu người, tức dân số đô thị hiện nay của Trung Quốc dao động từ 900 triệu đến 1 tỷ người, dự kiến đến cuối năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa sẽ đạt khoảng 70%. Rõ ràng, Trung Quốc đã chuyển từ một “Trung Quốc nông thôn điển hình” sang “Trung Quốc đô thị-nông thôn” hiện đại.

Năng lực chịu tải của các cụm đô thị và vùng đô thị liên kết ngày càng được nâng cao, các đô thị đang phát huy vai trò dẫn dắt quan trọng. Mỗi quan hệ giữa đô thị các cấp trở nên chặt chẽ, về cơ bản, Trung Quốc đã hình thành một cấu trúc đô thị hóa mới, trong đó các cụm đô thị và vùng đô thị phát triển mạnh mẽ, các đô thị lớn, vừa, nhỏ cùng các thị trấn nhỏ phát triển hài hòa, đồng bộ¹⁶. Hiệu ứng tập trung của các vùng đô thị rõ rệt, lực lượng lao động, vốn và công nghệ đều chảy về các thị trấn, công nghiệp đô thị trở thành trụ cột của nền kinh tế quốc dân, thúc đẩy Trung Quốc tiến tới trở thành cường quốc sản xuất.

Trong Văn kiện số 1 Trung ương năm 2023, từ “huyện” xuất hiện 13 lần, đủ để chứng minh mức độ quan tâm đặc biệt của Nhà nước đối với các đơn vị hành chính cấp huyện. Trong tiến trình xây dựng hiện đại hóa theo kiểu Trung Quốc, các thành phố cấp huyện đóng vai trò chiến lược quan trọng và độc nhất. Năm 2021, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của các huyện, thị xã tại Trung Quốc đạt 43,3 nghìn tỷ NDT, lần đầu tiên vượt mốc 40 nghìn tỷ, cho thấy kinh tế cấp huyện phát triển ổn định và tiềm năng còn rất lớn.

¹⁵ Từ Hồng Tiêu. Phát triển tích hợp đô thị – nông thôn: cơ sở lý luận, động lực thực tiễn và điều kiện thực hiện [J]. Tạp chí Đại học Nông nghiệp Nam Kinh (Phiên bản Khoa học Xã hội), 2020, 20(05):94-101.

¹⁶ Phương Sáng Lâm, Triệu Văn Kiệt. Tân đô thị hóa và phát triển tích hợp đô thị – nông thôn thúc đẩy xây dựng hiện đại hóa kiểu Trung Quốc [J]. Kinh tế Địa lý, 2023, 43(01):10-16.

Năm 2022, số lao động tại các đô thị trên toàn quốc đạt 459 triệu người, ngày càng nhiều cư dân đô thị – nông thôn lựa chọn tìm kiếm cơ hội phát triển tại các thành thị, đồng thời các đô thị cũng cung cấp tương ứng các vị trí việc làm. Về y tế đô thị, các tiến bộ rõ rệt đã được ghi nhận, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Năm 2022, toàn quốc có 1,033 triệu cơ sở y tế, trong đó cơ sở y tế tuyến cơ sở chiếm 980 nghìn cơ sở, bao gồm 34 nghìn trạm y tế xã, 36 nghìn trung tâm (trạm) y tế cộng đồng, 321 nghìn phòng khám (trạm) và 588 nghìn phòng y tế thôn. Số giường bệnh tại các cơ sở y tế đạt 9,75 triệu giường, trong đó 7,66 triệu giường tại bệnh viện và 1,45 triệu giường tại trạm y tế xã. Như vậy, mức cung cấp dịch vụ y tế tại các đô thị Trung Quốc không ngừng được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thăm khám và điều trị.

3.1.3. Sự tăng cường tính phối hợp trong phát triển đô thị - nông thôn

Sự phát triển đô thị – nông thôn của Trung Quốc đã đạt được những bước tiến toàn diện trong các lĩnh vực phát triển kinh tế – xã hội, hạ tầng cơ sở, dịch vụ công và quản trị môi trường sinh thái đều có sự cải thiện đáng kể, hình thành cục diện phối hợp giữa đô thị và nông thôn, hai cực cùng tiến, công – nông phát triển song hành, hỗ trợ lẫn nhau. Bước vào thời kỳ mới, cơ cấu kinh tế của Trung Quốc không ngừng được tối ưu và nâng cấp; chất lượng đời sống vật chất của cư dân đô thị và nông thôn đều được nâng cao, đồng thời khoảng cách thu nhập giữa hai khu vực có xu hướng thu hẹp dần. Hiện nay, sức mạnh kinh tế tổng thể và năng lực tổng hợp quốc gia đã gia tăng đáng kể so với trước đây, tạo nền tảng vật chất vững chắc và sự bảo đảm mạnh mẽ cho quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Đặc biệt, mức thu nhập của cư dân đô thị và nông thôn tiếp tục tăng lên, cơ cấu thu nhập ngày càng được cải thiện. Theo thống kê, từ năm 2009 đến năm 2022, tốc độ tăng thu nhập của cư dân nông thôn liên tục vượt thu nhập của cư dân đô thị trong 14 năm liền, cho thấy xu hướng phát triển cân bằng hơn giữa các khu vực và hiệu quả của các chính sách ưu tiên nông thôn trong giai đoạn mới.

Mặt khác, cơ cấu thu nhập của cư dân đô thị và nông thôn ở Trung Quốc cũng không ngừng được cải thiện và nâng cấp. Đặc biệt, nguồn thu nhập của nông dân ngày càng đa dạng, không còn đơn thuần phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp; tỷ trọng thu nhập chuyển dịch và thu nhập từ tài sản liên tục gia tăng. Cùng với sự gia tăng thu nhập, người dân có xu hướng theo đuổi chất lượng sống cao hơn, nhu cầu tiêu dùng chuyển mạnh từ việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu sang hướng tới mức sống “khá giả” và chất lượng cao. Tỷ trọng tiêu dùng mang tính phát triển, giải trí và hưởng thụ ngày càng tăng, cho thấy đời sống của cư dân đô thị và nông thôn đã bước vào giai đoạn sung túc hơn.¹⁷

Ngoài ra, xu hướng các nguồn lực và yếu tố phát triển từ đô thị chảy ngược về nông thôn ngày càng rõ rệt. Nhà nước tăng cường đầu tư cho khu vực nông thôn, thúc đẩy xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn quy mô lớn, qua đó tạo điều kiện thiết thực cho việc thông suốt các kênh lưu thông của các yếu tố sản xuất và giảm chi phí dịch chuyển yếu tố. Nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cũng phát đi tín hiệu chính sách mạnh mẽ, khuyến khích nhiều doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư và khai thác khu vực nông thôn nhằm hưởng lợi từ các chính sách ưu đãi. Về dòng chảy nguồn nhân lực, việc lên thành phố làm việc không còn là lựa chọn duy nhất của cư dân nông thôn. Trong những năm gần đây, sức hút của nông thôn đối với cả cư dân đô thị lẫn nông thôn đều gia tăng rõ rệt; số lượng

¹⁷ Hàn Văn Long, Ngô Phong Hoa. *Nội hàm lý luận và con đường hiện thực hóa phát triển tích hợp đô thị – nông thôn trong thời đại mới* [Tập chí Chủ nghĩa Mác và Hiện thực], 2020(02):166–173.

người hồi hương khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tăng đều qua các năm. Điều này cho thấy năng lượng phát triển và sức sống nội sinh của nông thôn đang không ngừng được tích tụ và bứt phá.

3.1.4. Sức sống phát triển nông thôn mạnh mẽ

Thông qua việc triển khai Chiến lược chấn hưng nông thôn, nông nghiệp và nông thôn Trung Quốc đã đạt được bước phát triển mang tính đột phá, thể hiện xu thế phồn vinh và tăng trưởng mạnh mẽ; diện mạo nông thôn cũng khoác lên mình những nét mới. Thông qua việc không ngừng giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất xã hội, Trung Quốc đã hình thành những điều kiện vật chất cần thiết cho thúc đẩy tích hợp đô thị – nông thôn.

Nền kinh tế nông thôn phát triển phồn vinh, đạt được nhiều thành tựu nổi bật. Trước hết, an ninh lương thực thiết yếu được bảo đảm vững chắc. Năm 2022, sản lượng lương thực trên toàn quốc đạt 1.3731 nghìn tỷ kg, sản lượng lương thực bình quân đầu người cao hơn đáng kể so với mức trung bình của thế giới. Việc duy trì nguồn cung dồi dào đối với lương thực và các nông sản quan trọng đã tạo nền tảng ngày càng vững chắc và ổn định hơn cho an ninh lương thực quốc gia của Trung Quốc.

Tiếp theo, tốc độ phát triển của công cuộc hiện đại hóa nông nghiệp được đẩy mạnh, các điều kiện trang bị kỹ thuật và vật chất không ngừng được nâng cao. Hiện nay, trình độ đổi mới khoa học – công nghệ nông nghiệp của Trung Quốc đã bước vào nhóm dẫn đầu thế giới. Năm 2022, tỷ lệ đóng góp của tiến bộ khoa học – công nghệ trong nông nghiệp trên phạm vi toàn quốc đạt 62,4%; tỷ lệ cơ giới hóa tổng hợp trong các khâu canh tác, gieo trồng và thu hoạch nông nghiệp vượt 72%. Diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu hiệu quả trên toàn quốc đạt 1,037 tỷ mẫu; tổng vốn đầu tư của Nhà nước dành cho xây dựng và cải tạo các khu tưới tiêu đạt tới 150 tỷ NDT. Nhờ đó, hiệu quả sử dụng nước tưới và mức độ tiết kiệm nước trong nông nghiệp được cải thiện rõ rệt.

Những kết quả này cho thấy tình trạng phụ thuộc nặng nề vào điều kiện tự nhiên trong sản xuất nông nghiệp đã có sự chuyển biến căn bản, và quá trình tự chủ, tự cường về khoa học – công nghệ nông nghiệp đã đạt được những bước tiến vững chắc.

Tiếp đó, các ngành công nghiệp nông thôn đạt được những bước phát triển mới, chất lượng và năng lực cạnh tranh của ngành nông nghiệp được nâng lên ở mức độ nhất định. Đặc biệt, các ngành như chế biến và lưu thông nông sản, du lịch nghỉ dưỡng – tham quan nông thôn, các ngành công nghiệp đặc sắc, thương mại điện tử nông thôn... đều phát triển nhanh chóng; quy mô các ngành ngày càng mở rộng, giá trị gia tăng của khu vực nông nghiệp – nông thôn liên tục tăng trưởng, góp phần làm cho “túi tiền” của nông dân ngày càng đầy hơn. Lấy ngành du lịch nông thôn làm ví dụ: Trung Quốc đã hình thành một số lượng lớn các điểm du lịch nông nghiệp – nghỉ dưỡng chất lượng cao; tổng số các chủ thể kinh doanh trong lĩnh vực này đã vượt 300 nghìn đơn vị, với doanh thu hàng năm vượt 700 tỷ NDT.

Ngoài ra, thương mại điện tử nông thôn cũng duy trì xu thế phát triển tích cực. Năm 2022, tổng doanh thu bán lẻ trực tuyến khu vực nông thôn trên toàn Trung Quốc đã vượt 2 nghìn tỷ NDT, số lượng cửa hàng trực tuyến ở nông thôn đạt 17,303 triệu cửa hàng. Tốc độ phát triển ngành logistics và phân phối hàng hóa được cải thiện ở mức thực chất: 95% đơn vị hành chính thôn đã có dịch vụ chuyển phát nhanh đến tận nơi, và hơn 1/3 số

huyện đã đạt được năng lực tổ chức giao – nhận hàng hóa từ thị trấn huyện xuống các thôn ngay trong ngày, qua đó rút ngắn đáng kể thời gian lưu chuyển hàng hóa ở khu vực nông thôn.

Đáng chú ý, trong những năm gần đây, làn sóng khởi nghiệp trở về quê diễn ra mạnh mẽ. Số lượng người quay về địa phương hoặc đến khu vực nông thôn để khởi nghiệp trên toàn quốc đạt 12,2 triệu người. Đặc biệt, ngày càng nhiều thanh niên sẵn sàng về nông thôn để hiện thực hóa hoài bão và phát huy năng lực của mình. Với tư cách là “những nông dân thế hệ mới”, lực lượng này sở hữu tri thức và kỹ thuật chuyên môn, có khả năng tổ chức và quản lý, biết khai thác sức mạnh của nền tảng số, đồng thời có tinh thần dám nghĩ – dám làm, dám đổi mới. Họ ứng dụng công nghệ vào cải tiến phương thức sản xuất nông nghiệp truyền thống, dẫn dắt người dân tăng thu nhập, làm giàu, và trở thành nguồn động năng quan trọng thúc đẩy tiến trình chấn hưng nông thôn.

Cảnh quan sinh thái nông thôn đang hiện lên với diện mạo mới, công cuộc xây dựng nông thôn đẹp – văn minh diễn ra sôi nổi, môi trường sống ở nông thôn được nâng cấp toàn diện, hướng tới mục tiêu kiến tạo không gian xanh – sạch – đáng sống. Năm 2022, tỷ lệ phủ cập nhà vệ sinh của Trung Quốc đạt trên 70%, hệ thống thu gom và vận chuyển rác thải bao phủ 93,4% số thôn tự nhiên, góp phần cải thiện rõ rệt điều kiện vệ sinh môi trường ở nông thôn. Nhiều địa phương triển khai sâu rộng các hoạt động đảng bộ cơ sở dẫn dắt cải thiện môi trường sống, trong đó đội ngũ đảng viên, cán bộ đóng vai trò nêu gương, dẫn dắt người dân tích cực tham gia các hành động bảo vệ môi trường. Hoạt động vệ sinh – chỉnh trang được thực hiện toàn diện, không bỏ sót khu vực nào, từ sân vườn hộ gia đình, đường giao thông nông thôn cho đến các quảng trường văn hóa cộng đồng.

Người dân cũng chủ động tham gia các chương trình trồng cây xanh và cải tạo cảnh quan, góp phần tạo nên không gian nông thôn vừa có vẻ đẹp hình thức vừa có giá trị nội hàm. Các địa phương thực hiện nghiêm túc và đồng bộ công tác chỉnh trang môi trường tổng hợp, bao gồm phân loại rác thải, xử lý nước thải, cải tạo nhà ở xuống cấp, cải tiến hệ thống nhà vệ sinh. Những biện pháp này không chỉ khoác tấm áo mới cho các làng quê, mà còn thúc đẩy hình thành nếp sống văn minh, thói quen vệ sinh tốt trong cộng đồng dân cư nông thôn. Ý thức bảo vệ môi trường của người dân nông thôn cũng ngày càng được nâng cao. Các tổ chức đảng cơ sở tại khu vực nông thôn đã đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng về quan điểm phát triển xanh, tạo dựng bầu không khí bảo vệ môi trường đậm nét; quy mô và cường độ tuyên truyền lớn, hiệu quả rõ rệt. Công tác này đã góp phần định hướng nông dân chuyển đổi tư duy, giúp họ thấm nhuần và thực hành quan điểm phát triển xanh trong đời sống thường nhật. Qua quá trình tuyên truyền và giáo dục liên tục, người dân dần nhận thức sâu sắc rằng tài nguyên sinh thái là loại tài sản quý giá nhất, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần chủ thể trong bảo vệ môi trường của cộng đồng cư dân nông thôn.

3.2. Những tồn tại trong quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn

3.2.1. Sự lưu chuyển các yếu tố sản xuất giữa đô thị và nông thôn không thông suốt

Thứ nhất, vẫn tồn tại các rào cản đối với sự lưu chuyển yếu tố lao động, khiến việc di chuyển nhân lực giữa đô thị và nông thôn khó có thể diễn ra một cách thuận lợi.

Truyền thống lâu nay, các đô thị luôn có sức hút mạnh mẽ đối với nhân tài ở nông thôn. Ở Trung Quốc, dân số nông thôn đã di chuyển dài hạn với số lượng lớn về các đô thị, trong khi số lượng nhân lực quay trở lại nông thôn tương đối ít. Năm 2022, Trung Quốc có gần 300 triệu lao động nông thôn, trong đó 170 triệu người làm việc ngoài địa phương, phản ánh thực tế không thể phủ nhận về việc lực lượng lao động nông thôn chuyển dịch ồ ạt về các đô thị. Nếu tình trạng này kéo dài, lực lượng chủ thể thúc đẩy nông thôn phát triển sẽ thiếu hụt, dẫn đến việc thiếu vắng các nhà sản xuất, người triển khai và tổ chức, khiến khoảng cách phát triển giữa đô thị và nông thôn ngày càng lớn. Bên cạnh đó, cơ chế nhị nguyên đô thị – nông thôn vẫn còn tác động mạnh mẽ, tạo ra nhiều rào cản trong các đô thị. Người lao động nông thôn tham gia thị trường lao động còn hạn chế về năng lực cạnh tranh, thậm chí đôi khi bị phân biệt đối xử, phải đối mặt với những vấn đề như: “làm cùng công việc nhưng hưởng khác lương”, khó đòi lương, khó tham gia bảo hiểm xã hội... Hậu quả là họ không được nhận mức lương hợp lý, thiếu cơ hội thăng tiến và chế độ phúc lợi chưa cao.¹⁸

Thêm vào đó, chi phí sinh hoạt ở đô thị cao cùng với hệ thống an sinh xã hội chưa hoàn thiện khiến người lao động nông thôn khó có thể thực sự hòa nhập với cuộc sống đô thị. Do thiếu sự giao tiếp và quan tâm lẫn nhau lâu dài với cư dân đô thị, lực lượng lao động này thường không có cảm giác thuộc về các đô thị, ít quan tâm đến sự phát triển đô thị, và dần trở thành “người ở rìa” của đô thị, từ đó gia tăng cảm giác bất công trong tâm lý, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ bùng phát các vấn đề xã hội. Ngoài lực lượng lao động, rất nhiều học sinh, sinh viên nông thôn sau khi lên đô thị học tập cũng không còn ý định quay về quê, chỉ mong muốn ở lại đô thị để phát triển sự nghiệp. Đồng thời, nông thôn lại thiếu sức hấp dẫn đối với nhân lực đô thị, đặc biệt là mức lương và chế độ đãi ngộ thường thấp hơn; điều kiện sinh hoạt cũng thua xa, ví dụ như giao thông khó khăn, cơ sở y tế chưa đầy đủ, nguồn lực giáo dục hạn chế; hơn nữa, sự khác biệt về văn hóa giữa đô thị và nông thôn lớn, khiến nhân lực chuyên môn ở đô thị khó thích nghi với môi trường sống và làm việc ở nông thôn... Do đó, việc luân chuyển nhân lực giữa đô thị và nông thôn gặp nhiều khó khăn, khó có thể thực hiện thuận lợi hai chiều.

Thứ hai, vẫn tồn tại các rào cản trong yếu tố giao dịch đất đai.

Chế độ đất đai của Trung Quốc có đặc điểm nhị nguyên phân tách rõ rệt giữa đô thị và nông thôn, đồng thời chế độ sở hữu đất ở đô thị và nông thôn không bình đẳng, trong đó quyền sử dụng đất xây dựng của đất thuộc sở hữu tập thể và đất thuộc sở hữu nhà nước không được đối xử ngang nhau; đất nông thôn chỉ có thể giao dịch thông qua Nhà nước.

Trước hết, hiện tượng “làng trống” ở nông thôn diễn ra nghiêm trọng, xuất hiện một lượng lớn nhà bỏ trống và đất thổ cư không sử dụng, trong khi những nông dân đi làm việc ở thành phố không muốn từ bỏ thổ cư gốc, đồng thời còn chiếm dụng diện tích đất canh tác để xây dựng nhà mới. Hậu quả là, dân cư thường trú tại nông thôn ít, nhưng diện tích đất xây dựng nông thôn tăng, dẫn đến lãng phí đất đai nghiêm trọng, làm trầm trọng thêm mâu thuẫn giữa con người và đất đai. Tiếp theo, chế độ đất đai hiện hành hạn chế tiến trình chấn hưng nông thôn. Một mặt, nó cản trở quyền tài sản đất đai của người dân nông thôn. Nhà ở là tài sản quan trọng nhất trong gia sản của hộ gia đình bình thường,

¹⁸ Niêm Mạnh. (2020), *Quá trình biến đổi mối quan hệ đô thị – nông thôn, những rào cản trong phát triển tích hợp và các chính sách hỗ trợ*, Tạp chí Kinh tế gia, số 08, tr. 70–79.

nhưng thổ cư nông thôn không thể dùng làm tài sản đảm bảo, cũng không thể chuyển hóa thành nguồn thu nhập, hạn chế khả năng tạo ra lợi ích kinh tế từ đất.

Mặt khác, chế độ hiện hành cũng cản trở việc tổ chức sản xuất trên quy mô thích hợp. Chủ thể quyền sở hữu đất ở nông thôn không rõ ràng, các hình thức chuyển nhượng đất đai chưa được thực hiện theo chuẩn mực, đồng thời tồn tại các lỗ hổng trong quản lý và giám sát, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai sản xuất nông nghiệp trên quy mô thích hợp. Cuối cùng, trong bối cảnh mức độ đô thị hóa không ngừng gia tăng, nhu cầu mở rộng đất xây dựng đô thị ngày càng cao, nhiều diện tích đất nông thôn bị Nhà nước thu hồi, trong khi diện tích đất đô thị tăng lên trực tiếp làm giảm quỹ đất tập thể nông thôn, dẫn đến việc giá trị đất nông thôn bị tước đoạt. Quá trình này còn phát sinh các vấn đề phức tạp, dễ gây tranh chấp, như: việc bố trí tái định cư cho nông dân mất đất, phân bổ tiền bồi thường, tiêu chuẩn bồi thường đất thấp...

Thứ ba, việc lưu chuyển vốn giữa đô thị và nông thôn gặp nhiều khó khăn, khó có thể thực hiện theo cơ chế hai chiều.

Thị trường nông thôn không có sức hấp dẫn mạnh đối với vốn tài chính, nên dòng vốn chủ yếu chảy một chiều từ nông thôn lên thành phố. Về mặt thị trường vốn, do vốn có bản chất tìm kiếm lợi nhuận, trong khi nông nghiệp mang tính rủi ro cao, giá trị gia tăng của nông sản thấp, lợi nhuận cũng hạn chế, nên các ngành nông thôn không đủ sức hút đối với nguồn vốn tài chính. Hậu quả là, phát triển kinh tế nông thôn (tam nông) gặp phải tình trạng khó huy động vốn, chi phí cao, thủ tục phiền phức, hay còn gọi là “khó – đắt – phiền” trong tiếp cận tài chính¹⁹.

Ngoài ra, hệ thống dịch vụ tài chính nông thôn còn chưa hoàn thiện, thiếu sự đồng bộ và toàn diện. Trước hết, vai trò của các hợp tác xã tín dụng nông thôn chưa được phát huy đầy đủ. Quy mô huy động vốn còn nhỏ, khả năng kiểm soát rủi ro hạn chế, các sản phẩm tài chính chưa đa dạng; mô hình kinh doanh tương đối truyền thống và đơn điệu. Hơn nữa, chất lượng đội ngũ nhân viên nhìn chung còn thấp, thiếu nhân lực chuyên môn, nên khó có thể cung cấp các dịch vụ tài chính đa tầng, đa dạng loại hình để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế nông thôn. Thứ hai, số lượng các tổ chức tài chính vừa và nhỏ ở nông thôn còn hạn chế, dẫn đến cạnh tranh không đủ. Đặc biệt, ở các khu vực nghèo, vùng sâu, vùng xa phía Tây Trung Quốc, các điểm dịch vụ tài chính đếm trên đầu ngón tay, khiến nông dân khi thực hiện các giao dịch tài chính phải đến trực tiếp thị trấn hoặc thành phố, gây ra nhiều bất tiện. Thứ ba, tình trạng mất cân đối thông tin giữa bên cung và bên cầu tài chính ở nông thôn diễn ra nghiêm trọng, khi các tổ chức tài chính không chia sẻ thông tin hiệu quả với nhau, tạo ra các “đảo thông tin”. Khi nông dân vay vốn từ các tổ chức tài chính, các tổ chức này khó có thể dự đoán chính xác khả năng trả nợ trong tương lai của người vay, đồng thời khó nắm được các khoản vay dân sự, vốn tự quản của nông dân. Hơn nữa, các tổ chức tài chính chỉ thường chia sẻ danh sách nợ xấu, còn các thông tin khác về khách hàng không được kết nối hoặc chia sẻ giữa các tổ chức.

3.2.2. Mức độ tích hợp ngành nghề giữa đô thị và nông thôn còn thấp

Với việc Trung Quốc ngày càng chú trọng đến các vấn đề tam nông, sự phát triển các ngành nghề ở nông thôn đang có triển vọng tích cực, nhưng so với các ngành nghề ở

¹⁹ Chân Phương. (2023), *Về lưu chuyển và tích hợp vốn tài chính đô thị – nông thôn ở Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế Thượng Hải, số 01, tr. 85–93.

đô thị, khoảng cách phát triển vẫn còn lớn. Sự tích hợp ngành nghề giữa đô thị và nông thôn chưa đủ sâu, mức độ liên kết giữa các ngành còn thấp, cho thấy tiềm năng hợp tác và phát triển kinh tế liên vùng chưa được khai thác triệt để.

Thứ nhất, các ngành công nghiệp – xây dựng, ngành dịch vụ của đô thị thiếu động lực để đầu tư vào nông thôn. Hạ tầng cơ sở liên quan ở nông thôn chậm phát triển, nhiều khu vực nông thôn chưa có đầy đủ các công trình thủy lợi và hệ thống bảo đảm an toàn nước sinh hoạt cần thiết cho việc tích hợp phát triển với các ngành kinh tế đô thị; xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp gặp nhiều khó khăn. Việc nâng cấp lưới điện còn chậm, điện áp nông thôn không ổn định; hệ thống giao thông nông thôn phức tạp, điều kiện vận tải kém, chi phí vận chuyển cao; cơ sở kho bãi, logistics thiếu hụt nghiêm trọng, mạng lưới thông tin liên lạc không ổn định. Bên cạnh đó, các nhà máy yêu cầu lao động trẻ với cường độ công việc cao, trong khi phần lớn thanh niên nông thôn đã ra thành phố mưu sinh. Những vấn đề thực tiễn này làm tăng độ khó trong việc phát triển nông thôn, đồng thời đẩy chi phí và rủi ro của việc các ngành công nghiệp – xây dựng, dịch vụ đô thị đầu tư vào nông thôn lên cao.

Thứ hai, hệ thống ngành nông nghiệp hiện đại chưa hoàn thiện. Trước hết, một số khu vực của Trung Quốc vẫn tồn tại vấn đề về chất lượng và an toàn nông sản. Hoạt động sản xuất và kinh doanh nông nghiệp ở nông thôn thường phân tán, mức độ tổ chức thấp, khiến việc thực hiện sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn hóa gặp nhiều khó khăn và khó đảm bảo chất lượng sản phẩm. Trong thực tiễn, việc quản lý giám sát chất lượng và an toàn nông sản còn chưa đủ nghiêm ngặt. Do liên quan đến nhiều cơ quan khác nhau và thiếu sự phối hợp liên ngành, hiệu quả quản lý chưa được phát huy đầy đủ, dẫn đến các rủi ro tiềm ẩn và sự cố bất ngờ vẫn thường xuyên xảy ra. Bên cạnh đó, hệ thống quản lý giám sát còn chưa hoàn thiện, đặc biệt là khó nắm bắt chính xác thông tin cơ bản của các hộ nông dân quy mô nhỏ, dẫn đến một mức độ khó khăn nhất định trong công tác quản lý.

Cùng với đó, các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn chưa đạt được sự tích hợp thực chất. Chuỗi giá trị nông sản còn ngắn, công tác chế biến chuyên sâu còn hạn chế, tỷ lệ chuyển hóa nông sản thành sản phẩm chế biến thấp hơn nhiều so với các nước phát triển. Hiện nay, ở nhiều khu vực nông thôn Trung Quốc, tư duy của nông dân còn bảo thủ, mức độ tiếp nhận các công nghệ sản xuất nông nghiệp mới còn thấp, họ vẫn duy trì phương thức canh tác truyền thống nhất, sản xuất chủ yếu dựa vào cung cấp nguyên liệu nông sản, tỷ lệ chế biến các sản phẩm phụ nông nghiệp thấp, dẫn đến lãng phí tài nguyên rất lớn. Nguyên nhân của tình trạng này bao gồm: nông dân chưa chú trọng đến công tác chế biến nông sản, trình độ kỹ thuật chế biến còn thấp, và thiếu các công nghệ tiên tiến đảm bảo cho sản xuất. Hơn nữa, các doanh nghiệp nông thôn gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin thị trường nông sản một cách chính xác, dẫn đến tình trạng trễ nải, mất cân đối thông tin nghiêm trọng, gây ra biến động lớn về giá nông sản. Kết quả là, nông sản không thể kịp thời kết nối với thị trường, làm giảm thu nhập của nông dân.

Tiếp theo, hiệu quả kinh tế của ngành nông nghiệp còn thấp. Giá nông sản thấp đi kèm với chi phí sản xuất cao là một mâu thuẫn nổi bật. Đối với nông sản nhóm lương thực, chu kỳ sản xuất dài, cần thường xuyên làm cỏ, bón phân, làm tăng chi phí nhân lực. Nông nghiệp không chỉ phải đối mặt với rủi ro thiên tai, mà còn chịu rủi ro thị trường, từ đó vô hình làm tăng chi phí sản xuất. Cuối cùng, phát triển logistics nông thôn còn chậm. Nhìn chung, hạ tầng logistics cho thương mại điện tử nông thôn còn yếu, khối lượng giao dịch

logistics nông thôn không nhiều, và các điểm giao nhận logistics còn rất ít. Đặc biệt, thiếu các phương tiện vận chuyển theo chuỗi lạnh, khiến chuỗi vận chuyển bảo quản lạnh khó thiết lập, dẫn đến tình trạng nông sản tươi sống bị hư hỏng trở nên phổ biến, gây khó khăn trong quản lý tổng thể nguồn lực đô thị – nông thôn, hạn chế khả năng tăng giá trị nông sản và ảnh hưởng tới sự tích hợp ngành nghề giữa đô thị và nông thôn. Ở nông thôn, để nhận bưu kiện, người dân phải đi vài km hoặc thậm chí hơn mười km, gây ra nhiều bất tiện, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển logistics thương mại điện tử nông thôn.

Thứ ba, quá trình hiện đại hóa nông nghiệp của Trung Quốc đang đối mặt với nhiều hạn chế nổi bật. Một là, mức độ cơ giới hóa nông nghiệp còn thấp. Tài nguyên đất ở Trung Quốc bị phân mảnh nghiêm trọng, khiến người nông dân ít có động lực mua sắm máy móc, đồng thời năng lực nghiên cứu, phát triển và sản xuất máy nông nghiệp cần được củng cố. Hai là, ngành giống cây trồng đang gặp vấn đề “thất nút cổ chai”, khả năng đổi mới công nghệ trong ngành giống còn nhiều tiềm năng phát triển. Thị trường giống cây trồng còn nhiều loại kém chất lượng, thậm chí giả mạo, điều này làm giảm mạnh động lực sáng tạo của các nhà nghiên cứu và doanh nghiệp. Quy mô và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp giống còn hạn chế, chỉ có một số rất ít doanh nghiệp có năng lực nghiên cứu mạnh. Ba là, số lượng và chất lượng của các chủ thể kinh doanh nông nghiệp kiểu mới còn hạn chế. Các doanh nghiệp nông nghiệp dẫn đầu có quy mô nhỏ, số lượng ít, nên khó có khả năng thúc đẩy sự tích hợp giữa các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Một số chủ thể kinh doanh nông nghiệp kiểu mới có trình độ học vấn thấp, nhận thức văn hóa hạn chế, chưa xây dựng các quy chế quản lý nghiêm ngặt, dẫn đến tình trạng quản lý và vận hành hỗn loạn. Họ thiếu nhận thức đúng đắn về các công nghệ mới và máy móc nông nghiệp cần thiết cho chuyển đổi và nâng cấp nông nghiệp, đồng thời thiếu tinh thần và năng lực đổi mới sáng tạo. Bốn là, cơ chế phân phối lợi ích giữa các chủ thể kinh doanh nông nghiệp kiểu mới và các hộ nông dân nhỏ lẻ chưa hoàn thiện, mức độ liên kết giữa các bên còn lỏng lẻo. Các hợp tác xã phát triển chưa hiệu quả, và các doanh nghiệp hợp tác với hộ nông dân thiếu nhận thức về lợi ích nông dân, làm hạn chế sự hợp tác bền vững và hiệu quả trong chuỗi giá trị nông nghiệp²⁰.

3.2.3. Sự chênh lệch rõ rệt về hạ tầng cơ sở và dịch vụ công giữa đô thị và nông thôn

Do Trung Quốc có quan điểm “trọng thành thị, khinh nông thôn” trong thời gian dài, giữa đô thị và nông thôn tồn tại khoảng cách rõ rệt về dịch vụ công và hạ tầng cơ sở. Chất lượng các dịch vụ công cơ bản mà cư dân nông thôn được thụ hưởng vẫn ở mức thấp, thể hiện chủ yếu ở các lĩnh vực như giáo dục, y tế – chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội. Nếu những vấn đề đang nảy sinh trong quá trình phát triển này không được giải quyết kịp thời, cảm giác bất công trong cư dân nông thôn sẽ ngày càng gia tăng, từ đó cản trở tiến trình tích hợp phát triển đô thị – nông thôn.

(1) Sự phân bổ dịch vụ công cơ bản giữa đô thị và nông thôn không đồng đều

Thứ nhất, trong lĩnh vực giáo dục, phát triển giáo dục bắt buộc giữa đô thị và nông thôn mất cân đối nghiêm trọng.

²⁰ Lưu Hồng, Triệu Thiên Nga. “Khảo cứu con đường phát triển tích hợp công – nông nghiệp ở tỉnh Hắc Long Giang”, *Kinh tế – Thương mại Phương Bắc*, 2021(06): 2.

Trước hết, mức đầu tư cho giáo dục giữa hai khu vực có sự chênh lệch rất lớn. Các đô thị có nền kinh tế phát triển hơn, vì vậy mức đầu tư cho giáo dục bắt buộc luôn cao hơn đáng kể so với khu vực nông thôn. Trong khi đó, kinh tế nông thôn Trung Quốc phát triển chậm, tình trạng thiếu hụt kinh phí giáo dục phổ biến ở nhiều vùng nông thôn trên cả nước. Kinh phí giáo dục nông thôn chủ yếu đến từ nguồn chuyển giao tài chính của Nhà nước và ngân sách của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, một số huyện, thị vừa mới hoàn thành nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo toàn diện, nên nguồn thu ngân sách còn rất hạn chế, khó có thể đảm bảo cung cấp đầy đủ kinh phí cho giáo dục bắt buộc ở nông thôn. Trong bối cảnh đó, các nguồn lực giáo dục vốn ít ỏi lại có xu hướng ưu tiên phân bổ cho khu vực thị trấn, thị xã.

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, chi phí cho giáo dục nông thôn không ngừng tăng lên: không chỉ phải bảo đảm trả lương giáo viên đúng hạn, mà còn phải đầu tư đổi mới trang thiết bị dạy học và nâng cấp cơ sở vật chất. Trong khi đó, nguồn kinh phí vốn đã eo hẹp lại càng trở nên “thiếu trước hụt sau”, gây áp lực lớn cho sự phát triển giáo dục bắt buộc ở nông thôn. Tiếp theo, nguồn nhân lực giảng dạy giữa đô thị và nông thôn mất cân đối nghiêm trọng. Do môi trường sống ở đô thị thuận lợi hơn, mức đãi ngộ cao và cơ hội phát triển nghề nghiệp rộng mở, các đô thị thu hút được số lượng lớn đội ngũ giáo viên trẻ, có năng lực; vì vậy, chất lượng giáo dục đô thị được bảo đảm ở mức cao. Ngược lại, nông thôn thiếu sức hấp dẫn ở nhiều phương diện, dẫn đến việc rất khó thu hút giáo viên giỏi; đồng thời, đội ngũ giáo viên hiện có tại các vùng nông thôn cũng liên tục bị hao hụt qua từng năm. Điều này khiến các địa phương phải đối mặt với tình trạng không giữ được giáo viên chất lượng, gây khó khăn cho việc nâng cao chất lượng giáo dục ở nông thôn.

Một mặt, đội ngũ giáo viên tiểu học ở nông thôn đang già hóa nghiêm trọng, trình độ tri thức nhìn chung không cao, và phổ biến tình trạng kiêm nhiệm nhiều công việc, khiến chất lượng dạy học bị hạn chế. Mặc dù Kế hoạch giáo viên đặc cách do Nhà nước triển khai đã đạt kết quả tích cực, phần nào giải quyết vấn đề thiếu hụt giáo viên tại một số khu vực nông thôn, nhưng nhiều giáo viên vẫn khó thích nghi với điều kiện sinh hoạt tại làng xã; hơn nữa mức đãi ngộ thấp, gánh nặng giảng dạy nặng nề, làm cho họ thiếu nhiệt huyết trong công việc. Một bộ phận giáo viên thậm chí nảy sinh tâm lý chán nản, làm việc cầm chừng, thiếu đam mê và không cảm thấy có thành tựu nghề nghiệp. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần của chính giáo viên mà còn khiến chất lượng giảng dạy không được bảo đảm. Mặt khác, cơ cấu môn học mất cân đối. Các trường học nông thôn thường có quy mô nhỏ và số lượng giáo viên hạn chế, đặc biệt thiếu giáo viên chuyên trách các môn như âm nhạc, mỹ thuật, khoa học... Do đó, sự phát triển của giáo dục bắt buộc ở khu vực nông thôn vẫn cần được thúc đẩy mạnh mẽ và lâu dài.

Thứ hai, về dịch vụ y tế – chăm sóc sức khỏe, sự chênh lệch giữa đô thị và nông thôn rất lớn, thể hiện rõ cơ cấu nhị nguyên.

Các đô thị không chỉ tập trung nguồn lực kỹ thuật cao và thiết bị y tế hiện đại, mà còn có đội ngũ bác sĩ chuyên môn giỏi. Do đó, cư dân đô thị tiếp cận dịch vụ y tế rất thuận tiện và được hưởng dịch vụ y tế chất lượng cao, hiệu quả. Ngược lại, nông thôn thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực y tế. Chất lượng tổng thể và năng lực phục vụ của đội ngũ bác sĩ nông thôn thường thấp, trình độ học vấn hạn chế và cơ cấu tuổi tác có xu hướng già hóa; do đó, việc xây dựng đội ngũ y tế nông thôn cần được tăng cường cấp

bách. Ở một số khu vực núi cao, vùng sâu vùng xa còn nghèo, số lượng bác sĩ rất ít, khiến vấn đề người dân nông thôn khó tiếp cận dịch vụ y tế trở nên nghiêm trọng.

Bên cạnh đó, nguồn lực y tế nông thôn còn thiếu nghiêm trọng. Trong bối cảnh dịch COVID-19, các trạm y tế ở nông thôn xuất hiện tình trạng thiếu thuốc ở mức độ khác nhau, giường bệnh không đủ, số lượng bác sĩ rõ ràng không đáp ứng nhu cầu, đồng thời năng lực điều trị các ca bệnh nặng ở nông thôn còn hạn chế. Việc chăm sóc hiệu quả cho các nhóm dân cư đặc thù như trẻ em và người cao tuổi vẫn là một ẩn số, khiến công tác phòng chống dịch ở nông thôn chịu áp lực lớn. Về cơ sở vật chất y tế nông thôn, cũng còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ đầu tư tài chính của Nhà nước cho các cơ sở y tế cơ sở như trạm y tế xã và trạm y tế thôn còn thấp; số lượng các điểm y tế và trạm y tế xã ít; trang thiết bị tại các trạm y tế thôn lỗi thời, cấp bậc thấp, chủ yếu chỉ gồm nhiệt kế, máy đo huyết áp, ống nghe tim phổi, trong đó một số thiết bị đã hư hỏng nghiêm trọng, thuốc men thiếu hụt. Hầu hết các trạm y tế thôn ở nhiều địa phương đều trong tình trạng bẩn, lộn xộn, kém chất lượng; không gian nhỏ hẹp, thiếu thông gió, môi trường làm việc gây lo ngại, và tai nạn y tế vẫn xảy ra thường xuyên.

Thứ ba, về an sinh xã hội, hệ thống bảo đảm xã hội ở nông thôn Trung Quốc còn kém xa so với đô thị, thể hiện rõ sự chậm trễ trong xây dựng hệ thống an sinh nông thôn.

Trước hết, hệ thống bảo đảm xã hội đô thị – nông thôn chưa hoàn thiện, thiếu tính liên tục, và ở nông thôn, tình trạng các chính sách bị phân tách rời rạc còn nghiêm trọng hơn, ví dụ như sự kết nối chưa thông suốt giữa hệ thống Bảo hiểm Nông dân mới với bảo hiểm hưu trí cơ bản. Các chương trình an sinh xã hội ở nông thôn do các cơ quan khác nhau phụ trách, trong khi các cơ quan này tương đối độc lập, tồn tại các xung đột lợi ích, thiếu sự phối hợp tổng thể và chia sẻ thông tin giữa các bên, dẫn đến hiệu quả công việc thấp, chi phí vận hành tăng cao và tình trạng quản lý hỗn loạn.

Thứ hai, hệ thống bảo đảm xã hội ở nông thôn còn hạn chế về phạm vi và loại hình, đồng thời mức độ bảo đảm cũng thấp, khó đáp ứng thực sự nhu cầu an sinh, đặc biệt là về hưu trí của đông đảo người dân nông thôn. Bảo hiểm y tế nông thôn có phạm vi bao phủ hẹp, chủ yếu chỉ gồm các chính sách bảo đảm cơ bản, vẫn dừng lại ở mức cung cấp các nhu yếu phẩm tối thiểu cho nhóm dân cư khó khăn, bảo đảm mức sống tối thiểu, khiến họ khó ứng phó với các tình huống bất ngờ như bệnh tật hay tai nạn. Ngược lại, cư dân đô thị thường được hưởng các chế độ bảo đảm xã hội có phạm vi bao phủ rộng hơn và chất lượng cao hơn. Cuối cùng, pháp luật về bảo đảm xã hội chưa hoàn thiện. Trong vấn đề lập pháp, vẫn tồn tại tình trạng chậm trễ, chưa cập nhật kịp thời theo thực tiễn phát triển. Đối với những lĩnh vực quan trọng như bảo hiểm hưu trí và bảo hiểm y tế, pháp luật Trung Quốc hiện hành chỉ có các quy định mang tính nguyên tắc, thiếu tính khả thi và chưa quy định chi tiết. Trong thực tiễn, các địa phương phải tùy theo tình hình cụ thể để điều chỉnh, nên không gian tự chủ tương đối lớn, đồng thời thiếu các văn bản chính sách mang tính cụ thể.

(2) Chênh lệch trong phát triển hạ tầng cơ sở đô thị – nông thôn

Trước hết, chất lượng xây dựng đường giao thông nông thôn còn thấp. Trong thời gian dài, chính quyền địa phương không chú trọng đủ đến chất lượng sau khi hoàn thành và công tác bảo trì sau đó. Sau khi đầu thầu xong, chính quyền thường giao toàn bộ dự án xây dựng cho doanh nghiệp thực hiện, mà không thực hiện đầy đủ vai trò giám sát cần thiết, dẫn đến chất lượng các tuyến đường được xây dựng thấp và khả năng chống chịu

thiên tai kém. Trong quá trình sử dụng, các tuyến đường xuất hiện nhiều vấn đề chất lượng khác nhau, công tác bảo trì, quản lý hậu kỳ chưa được thực hiện tốt, khiến một số tuyến đường có tuổi thọ thấp, và một số đoạn đường bị xói mòn, sạt lở do tác động của mưa, gây ra rất nhiều khó khăn cho việc đi lại của người dân địa phương.

Thứ hai, các cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống nông thôn vẫn còn thiếu hụt nghiêm trọng. Ở nhiều làng núi nghèo, vùng sâu vùng xa, do hạn chế bởi điều kiện địa lý tự nhiên, cơ sở hạ tầng về cấp nước, điện, khí đốt và thu gom rác thải còn rất lạc hậu. Số lượng trạm thu gom rác thải ít ỏi, người dân vẫn có thói quen vứt rác sinh hoạt bừa bãi, dẫn đến tình trạng rác chất đống như núi, khiến công tác xử lý rác thải và ô nhiễm môi trường nông thôn trở thành một vấn đề nan giải. Bên cạnh đó, tỷ lệ sử dụng nước sạch ở nông thôn vẫn còn thấp. Nhiều khu vực nông thôn thiếu các công trình nhà máy nước cần thiết, thiếu thiết bị lọc và khử trùng nước, nên vấn đề an toàn nguồn nước sinh hoạt vẫn tồn tại. Tình trạng này nghiêm trọng hơn ở các vùng nông thôn phía Trung và Tây Trung Quốc, nơi kinh tế kém phát triển.

Cuối cùng, cơ sở hạ tầng mạng ở nông thôn còn thiếu hụt. Tín hiệu mạng 4G tại nông thôn yếu và thường bị gián đoạn, gây ra rất nhiều bất tiện cho người dân. Các công dịch vụ Internet tốc độ cao tại nông thôn ít, phạm vi phủ sóng mạng hạn chế, đi kèm với các vấn đề như tốc độ mạng chậm, mất kết nối, khiến khó đáp ứng nhu cầu phát triển thương mại điện tử và thông tin hóa sản xuất nông nghiệp.

3.2.4. *Mất cân bằng tương tác văn hóa đô thị – nông thôn*

Thứ nhất, tình trạng “rỗng hóa văn hóa” ở nông thôn.

Nền tảng kinh tế của các vùng nông thôn còn yếu kém, kinh phí dành cho xây dựng đời sống văn hóa hạn chế, khiến văn hóa nông thôn trong quá trình phát triển phải đối mặt với nhiều rủi ro và thách thức, đồng thời làm gia tăng sự mất cân bằng trong trật tự văn hóa giữa đô thị và nông thôn. Trong một thời gian dài, Trung Quốc thực hiện chủ trương phát triển ưu tiên khu vực đô thị; các chế độ như chế độ đất đai và chế độ hộ khẩu đều được thiết kế theo hướng ưu tiên đáp ứng nhu cầu phát triển của đô thị. Dưới tác động của quá trình đô thị hóa, nhằm mở rộng không gian phát triển đô thị, ngày càng nhiều đất đai nông thôn bị thu hồi phục vụ đô thị hóa, xâm lấn nghiêm trọng vào không gian sinh tồn vốn có của nông thôn. Các nguồn lực của nông thôn liên tục dịch chuyển một chiều về phía đô thị, đẩy nhanh sự suy giảm của làng quê truyền thống, khiến văn hóa nông thôn dần mất đi nền tảng tồn tại và không gian văn hóa công cộng. Nhiều yếu tố vật chất vốn lưu giữ ký ức và giá trị lịch sử của làng quê đã dần biến mất; nhiều phong tục tập quán liên quan đến nông nghiệp – nông thôn, các giá trị văn hóa nông nghiệp lâu đời và những nghề thủ công truyền thống đang dần mờ nhạt khỏi đời sống xã hội, bản chất giá trị của văn hóa nông thôn cũng theo đó mà phai nhạt trong tiến trình hiện đại hóa.

Ngoài ra, chủ thể văn hóa ở nông thôn đang bị suy giảm nghiêm trọng, dẫn tới tình trạng thiếu vắng lực lượng nòng cốt duy trì đời sống tinh thần của cộng đồng, khiến văn hóa dân gian nông thôn đối mặt với nguy cơ bị mai một. Cơ cấu cư trú ở nông thôn đang già hóa nhanh chóng, trong khi một bộ phận lớn lao động nông thôn di cư ra ngoài làm việc. Nhiều loại hình di sản văn hóa phi vật thể mang đậm bản sắc dân tộc và đặc trưng văn hóa vùng miền như nghệ thuật thêu thùa, dân ca, nghệ thuật cắt giấy... đang gặp phải nhiều mức độ khó khăn khác nhau; thậm chí, một số loại hình văn hóa dân gian do

không có lực lượng kế thừa đã rơi vào tình trạng nguy cấp hoặc đứng trước nguy cơ biến mất hoàn toàn.

Thứ hai, đời sống tinh thần ở nông thôn đang bị gạt ra bên lề.

Văn hóa đô thị mang tính thương mại hóa và giải trí hóa đã lấn át không gian tồn tại của văn hóa nông thôn, gây tác động mạnh mẽ đến thế giới tinh thần của nông dân và lao động nông thôn di cư. Một mặt, văn hóa thương mại và văn hóa tiêu dùng ở đô thị đã ảnh hưởng sâu sắc đến hệ sinh thái văn hóa truyền thống của nông thôn. Những giá trị vốn có của cư dân nông thôn như giản dị, tiết kiệm, cần cù, chịu thương chịu khó đang dần bị hao mòn; thay vào đó là khuynh hướng chạy theo lợi ích kinh tế ngắn hạn, sùng bái đồng tiền, coi trọng vật chất và chủ nghĩa công lợi. Điều này dẫn tới việc khai thác quá mức giá trị thương mại của văn hóa nông thôn, khiến văn hóa truyền thống đánh mất tính đa dạng và bản sắc địa phương vốn có. Bên cạnh đó, các hoạt động “đưa văn hóa về cơ sở” vốn nhằm thúc đẩy sự thịnh vượng văn hóa chung giữa đô thị và nông thôn lại chưa đạt được kỳ vọng về phát triển mạnh mẽ và thịnh vượng toàn diện. Ngầm chứa trong những hoạt động này là tư duy mặc định cho rằng văn hóa đô thị ưu trội hơn văn hóa nông thôn. Công tác triển khai thiếu chiều sâu, nhiều chương trình mang tính hình thức, không đáp ứng được nhu cầu văn hóa thực chất của người dân nông thôn. Hệ quả là mức độ đồng nhất hóa văn hóa giữa đô thị và nông thôn ngày càng cao, làm suy giảm và pha loãng những giá trị văn hóa truyền thống của làng quê.

Mặt khác, văn hóa đô thị cũng làm suy giảm tính mềm dẻo và độ bền vững tự quản vốn có của xã hội nông thôn. Trong quá trình văn minh công nghiệp đô thị được truyền dẫn mạnh mẽ vào nông thôn, những giá trị nguyên bản của văn hóa làng xã không được tiếp nối, đồng thời đặc tính nội sinh của văn hóa nông thôn cũng bị xem nhẹ, khiến cho cốt lõi tinh thần của các chuẩn mực lễ tục truyền thống dần bị bào mòn. Trong tiến trình đô thị hóa, công tác xây dựng văn hóa nông thôn ở nhiều địa phương rơi vào tình trạng rối ren, thiếu trật tự; đời sống văn hóa tinh thần của cư dân nông thôn trở nên ngày càng đơn điệu. Bên cạnh đó, văn hóa tông tộc và các hoạt động mê tín phong kiến có xu hướng lan rộng; xem bói, coi hướng nhà, phong thủy... xuất hiện thường xuyên, gây tác động tiêu cực đến đời sống tinh thần của người dân. Ngoài ra, quan hệ láng giềng trong thôn xóm ngày càng trở nên lạnh nhạt, bị chi phối nhiều hơn bởi lợi ích, dẫn đến xung đột và mâu thuẫn gia tăng. Các giá trị đạo lý truyền thống, hương ước – lệ làng và hệ thống lễ tục đặc trưng của nông thôn dần bị đẩy ra ngoài lề.

3.2.5. Tính tổng thể trong hội nhập sinh thái đô thị – nông thôn chưa đầy đủ

Mặc dù công tác bảo vệ môi trường sinh thái của Trung Quốc đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng để tiếp tục phát triển ở mức độ cao hơn vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức.

Thứ nhất, dòng chảy các sản phẩm sinh thái giữa đô thị và nông thôn chưa thông suốt. Do chịu tác động của nhiều yếu tố như trình độ phát triển kinh tế khác biệt giữa hai khu vực, chế độ hộ khẩu hay khoảng cách địa lý, môi trường sinh thái đô thị – nông thôn vẫn tồn tại tình trạng phân tách, thiếu sự liên thông, và vai trò dẫn dắt của đô thị chưa thể hiện rõ. Khu vực nông thôn Trung Quốc vốn sở hữu nhiều lợi thế sinh thái đặc thù: chất lượng đất canh tác nhìn chung tốt, hệ sinh vật phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, quá trình hiện thực hóa giá trị của các sản phẩm sinh thái lại gặp nhiều trở ngại, như khó khăn về mặt kỹ thuật, hệ thống tính toán – đánh giá giá trị chưa thống nhất, quá trình giao dịch sản

phẩm sinh thái giữa các chủ thể liên quan thiếu sự kết nối trơn tru. Bên cạnh đó, năng lực của các tổ chức tập thể ở nông thôn còn hạn chế, trình độ quản lý và vận hành thiếu tính chuyên nghiệp, nguồn nhân lực có chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác khai mở giá trị tiềm năng của sản phẩm sinh thái còn chưa sâu, dẫn tới sức mua từ phía cư dân đô thị đối với sản phẩm sinh thái nông thôn chưa cao, và giá trị tiềm tàng của các sản phẩm này vẫn chưa được phát huy đầy đủ.

Thứ hai, phương thức chuyển hóa giá trị “non xanh, nước biếc” thành “núi vàng, sông bạc” còn quá đơn nhất, chủ yếu dựa vào hai hình thức là chi trả dịch vụ môi trường sinh thái và phát triển du lịch sinh thái. Trong thực tiễn, nhiều địa phương chưa thực sự coi trọng “bát cơm vàng” từ tài nguyên sinh thái, chưa hiểu hoặc chưa biết khai thác, phát huy hiệu quả giá trị mà các nguồn lực sinh thái mang lại. Bên cạnh đó, phát triển du lịch sinh thái tại nhiều nơi còn tồn tại không ít vấn đề. Mặc dù du lịch sinh thái có vai trò rõ rệt trong việc bảo vệ môi trường và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, nhưng ở một số khu vực, công tác quy hoạch du lịch sinh thái chưa được chú trọng đúng mức, tình trạng quy hoạch chậm, thiếu tầm nhìn dài hạn vẫn diễn ra phổ biến. Số lượng sản phẩm du lịch sinh thái đặc sắc, có sức cạnh tranh trên thị trường còn rất hạn chế. Nhiều địa phương còn phát triển ồ ạt, thiếu định hướng, dẫn đến khai thác quá mức, gây tổn hại nghiêm trọng đến tài nguyên tự nhiên và hệ sinh thái.

Thứ ba, hệ thống bảo vệ môi trường sinh thái hiện hành vẫn tồn tại một số vấn đề. Mặc dù Trung Quốc đã ban hành các văn bản chính sách về bồi hoàn dịch vụ hệ sinh thái, nhưng các văn bản hỗ trợ và quy định ở cấp địa phương vẫn còn rất thiếu, cần tiếp tục hoàn thiện các cơ chế như bồi hoàn phân loại, bồi hoàn tổng hợp và thúc đẩy đa dạng hóa hình thức bồi hoàn.

Thứ tư, các chủ thể tham gia cơ chế bồi hoàn dịch vụ hệ sinh thái hiện nay còn hạn chế; nhiều chính quyền địa phương, các tổ chức tập thể và doanh nghiệp chưa tham gia đầy đủ. Bên cạnh đó, kênh huy động nguồn vốn cho bồi hoàn dịch vụ hệ sinh thái còn đơn nhất và phân tán, chủ yếu dựa vào nguồn chuyển giao tài chính từ ngân sách. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu hụt kinh phí, khó đáp ứng nhu cầu bảo vệ môi trường sinh thái.

Để thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn toàn diện, cần chú trọng phát huy những lợi thế sinh thái đặc thù của nông thôn, biến tài nguyên sinh thái tốt thành tài sản sinh thái và nguồn lực làm giàu cho người dân. Tuy nhiên, trong một thời gian khá dài, công tác bảo vệ môi trường sinh thái ở nông thôn không phát triển đồng bộ với đô thị, nguyên nhân chủ yếu nằm ở sự thiếu hụt nhận thức bảo vệ của các chủ thể. Nhiều địa phương tại Trung Quốc rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Không ít nông dân còn thiếu tư duy về phát triển bền vững, coi trọng lợi ích kinh tế hơn, dẫn tới việc phát triển kinh tế thường phải đánh đổi bằng phá hủy tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái. Cách phát triển này là không khoa học và không bền vững, khiến các vùng nông thôn dần đánh mất lợi thế sinh thái tự nhiên vốn có. Làm thế nào để chuyển hóa thành công “non xanh nước biếc” thành “núi vàng sông bạc”, đồng thời nâng cao mức độ thụ hưởng và cảm nhận lợi ích của người dân một cách thực chất, chính là vấn đề lớn cần phải giải quyết.

CHƯƠNG 4: CÁC CON ĐƯỜNG THỰC TIỄN THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN TÍCH HỢP ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN TRUNG QUỐC

Phát triển tích hợp đô thị – nông thôn là một đổi mới lý luận quan trọng và là sự khám phá thực tiễn trong quá trình Trung Quốc hóa tư tưởng Mác-xít về tích hợp đô thị – nông thôn. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và lành mạnh, triển khai vững chắc mục tiêu thịnh vượng chung, cũng như hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Do đó, cần nghiêm túc nắm vững logic lý luận và logic thực tiễn của sự biến đổi quan hệ đô thị – nông thôn ở Trung Quốc; tiếp tục kiên trì lấy tư tưởng Mác-xít về tích hợp đô thị – nông thôn làm kim chỉ nam khoa học; xuất phát từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và thực trạng quan hệ sản xuất hiện nay; đồng thời tuân theo các quy luật phát triển kinh tế – xã hội một cách tuần tự, từng bước, nhằm khám phá các con đường thực thi hiệu quả cho phát triển tích hợp đô thị – nông thôn.

4.1. Lấy tích hợp thể chế và cơ chế làm khâu đột phá trọng tâm, qua đó thúc đẩy tích hợp về mặt chế độ giữa đô thị và nông thôn

4.1.1. Làm sâu sắc hơn nữa cải cách chế độ hộ tịch đô thị – nông thôn.

Đẩy nhanh cải cách chế độ hộ tịch là yêu cầu tất yếu để thúc đẩy toàn diện phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Trong thời gian dài, cơ chế hộ tịch mang tính nhị nguyên đô thị – nông thôn đã tạo ra sự bất bình đẳng về cơ hội phát triển giữa các khu vực, kéo theo nhiều vấn đề liên quan đến hiệu quả và công bằng, đồng thời cản trở quá trình hình thành cục diện cùng xây dựng, cùng quản trị, cùng chia sẻ. Do đó, Nhà nước cần tiếp tục thúc đẩy quá trình đô thị hóa dân số, tăng cường cải cách chế độ hộ tịch, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho phát triển tích hợp đô thị – nông thôn.

Thứ nhất, cần giảm bớt các điều kiện đăng ký hộ tịch tại các tỉnh, thành phố trên toàn Trung Quốc, tiếp tục nới lỏng các hạn chế về nhập hộ khẩu tại các đô thị lớn. Đồng thời, cần yêu cầu các địa phương triển khai nghiêm túc các quy định trong “*Ý kiến về việc tiếp tục thúc đẩy cải cách chế độ hộ tịch*”, “*Ý kiến về đẩy mạnh xây dựng đô thị hóa lấy thị trấn/huyện lỵ làm trọng tâm*” cùng các chính sách mới nhất liên quan đến cải cách chế độ hộ tịch. Bên cạnh đó, cần đơn giản hóa quy trình xét duyệt chuyển đổi hộ khẩu giữa đô thị và nông thôn, thực hiện quản lý phân loại, đồng thời tiếp tục hoàn thiện công tác điều tra, thống kê hộ tịch, qua đó tạo nền tảng thể chế vững chắc cho phát triển tích hợp đô thị – nông thôn²¹. Nới lỏng các điều kiện đăng ký hộ tịch sẽ góp phần tăng cường sức sống đô thị, thu hút và tập hợp các loại hình nhân lực, đồng thời tạo sức ép thúc đẩy nâng cấp đồng bộ các hạng mục hạ tầng và dịch vụ đô thị, qua đó làm cho đời sống đô thị trở nên tốt đẹp và bao dung hơn. Trên cơ sở cân nhắc tổng thể năng lực gánh chịu của đô thị, trình độ phát triển kinh tế và nhu cầu của người dân, cần kiên trì các nguyên tắc cơ bản như công bằng – chính trực, lấy con người làm trung tâm, phù hợp với điều kiện địa phương và thực hiện theo trình tự chuẩn mực; đồng thời cụ thể hóa các tiêu chuẩn liên quan, nới lỏng các điều kiện đăng ký hộ khẩu đối với nhiều nhóm nhân tài, bao gồm cả sinh viên tốt nghiệp đại học, nhằm thúc đẩy dòng chảy tự do của nguồn lực nhân lực. Trong quá trình triển khai thực tế, các đô thị vừa và nhỏ không chỉ cần mở rộng tối đa điều kiện đăng ký hộ

²¹ Đường Cung (2022). *Những khó khăn và giải pháp trong cải cách chế độ hộ tịch dưới bối cảnh đô thị hóa kiểu mới*. Diễn đàn Hồ Tương, số 35(03), tr. 84–95.

khẩu mà còn phải chú trọng phát triển kinh tế địa phương, thúc đẩy chuyển đổi và nâng cấp cơ cấu ngành nghề, khắc phục những điểm yếu trong xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển mạnh các ngành nghề đặc thù phù hợp với lợi thế nguồn lực của địa phương, qua đó thu hút và hỗ trợ số lượng lớn lao động nông thôn di cư tìm kiếm việc làm và khởi nghiệp, đồng thời nâng cao mức độ bảo đảm an sinh xã hội. Về phía công tác của chính quyền, cần hoàn thiện nền tảng dịch vụ quản lý hộ tịch, ứng dụng công nghệ hiện đại để thực hiện quản lý thông minh và tinh gọn; tận dụng hệ thống số hóa và các công nghệ thông tin để nâng cao hàm lượng khoa học – công nghệ trong công tác quản lý, từ đó nâng cao hiệu quả làm việc.

Thứ hai, xây dựng hệ thống đăng ký hộ tịch thống nhất giữa đô thị và nông thôn. Hiện nay, trong tiến trình cải cách chế độ hộ tịch ở Trung Quốc, các rào cản “hữu hình” của hệ thống hộ khẩu đã từng bước được xóa bỏ; việc đăng ký hộ khẩu không còn ghi rõ tính chất hộ khẩu, và tất cả đều được thống nhất dưới tên gọi “hộ khẩu thường trú của cư dân”. Tuy nhiên, cải cách hộ tịch không chỉ dừng lại ở sự thay đổi mang tính hình thức của danh tính, mà cần phải giải quyết một cách căn bản tình trạng bất bình đẳng về phúc lợi xã hội ẩn sau sự phân biệt giữa hộ khẩu đô thị và hộ khẩu nông thôn. Vì vậy, để thực hiện phát triển tích hợp đô thị – nông thôn, cần dũng cảm vượt qua các “vùng nước xoáy”, sẵn sàng xử lý những vấn đề nan giải, từng bước tách bỏ những lợi ích gắn chặt với hộ khẩu, đồng thời tiếp tục làm rõ chức năng giá trị của chế độ hộ tịch. Cần kiên trì nguyên tắc lấy con người làm trung tâm, xác định rõ các chức năng quản lý cơ bản như đăng ký và quản lý thông tin dân cư, qua đó trả lại cho chế độ hộ tịch đúng bản chất vốn có của nó²². Ngoài ra, cần xây dựng và hoàn thiện chế độ việc làm bình đẳng cho người lao động ở đô thị và nông thôn, khuyến khích lực lượng lao động dư thừa trong nông nghiệp chuyển dịch hợp lý, có trật tự và gần nơi làm việc tại các đô thị. Chính phủ cần liên tục tối ưu hóa môi trường việc làm cho lao động nông thôn tại đô thị, tăng cường đào tạo kỹ năng nghề cho công nhân nông thôn, triển khai rộng rãi các chương trình đào tạo trước khi nhận việc và nâng cao kỹ năng nghề nhằm thúc đẩy cơ hội việc làm. Đồng thời, cần xóa bỏ các bất công gắn với chế độ hộ khẩu nhị nguyên, như sự bất bình đẳng trong phân bổ nguồn lực và địa vị pháp lý giữa cư dân đô thị và nông thôn, đồng thời bảo đảm đời sống cho công nhân nông thôn nhập cư, bảo đảm cung cấp đầy đủ học bậc giáo dục bắt buộc cho con em công nhân nông thôn, mở rộng các kênh bảo vệ quyền lợi trực tuyến và trực tiếp, để họ thực sự hòa nhập với đời sống đô thị, sống có phẩm giá và có triển vọng phát triển.

4.1.2. Thúc đẩy sâu rộng cải cách chế độ đất đai nông thôn

Thứ nhất, cải cách và hoàn thiện chế độ đất nông nghiệp giao khoán ở nông thôn.

Cần xóa bỏ các rào cản trong lưu chuyển đất nông nghiệp và mở rộng phạm vi chuyển nhượng quyền nhận khoán đất thuộc sở hữu tập thể nông thôn. Trong nhiều năm qua, ngày càng nhiều nông dân rời bỏ quê hương – nơi họ đã sinh sống lâu dài – để vào đô thị làm việc và định cư. Hệ quả là lực lượng lao động nông thôn thất thoát với quy mô lớn, nhiều làng truyền thống đối mặt với nguy cơ suy tàn, và xu thế sáp nhập – tái cấu trúc đất đai trở thành tất yếu. Cải cách chế độ đất nhận khoán ở nông thôn cần tuân thủ yêu cầu “phân tách ba quyền”, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa ba chủ thể: tập thể nông thôn, hộ nhận khoán và chủ thể sản xuất – kinh doanh đất. Mục tiêu là bảo đảm thực thi đầy đủ

²² Trần Bằng, “Cải cách chế độ hộ tịch giai đoạn mới: Tiến triển, vấn đề và đối sách.” *Cải cách Quản lý Hành chính*, số 10, 2018, tr. 57.

quyền sở hữu, duy trì ổn định quyền nhận khoán, đồng thời tạo sự linh hoạt cho quyền khai thác – sử dụng, qua đó thúc đẩy lưu động các yếu tố đất đai và mở ra con đường phát triển nông nghiệp hiện đại.

Song song với đó, cần giữ ổn định mô hình nhận khoán hiện hành, đối diện thực tế tồn tại lâu dài của sản xuất tiểu nông, và xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế hộ gia đình với mô hình sản xuất quy mô phù hợp. Sau khi vòng giao khoán thứ hai hết hạn, tiếp tục kiên trì nguyên tắc gia hạn, bảo đảm duy trì ổn định dài đa số quan hệ giao khoán; đồng thời tiếp tục mở rộng thí điểm gia hạn thêm 30 năm sau khi hết hạn giao khoán²³. Ngoài ra, phải tiếp tục làm thông suốt quyền khai thác – kinh doanh đất nhận khoán, phát huy tối đa giá trị của tài nguyên đất đai, nhưng đồng thời bảo đảm nguyên tắc đất nông nghiệp phải được sử dụng cho mục đích nông nghiệp, ưu tiên tuyệt đối cho sản xuất lương thực. Việc này đòi hỏi tăng cường giám sát chặt chẽ về mục đích sử dụng đất.

Thứ hai, hoàn thiện chế độ thu hồi đất ở khu vực nông thôn.

Trước hết, cần kiểm soát chặt chẽ quy mô và phạm vi thu hồi đất, dành lại nhiều hơn quỹ đất và phần thu từ đất cho tập thể, qua đó thúc đẩy giao dịch công bằng đối với các yếu tố đất đai. Cần xác định rõ nội hàm của khái niệm “lợi ích công cộng”; trong các trường hợp tiêu chí về lợi ích công cộng chưa được xác định rõ ràng, có thể đưa ra cơ chế giải quyết thông qua trọng tài hoặc để cơ quan tư pháp phán quyết. Tiếp đó, cần xây dựng một quy trình thu hồi đất khoa học và chuẩn mực, tăng cường giám sát và quản lý quyền thu hồi đất. Các trường hợp thu hồi đất phải được công bố trước, với các nội dung bao gồm mục đích sử dụng đất, tiêu chuẩn bồi thường, phương án bố trí – tái định cư... nhằm bảo đảm người có đất bị thu hồi được tiếp cận đầy đủ thông tin. Các bước trong quy trình thu hồi đất và nội dung thông báo thu hồi cần được thẩm định nghiêm ngặt để thực sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến đất đai của nông dân. Kiên quyết loại bỏ các hành vi thu hồi đất mang tính bạo lực hoặc không nhằm phục vụ lợi ích công cộng; có thể sử dụng cơ chế thương lượng hoặc khởi kiện để bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp trong thu hồi đất nông thôn²⁴.

Vì vậy, việc kịp thời hóa giải các mâu thuẫn, tranh chấp trở nên đặc biệt quan trọng; cần xử lý thỏa đáng các tình huống phát sinh liên quan đến thu hồi đất và giải tỏa, đồng thời thực hiện nghiêm túc công tác giải thích chính sách và công tác tư tưởng. Tuyệt đối không sử dụng các biện pháp đơn giản, thô bạo để áp chế người dân, nhằm ngăn ngừa tình hình mâu thuẫn bị đẩy lên cấp độ nghiêm trọng hơn.

Thứ ba, xây dựng chế độ quản lý đất đai thống nhất giữa đô thị và nông thôn.

Trước hết, cần thực thi nghiêm ngặt chế độ kiểm soát mục đích sử dụng đất; các xã, thị trấn và thôn hành chính phải xác lập rõ trách nhiệm, thực hiện đầy đủ chức năng quản lý, tiến hành rà soát toàn diện tình hình sử dụng đất, lập sổ đăng ký, lưu trữ hồ sơ, nắm chắc thông tin về quyền sở hữu đất, số lượng và phân bố không gian đất đai đô thị – nông thôn trong phạm vi quản lý, qua đó thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ đất canh tác và đất nông nghiệp.

²³ Hùng Sài, Thái Kế Minh, Lưu Uyển. *Phát triển tích hợp đô thị – nông thôn và cải cách chế độ đất đai*. Tạp chí Bình luận Kinh tế Chính trị, 2021, 12(05): 107.

²⁴ Dương Nhất Minh, Vương Kiện, Ngô Quân. *Nghiên cứu cơ chế tác động của sự dịch chuyển các yếu tố vật chất giữa đô thị và nông thôn đối với phát triển tích hợp đô thị – nông thôn*. Tạp chí Tiến bộ Khoa học Địa lý, 2022, 41(12): 2191–2202.

Tiếp theo, cần kiên định thúc đẩy sử dụng đất một cách tiết kiệm và hiệu quả. Việc tăng cường kiểm soát quy hoạch giữ vai trò then chốt; phải bố trí tổng thể nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực, kiểm soát chặt chẽ ngay từ nguồn, thực hiện nghiêm quy trình thẩm tra trước khi sử dụng đất và rà soát hiện trạng. Đối với đất công nghiệp, thương mại ở cấp xã, thị trấn, cần ưu tiên “kích hoạt” và tái sử dụng quỹ đất hiện có. Đồng thời, phải tiến hành kiểm tra toàn diện hiện trạng sử dụng tiết kiệm và tập trung của đất xây dựng, xác định rõ tình hình khai thác quỹ đất xây dựng đô thị, áp dụng nhiều biện pháp để đưa đất bị bỏ hoang, “đất nhàn rỗi” vào sử dụng, quản lý khoa học và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên đất nhằm thực hiện mục tiêu sử dụng đất tiết kiệm và hiệu quả.

Cuối cùng, cần đẩy nhanh việc hoàn thiện chế độ quản lý đất ở nông thôn, kiên trì thực hiện nguyên tắc quy hoạch đi trước và bảo đảm thực thi quy hoạch. Việc quản lý đất đai nông thôn phải được tăng cường; việc xây dựng nhà ở trên đất ở nông thôn phải phù hợp với quy hoạch đã phê duyệt, đồng thời khai thác hiệu quả quỹ đất trống và đất ở bị bỏ hoang. Bên cạnh đó, cần áp dụng các biện pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, xét đến sự khác biệt về điều kiện tài nguyên, vị trí địa lý và giai đoạn phát triển của các vùng, các làng trong cả nước.

4.1.3. Đẩy mạnh cải cách hệ thống tài chính nông thôn

Thứ nhất, hoàn thiện và củng cố hệ thống tổ chức tài chính nông thôn.

Trong bối cảnh triển khai Chiến lược chấn hưng nông thôn, cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách các tổ chức tài chính truyền thống ở khu vực nông thôn, qua đó hình thành một hệ thống tài chính nông thôn đa tầng nấc, trong đó tài chính chính sách và tài chính thương mại giữ vai trò chủ đạo, còn các tổ chức tài chính hợp tác đóng vai trò bổ trợ²⁵. Trước hết, các tổ chức tài chính chính sách cần phát huy ưu thế đặc thù, tăng cường năng lực bảo đảm nguồn vốn và mở rộng phạm vi tín dụng. Đặc biệt, cần cung cấp cho nông dân các khoản vay chi phí thấp, thời hạn dài trong những lĩnh vực như bảo vệ đất canh tác, phát triển nông nghiệp hiện đại và xây dựng nông thôn, qua đó tạo động lực mạnh mẽ cho chấn hưng nông thôn. Các tổ chức tài chính chính sách cũng cần phát triển đa dạng các sản phẩm tín dụng và dịch vụ tài chính phù hợp với nhu cầu thực tế của nông dân; mở rộng các kênh huy động vốn phục vụ phát triển các mô hình tích hợp công-nông-dịch vụ ở nông thôn; thúc đẩy xây dựng hệ thống bảo lãnh tài chính của Nhà nước; hỗ trợ sự phát triển của doanh nghiệp thị trấn, thị tứ và các chủ thể tam nông, đi kèm các chính sách ưu đãi và hỗ trợ tương ứng. Thông qua việc thường xuyên triển khai các hoạt động tiếp cận khu công nghiệp, tiếp cận doanh nghiệp và tiếp cận từng hộ nông dân, chất lượng và hiệu quả của dịch vụ bảo lãnh tín dụng sẽ được nâng cao.

Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò chủ đạo của ngân hàng thương mại, tiêu biểu là Ngân hàng Nông nghiệp Trung Quốc và hệ thống Hợp tác xã Tín dụng Nông thôn, trong quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn²⁶. Các hợp tác xã tín dụng nông thôn cần kiên trì nguyên tắc phục vụ xây dựng nông thôn, tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực phục vụ tam nông, cải thiện phương thức cung ứng dịch vụ và nỗ lực tiệm cận mô hình doanh nghiệp tài chính hiện đại. Đồng thời, các đơn vị này phải dựa trên điều kiện tài nguyên sẵn

²⁵ Triệu Khoa Lạc. “Khám phá các hướng đi đẩy nhanh cải cách tài chính nông thôn dưới bối cảnh Chiến lược chấn hưng nông thôn”. Tạp chí Kinh tế Nông nghiệp, số 09, năm 2022, trang 93.

²⁶ Quách Bành Phi. Một số kiến nghị nhằm thúc đẩy cải cách sâu rộng hệ thống tài chính nông thôn [Tạp chí Quan sát Kiểm toán], 2022(08): 60.

có, phát huy lợi thế bản địa, mở rộng và kéo dài chuỗi dịch vụ tài chính xuống tận thôn xóm – đồng ruộng, khai thác nguồn khách hàng tiềm năng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của cư dân nông thôn, qua đó không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh cốt lõi của hệ thống tín dụng nông thôn. Đối với các tổ chức tài chính thương mại, cần phát huy đầy đủ ưu thế của ngân hàng thương mại quy mô lớn, tập trung vào nghiệp vụ tín dụng và nhiệm vụ phục vụ nông thôn; định hướng tín dụng cho sản xuất nông nghiệp ưu tiên các ngành nông nghiệp đặc thù, các hộ sản xuất – kinh doanh lớn trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, cũng như các chủ thể sản xuất nông nghiệp mới. Đồng thời, các tổ chức này phải cung cấp cho nông hộ nhiều loại hình dịch vụ như thanh toán nhỏ, chuyển tiền, dịch vụ đại lý nộp phí... nhằm bảo đảm kết nối chính xác giữa cung và cầu dịch vụ tài chính, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tài chính – tín dụng của các chủ thể liên quan đến nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

Thứ hai, cải thiện môi trường tài chính nông thôn.

Trước hết, cần đẩy mạnh xây dựng hệ thống tín nhiệm nông thôn. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời khuyến khích các tổ chức tài chính phục vụ nông nghiệp – nông thôn và các lực lượng xã hội khác tích cực tham gia vào việc xây dựng các nền tảng tín nhiệm, cùng nhau hình thành hệ thống thông tin tín nhiệm nông thôn. Cần tăng cường ứng dụng công nghệ, sử dụng dữ liệu lớn để thu thập đa kênh thông tin tín nhiệm của các chủ thể sản xuất – kinh doanh ở khu vực nông thôn, xây dựng các “chân dung tín nhiệm” chính xác, thúc đẩy số hóa dữ liệu tín nhiệm, qua đó tăng tốc phát triển tài chính số. Ngoài ra, có thể định kỳ công bố danh sách các trường hợp vi phạm tín nhiệm nhằm chấn chỉnh hành vi thiếu uy tín và hoàn thiện cơ chế ràng buộc đối với các hành vi mất tín nhiệm. Việc đẩy mạnh tuyên truyền về hệ thống tín nhiệm cũng là biện pháp hiệu quả; hoạt động tuyên truyền cần được triển khai đến từng làng xã để nâng cao nhận thức của người dân về văn hóa tín nhiệm.

Tiếp đó, cần hoàn thiện hệ thống thanh toán nông thôn. Việc phổ biến kiến thức tài chính đến các thôn, hộ dân; khuyến khích sử dụng các công cụ thanh toán không dùng tiền mặt; và chủ động hướng dẫn nông dân sử dụng các phương thức thanh toán trực tuyến qua điện thoại sẽ giúp người dân hưởng lợi từ sự tiện ích của dịch vụ tài chính số. Đối với tình trạng người dân còn hạn chế nhận thức về thanh toán không dùng tiền mặt, cần tổ chức các hoạt động truyền thông rộng rãi nhằm thay đổi tư duy truyền thống. Các tổ chức tài chính có thể thực hiện tuyên truyền trực tiếp tại các điểm giao dịch ở cấp xã, tại quảng trường, siêu thị; trong khi đài truyền hình và phát thanh cấp huyện có thể phổ biến các nội dung hướng dẫn sử dụng thanh toán điện tử và thanh toán qua điện thoại, giúp người dân từng bước hình thành thói quen sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến.

4.2. Lấy hội nhập công nghiệp làm nền tảng, thúc đẩy sự thịnh vượng chung giữa đô thị và nông thôn

4.2.1. Thúc đẩy phát triển hiện đại hóa nông nghiệp

Phát triển hiện đại hóa nông nghiệp không thể tách rời vai trò hỗ trợ mạnh mẽ của đổi mới khoa học – công nghệ. Vì vậy, cần tăng cường hỗ trợ và đầu tư cho nghiên cứu cơ bản và các công nghệ cốt lõi, giải quyết những điểm nghẽn trong các công nghệ then chốt. Trước hết, phải đẩy mạnh nghiên cứu đột phá về công nghệ nguồn giống, triển khai cải thiện và đổi mới nguồn gen, thúc đẩy nâng cấp các công nghệ lai tạo truyền thống, qua đó từng bước làm chủ và tự chủ các công nghệ lõi về nguồn giống, tiến tới phục hưng ngành

giống. Tập trung vào các loại cây trồng chủ lực như đậu tương, ngô, lúa gạo, đẩy mạnh hợp tác chiều sâu với Viện Khoa học Nông trường và các viện – trường nghiên cứu trên toàn quốc, tăng cường xây dựng hệ thống lai tạo giống, nghiên cứu và phát triển các giống mới xanh, thích ứng với cơ giới hóa, từng bước hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo về giống cây trồng.

Thứ hai, tăng cường đầu tư cho đổi mới khoa học – công nghệ trong nông nghiệp. Cần thực thi đầy đủ các chính sách khuyến khích doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp đầu tư cho đổi mới khoa học – công nghệ; đồng thời hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia đăng ký các chương trình, đề tài khoa học – công nghệ, qua đó nâng cao động lực và mức độ chủ động của doanh nghiệp trong hoạt động R&D. Song song với đó, phải tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án khoa học – công nghệ, bảo đảm kinh phí được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và đạt hiệu quả.

Ngoài ra, cần thực hiện nghiêm túc công tác thẩm định, giải ngân các khoản hỗ trợ cho hoạt động đổi mới khoa học – công nghệ trong nông nghiệp; phát huy tối đa vai trò của nguồn lực tài chính công trong việc thúc đẩy doanh nghiệp nông nghiệp tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo. Đồng thời, việc khen thưởng đối với đội ngũ cán bộ khoa học – công nghệ là hết sức cần thiết. Cần hoàn thiện cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo, mở rộng phạm vi chi trả thù lao nghiên cứu cho các nhà khoa học, đồng thời trao các danh hiệu và quỹ khen thưởng phù hợp nhằm khơi dậy tính năng động, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học nông nghiệp, góp phần vào sự nghiệp hiện đại hóa nông nghiệp và thúc đẩy thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay.

Thứ ba, thúc đẩy cơ giới hóa và thông minh hóa thiết bị nông nghiệp. Cần khắc phục hai điểm nghẽn lớn gồm tỷ lệ cơ giới hóa tổng hợp trong nông nghiệp còn thấp và năng lực nghiên cứu – chế tạo thiết bị nông nghiệp còn hạn chế, từ đó nâng cao mức độ cơ giới hóa đồng bộ trong toàn bộ quy trình sản xuất cây trồng. Đồng thời, phải chủ động tìm kiếm các mô hình tích hợp giữa cơ giới hóa và tin học hóa; xây dựng nền tảng giám sát dịch vụ thiết bị nông nghiệp thông minh và hệ thống giám sát IoT dành cho thiết bị nông nghiệp không người lái; thúc đẩy đổi mới công nghệ trong lĩnh vực máy móc nông nghiệp thông minh; đẩy nhanh phổ cập và ứng dụng trang thiết bị nông nghiệp hiện đại. Những giải pháp này sẽ tạo nền tảng kỹ thuật – công nghệ vững chắc cho tiến trình hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở trình độ cao.

4.2.2. Tăng cường xây dựng đội ngũ nhân lực cho lĩnh vực “tam nông”

Thứ nhất, thúc đẩy nguồn nhân lực bản địa quay trở lại nông thôn.

Các địa phương cần coi trọng việc thu hút nhân lực tại chỗ, khuyến khích lao động nông thôn đã ra thành phố quay về quê hương để đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, đồng thời bồi dưỡng và hỗ trợ lực lượng nhân tài bản địa, tạo dựng môi trường việc làm thuận lợi cho họ. Tiến trình chấn hưng nông thôn đòi hỏi đội ngũ nông dân chuyên nghiệp ngày càng đông đảo; vì vậy, cần triển khai đầy đủ và hiệu quả các chính sách nhân tài, cung cấp các nền tảng phát triển rộng mở cho nhiều nhóm nhân lực khác nhau. Cần thành lập các tổ công tác chuyên trách về thu hút nhân lực cho nông thôn; đối với những người có nguyện vọng hồi hương, phải tăng cường công tác giáo dục, định hướng, đồng thời mở các “kênh xanh” tiếp nhận nhân lực, áp dụng những chính sách ưu đãi thiết thực nhằm khơi dậy động lực gắn bó và lập nghiệp lâu dài tại địa phương.

Bên cạnh đó, cần thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học xuất thân từ nông thôn quay về quê hương để lập nghiệp và làm việc. Nhờ quá trình học tập chuyên môn nhiều năm, lực lượng này có tầm nhìn rộng, nền tảng tri thức vững vàng, sẵn có tình cảm gắn bó với quê hương và hiểu biết sâu sắc về thực tế nông thôn. Do vậy, chính quyền các địa phương cần ban hành chính sách hỗ trợ khởi nghiệp dành cho sinh viên, hoàn thiện các nền tảng khởi nghiệp và mô hình dịch vụ hỗ trợ đa dạng; cung cấp hỗ trợ thiết thực về hướng dẫn khởi nghiệp, tư vấn chính sách và hỗ trợ tài chính, qua đó tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho sinh viên về quê lập nghiệp, thúc đẩy các dự án đổi mới sáng tạo phát triển bền vững.

Thứ hai, triển khai nhiều biện pháp đồng bộ để thu hút đội ngũ nhân lực chuyên môn từ đô thị về làm việc và khởi nghiệp tại nông thôn.

Cần chủ động mở rộng các kênh để đưa nguồn nhân lực thành thị về nông thôn, hình thành cơ chế hỗ trợ bền vững cho lực lượng này. Đồng thời, hoàn thiện chính sách và các biện pháp hỗ trợ đối với nhân lực về nông thôn, kết hợp hài hòa giữa khuyến khích vật chất và động viên tinh thần; không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh ở nông thôn, nâng cao chất lượng dịch vụ công, từ đó xóa bỏ những lo ngại để họ yên tâm gắn bó và cống hiến lâu dài tại địa bàn nông thôn²⁷. Trước hết, chính quyền có thể định kỳ tổ chức cho thanh niên đô thị về cơ sở, cử tình nguyện viên xuống tuyến đầu nông thôn để tham gia các hoạt động tình nguyện phục vụ chương trình chấn hưng nông thôn; trực tiếp góp sức tại hiện trường, triển khai những việc làm thiết thực, giải quyết khó khăn cho người dân. Tổ chức cho sinh viên về quê tham gia thực tập và trải nghiệm thực tế. Thông qua các hoạt động như giới thiệu định hướng phát triển địa phương, phổ biến chính sách thu hút nhân tài, khảo sát – học tập mô hình sản xuất, tuyển dụng theo nhu cầu, qua đó định hướng sinh viên hiểu quê hương, gắn bó với quê hương và xây dựng quê hương. Đồng thời, cung cấp đào tạo khởi nghiệp, nguồn vốn chuyên đề, hỗ trợ quảng bá sản phẩm và các chương trình bồi dưỡng tổng hợp, hỗ trợ phát triển các dự án khởi nghiệp của thanh niên, khuyến khích thanh niên lập nghiệp tại quê nhà.

Tiếp theo, tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ chế độ chuyên gia khoa học phụ trách địa bàn. Thực hiện thao tác mẫu tại hiện trường đối với các kỹ thuật như gieo trồng, phun thuốc, bón phân; hướng dẫn nông dân làm tốt công tác quản lý đồng ruộng, bảo đảm thu hoạch vụ mùa và tăng thu nhập cho nông dân. Đồng thời, các nhóm chuyên gia cũng cần tích cực triển khai các hoạt động như hướng dẫn canh tác nông nghiệp theo hướng bảo vệ đất, tưới tiêu tiết kiệm nước, đào tạo kỹ thuật chăn nuôi; giảng dạy những nội dung trọng tâm liên quan đến phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh ở gia súc, gia cầm; giải đáp thắc mắc cho nông dân, xử lý các khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao trình độ ứng dụng khoa học – công nghệ trong nông nghiệp, từ đó hỗ trợ trực tiếp cho công cuộc chấn hưng nông thôn ngay tại cơ sở. Cuối cùng, cần khuyến khích cán bộ nghỉ hưu và đội ngũ “hương thân, hương hào” (người có uy tín tại địa phương) trở về quê khởi nghiệp; duy trì việc thăm hỏi, kết nối định kỳ, mở rộng các kênh trao đổi; thiết lập “kênh xanh” cho hoạt động đổi mới – khởi nghiệp của họ, đồng thời triển khai các chính sách hỗ trợ phù hợp. Lựa chọn đội ngũ nòng cốt dẫn dắt phát triển các ngành công nghiệp nông thôn, phát huy lợi thế nguồn lực cá nhân của họ, từ đó đóng góp thiết thực cho sự phát triển quê hương.

²⁷ Giang Ái Hoa, Tổng Đồng Huy. “Khảo cứu các định hướng phát triển đô thị – nông thôn hợp nhất trong giai đoạn mới” *Tạp chí Học viện Văn – Lý Tử Xuyên*, 2021, 31(06): 54–59.

Thứ ba, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nông dân chất lượng cao. Tổ chức các lớp đào tạo nông dân chất lượng cao, hoàn thiện hệ thống giáo dục và đào tạo dành cho nông dân. Đẩy mạnh tuyên truyền đa chiều, tiến hành khảo sát thực tiễn để nắm bắt tình hình và nhu cầu đào tạo của những nông dân có mong muốn tham gia học tập, từ đó thu hút một lực lượng nông dân thế hệ mới đang cấp thiết cần bổ sung tri thức và kỹ năng nông nghiệp đăng ký tham gia chương trình bồi dưỡng. Trong quá trình đào tạo cần áp dụng phương thức dạy học theo năng lực tiếp nhận, lấy tính thực tiễn làm trọng tâm. Tăng cường hợp tác sâu với các trường đại học chuyên ngành nông nghiệp, viện nghiên cứu nông nghiệp và các cơ quan khuyến nông; mời giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn phong phú, có nền tảng lý luận vững vàng, cùng đội ngũ “chuyên gia chân đất”, “nông dân kỳ cựu” của các doanh nghiệp nông nghiệp tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành. Nội dung trọng điểm gồm công nghệ và ứng dụng thiết bị nông nghiệp thông minh, thương mại điện tử nông thôn, nông nghiệp số – nông nghiệp thông minh..., nhằm nâng cao trình độ khoa học – văn hóa và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của nông dân.

Chương trình đào tạo cần kết hợp nhiều hình thức như giảng dạy lý thuyết, thực hành – thực nghiệm, tham quan thực địa, trao đổi học tập, và hỗ trợ hướng dẫn sau đào tạo; đồng thời áp dụng mô hình đào tạo kết hợp trực tuyến – trực tiếp, mở các lớp chuyên đề đáp ứng nhu cầu đa tầng của người học như lớp “Quản trị nông thôn”, “Quản lý – vận hành sản xuất”, “Thương mại điện tử”, “Nuôi trồng thủy sản”... Tổ chức cho học viên đến các khu nông nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp tiêu biểu, trang trại thông minh và hợp tác xã nông nghiệp để học tập thực tế, rèn luyện kỹ năng, trao đổi kinh nghiệm; qua đó nâng cao năng lực sản xuất, hình thành đội ngũ nông dân chất lượng cao, có văn hóa – hiểu kỹ thuật – biết quản lý.

4.2.3. Xây dựng hệ thống công nghiệp hiện đại thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn

Thứ nhất, thúc đẩy tích hợp công nghiệp đô thị – nông thôn cần phát huy đầy đủ vai trò dẫn dắt và lan tỏa của các ngành công nghiệp đô thị đối với công nghiệp nông thôn, hình thành chuỗi giá trị đô thị – nông thôn liên tục mở rộng về phía khu vực nông thôn.

Trước hết, các đô thị cần lấy “hiện đại hóa cao cấp, thông minh hóa và xanh hóa” làm định hướng chủ đạo, dựa trên lợi thế nền tảng để mở rộng và nâng cao năng lực của ngành chế tạo tiên tiến, đồng thời phát triển song song các ngành trụ cột truyền thống và các ngành chiến lược mới nổi. Mục tiêu là không ngừng nâng cao thực lực tổng hợp và hiệu quả chất lượng của hệ thống công nghiệp, gia tăng năng lực tự chủ và khả năng kiểm soát của chuỗi công nghiệp. Cần khai thác tiềm năng mới của các ngành truyền thống, tăng cường đầu tư cho đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực nghiên cứu – thiết kế, nuôi dưỡng và phát triển các ngành chiến lược mới nổi, thúc đẩy sản xuất thông minh và sản xuất dịch vụ nhằm tạo dựng động lực tăng trưởng kinh tế mới.

Tiếp đó, cần chủ động thu hút các dự án chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn, bao gồm các dự án phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp toàn diện, công nghiệp số khu vực nông thôn, dịch vụ khoa học – công nghệ... Đối với các dự án trọng điểm liên quan đến lĩnh vực tam nông, sau khi được thẩm định và phê duyệt, có thể xem xét hỗ trợ tài chính theo tỷ lệ nhất định, qua đó nâng cao năng lực dẫn dắt và lan tỏa của công nghiệp đô thị đối với khu vực nông thôn.

Thứ hai, nâng cao chất lượng các ngành đặc trưng của nông thôn, thúc đẩy chuyển đổi và nâng cấp hiện đại hóa công nghiệp. Cần mở rộng chuỗi giá trị theo hướng đa chiều, định hình mô hình mới về tích hợp giữa ba khu vực kinh tế (nông nghiệp – công nghiệp chế biến – dịch vụ), chủ động bồi dưỡng các ngành nghề và mô hình kinh tế mới, từ đó thúc đẩy sự giao thoa và hội nhập giữa công nghiệp đô thị và công nghiệp nông thôn²⁸.

Trước hết, cần không ngừng nâng cao trình độ chế biến đối với nông sản. Trên cơ sở phát huy lợi thế về tài nguyên và điều kiện nền tảng, khuyến khích doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ để chuyển đổi và nâng cấp, qua đó nâng cao năng lực chế biến và giá trị gia tăng. Thúc đẩy các chuỗi ngành truyền thống có lợi thế tiếp tục mở rộng về phía hạ nguồn, hình thành chuỗi sản xuất – kinh doanh khép kín, bao gồm nghiên cứu và phát triển sản phẩm, cung ứng nguyên liệu, dịch vụ kỹ thuật, chế biến sâu, logistics lạnh và giới thiệu – tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, cần xây dựng hệ thống công nghiệp “nông nghiệp +” mang đặc trưng riêng dựa trên điều kiện cụ thể của từng địa phương; quy hoạch và phát triển các khu đặc thù như giáo dục trải nghiệm nông nghiệp, vui chơi cho trẻ em, trại trải nghiệm, ẩm thực đặc sắc, nông trại chia sẻ. Thông qua việc hình thành các chuỗi ngành đặc thù này, tạo lập mô hình tích hợp giữa khu vực I – II – III, qua đó mở rộng kênh tăng thu nhập cho cư dân nông thôn và thúc đẩy hiện thực hóa mục tiêu thịnh vượng chung.

Thứ hai, dựa trên lợi thế về nguồn lực của nông nghiệp và nông thôn, cần khai thác sâu giá trị đa chiều của nông thôn như giá trị sinh thái – thẩm mỹ, giá trị lịch sử – văn hóa, giá trị sản xuất và kinh tế, cũng như chức năng giáo hóa, từ đó hình thành các ngành hàng và thương hiệu nông sản đặc sắc. Trên cơ sở nguồn lực sẵn có như kiến trúc làng quê, văn hóa bản địa, ẩm thực truyền thống, cảnh quan tự nhiên..., thúc đẩy sự hòa quyện sâu rộng giữa nông thôn với các lĩnh vực trải nghiệm nông nghiệp, sáng tạo văn hóa, du lịch sinh thái – chăm sóc sức khỏe, lưu trú nghỉ dưỡng. Đẩy mạnh triển khai các chương trình “thương mại số thúc đẩy nông nghiệp” và “Internet+”, xây dựng các trung tâm livestream thương mại điện tử đối với nông sản – thực phẩm, phát triển mạnh các ngành tạo sinh kế tại cấp huyện. Trong xây dựng thương hiệu nông sản chất lượng cao, cần triển khai theo dõi và giám sát thị trường, phân tích và đánh giá xu hướng tiêu dùng, xác định đúng vị thế thương hiệu và xây dựng kế hoạch phát triển thương hiệu hoàn chỉnh. Khuyến khích các viện nghiên cứu, hiệp hội ngành hàng, nền tảng thương mại điện tử... căn cứ vào lợi thế tài nguyên địa phương và đặc điểm ngành, tổ chức nghiên cứu động thái phát triển ngành và chiến lược thương hiệu, từ đó hỗ trợ doanh nghiệp và địa phương nâng cao năng lực cạnh tranh.

4.2.4. Xây dựng nền tảng thúc đẩy tích hợp công nghiệp đô thị - nông thôn

Thứ nhất, xây dựng các khu thí điểm về phát triển công nghiệp tích hợp và các khu thí điểm khoa học – công nghệ. Cần bố trí hợp lý các khu công nghiệp giữa đô thị và nông thôn, xây dựng khu công nghiệp kinh tế số trong nông nghiệp, đồng thời thiết lập nhiều nền tảng số như: trung tâm nghiên cứu – phát triển thiết bị nông nghiệp thông minh, nền tảng cảm biến thông minh phục vụ nông nghiệp, nền tảng dữ liệu nông nghiệp dùng chung trên nền tảng điện toán đám mây, nền tảng ứng dụng dịch vụ nông nghiệp số... Các nền tảng này cung cấp dịch vụ kỹ thuật toàn diện cho hợp tác xã, trang trại gia đình và doanh nghiệp, qua đó hiện thực hóa truy xuất nguồn gốc toàn quy trình trong sản xuất và chế

²⁸ Trương Huệ. Tích hợp công nghiệp đô thị – nông thôn, thị trường hóa các yếu tố sản xuất và mục tiêu thịnh vượng chung [J/OL]. Tạp chí Hiện đại hóa Quản lý, 2023(02): 30–37 [2023-05-02].

biển nông sản. Để đảm bảo và nâng cao chất lượng nông sản, cần triển khai các điểm giám sát nông nghiệp thông minh dựa trên IoT, xây dựng nông trại số, nâng cao hiệu quả sản xuất và hình thành mô hình phát triển tích hợp giữa sản xuất – chế biến – khoa học – công nghiệp. Song song với đó, cần xây dựng các trung tâm ươm tạo đổi mới sáng tạo, tập trung hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo nền tảng khởi nghiệp cho lực lượng lao động trở về quê lập nghiệp, thu hút vốn xã hội tham gia. Các trung tâm này cũng đóng vai trò là nền tảng chuyên giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu đối với các dự án khoa học – công nghệ.

Thứ hai, xây dựng nền tảng dịch vụ tổng hợp cho toàn chuỗi giá trị nông nghiệp. Nền tảng này cần cung cấp các dịch vụ như: chuyển giao và khuyến nông – khoa học kỹ thuật nông nghiệp, dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp, dịch vụ thu mua – bán buôn – phân phối nông sản, dịch vụ kho vận và logistics nông nghiệp, marketing và phát triển thị trường. Qua đó hình thành hệ thống dịch vụ nông nghiệp tổng hợp bao gồm: cung ứng – phân phối đồng bộ vật tư nông nghiệp, cơ giới hóa toàn quy trình sản xuất lương thực, cùng chế biến – tiêu thụ nông sản, nhằm tạo nguồn lực đa chiều cho tiến trình phát triển nông thôn. Cần khai thác triệt để và kết nối các nguồn lực sẵn có, tiếp tục tích hợp và tối ưu hóa nguồn vật tư nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm. Trên cơ sở đó, hình thành cụm hệ sinh thái nông sản theo hướng toàn quy trình và toàn yếu tố, thúc đẩy sự liên kết, đổi mới và phát triển của các doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ trong toàn bộ chuỗi ngành hàng. Điều này sẽ tạo nền tảng vững chắc cho phát triển công nghiệp nông thôn, nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực nông thôn, và cung cấp động lực mạnh mẽ cho sự phát triển công nghiệp vùng và mục tiêu xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn mới.

Thứ ba, xây dựng nền tảng dịch vụ số hóa thúc đẩy tích hợp công nghiệp đô thị – nông thôn. Phát triển công nghiệp tích hợp đô thị – nông thôn đòi hỏi ứng dụng đầy đủ các thành tựu công nghệ thông tin; tận dụng hiệu quả dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo để xây dựng các nền tảng dịch vụ số hóa tổng hợp và nền tảng kinh tế chia sẻ, cung cấp các dịch vụ như cung ứng – tiêu thụ nông sản, hỗ trợ kỹ thuật, chia sẻ nguồn lực, thương mại điện tử và tư vấn chính sách. Triển khai các mô hình sáng tạo như nền tảng quản trị số nông thôn, nền tảng giám sát giá nông sản, nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản ứng dụng blockchain và nền tảng phân tích dữ liệu lớn nông nghiệp – nông thôn; đồng thời khắc phục điểm yếu trong phát triển các trạm dịch vụ thông tin ở nông thôn, tích hợp các hệ thống thông tin và nền tảng dịch vụ liên quan đến nông nghiệp, tăng cường kết nối và chia sẻ dữ liệu. Thông qua các công cụ thông tin hiện đại, doanh nghiệp và nông dân có thể kịp thời nắm bắt thông tin thị trường, nhu cầu của người tiêu dùng và thông tin kỹ thuật, qua đó giải quyết tình trạng thiếu hụt thông tin. Khuyến khích nông dân hình thành tư duy internet, khai thác hiệu quả các công cụ số hóa để kết nối thị trường luôn thay đổi với hoạt động sản xuất nông nghiệp, liên thông các khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ và logistics, hướng tới khớp nối cung – cầu một cách chính xác và hiệu quả.

4.3. Lấy phát triển chia sẻ làm mục tiêu, nâng cao phúc lợi của người dân đô thị – nông thôn

4.3.1. Thống nhất quản lý và chia sẻ phổ cập các dịch vụ công giữa đô thị và nông thôn

Thứ nhất, thúc đẩy bình đẳng hóa giáo dục công giữa đô thị và nông thôn. Để mở rộng phạm vi tiếp cận các nguồn lực giáo dục chất lượng, chính quyền cần xây dựng quy hoạch hợp lý và tăng cường đầu tư cho giáo dục nông thôn, nhằm tạo điều kiện để các nguồn lực giáo dục chất lượng cao có thể lưu chuyển hợp lý giữa đô thị và nông thôn.

Trước hết, cần xây dựng nền tảng mạng lưới giáo dục thống nhất đô thị–nông thôn, đưa các nguồn lực dạy học chất lượng cao từ đô thị vào lớp học ở nông thôn. Để thực hiện điều này, trang thiết bị mạng và công nghệ giáo dục đồng bộ cho các trường nông thôn là điều kiện cơ bản. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục số tại nông thôn phải được tăng cường liên tục, bao gồm mua sắm các thiết bị như máy dạy học tích hợp, máy tính văn phòng và các thiết bị phần cứng khác, nhằm nâng cao trình độ số hóa dạy học ở khu vực nông thôn. Trên cơ sở đó, cần xây dựng mạng giáo dục chuyên dụng thống nhất đô thị–nông thôn, cung cấp dịch vụ mạng giáo dục cho toàn bộ trường học và nhà trẻ trên địa bàn, đồng thời tổ chức các đội ngũ chuyên nghiệp thực hiện các chương trình như nâng cao chất lượng dịch vụ kết nối mạng trực tiếp tại trường học. Hệ thống này sẽ mở thông đường truyền mạng cho các trường ở nông thôn, đảm bảo các trường ở nông thôn và thành thị có cùng năng lực và nguồn lực tiếp nhận mạng.

Ngoài ra, cần phát triển nền tảng giáo dục điện toán đám mây thống nhất đô thị–nông thôn, cung cấp dịch vụ đám mây chung cho các trường học và nhà trẻ. Các lớp học có thể thực hiện học trực tuyến, đảm bảo tương tác giữa giáo viên và học sinh ở đô thị và nông thôn. Dựa trên mạng giáo dục chuyên dụng, các “phòng học trực tuyến” sẽ được xây dựng tại trường học và nhà trẻ ở nông thôn, hỗ trợ việc tổ chức nghiên cứu và giảng dạy liên khu vực, giúp học sinh nông thôn sử dụng thiết bị dạy học thông minh để học tập hiệu quả.

Đồng thời, thúc đẩy cơ chế trao đổi, liên thông đội ngũ giáo viên giữa đô thị và nông thôn. Cần triển khai đa dạng các hình thức giao lưu chuyên môn như kết đôi sư - đồ (giáo viên – học sinh) giữa các trường, thực tập theo hình thức theo sát công việc tại trường khác, giờ dạy minh họa, sinh hoạt chuyên môn liên trường, cũng như mô hình phòng làm việc của giáo viên dạy giỏi. Các biện pháp này nhằm tăng cường dòng chảy của đội ngũ giáo viên chất lượng giữa các khu vực, tạo sự cộng hưởng về chuyên môn trong toàn cộng đồng giáo dục đô thị–nông thôn. Hằng năm, cần cử một số lượng nhất định giáo viên giỏi từ đô thị về giảng dạy hoặc luân chuyển tại các trường thị trấn, trường nông thôn. Đồng thời cần có cơ chế bảo đảm phúc lợi cho giáo viên tham gia luân chuyển hoặc hỗ trợ giảng dạy; trong quá trình xét thăng hạng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, có thể dành mức ưu tiên phù hợp nhằm khuyến khích họ tích cực tham gia. Song song với đó, cần xây dựng cơ chế lâu dài để giáo viên trẻ ở nông thôn được trao đổi, học tập tại các trường thành phố. Giáo viên nông thôn cần được tạo điều kiện vào học cùng lớp, dự giờ, nghiên cứu bài học tại các trường đô thị, qua đó tiếp cận các quan điểm sư phạm mới, phương pháp dạy học hiện đại và tăng cường năng lực chuyên môn. Điều này góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên nông thôn và thúc đẩy sự phát triển hài hòa, đồng bộ của giáo dục trong toàn khu vực.

Thứ hai, thúc đẩy hệ thống y tế công cộng đô thị – nông thôn phát triển đồng bộ, phân bổ hợp lý nguồn lực y tế giữa hai khu vực.

Trước hết, cần xây dựng cơ chế hỗ trợ “đô thị dẫn dắt nông thôn”, tiếp tục mở rộng và làm sâu sắc mô hình hỗ trợ theo cặp trong lĩnh vực y tế. Các bệnh viện tuyến đô thị cần

căn cứ vào năng lực chuyên môn của mình và nhu cầu cụ thể của đơn vị được hỗ trợ để xây dựng mục tiêu hỗ trợ phù hợp, bảo đảm công tác hỗ trợ được triển khai thực chất, hiệu quả, mang lại lợi ích sức khỏe thiết thực cho người dân địa phương. Đội ngũ chuyên gia của bệnh viện tuyến trên nên thiết lập quan hệ kèm cặp 1-1 với các bác sĩ nòng cốt của bệnh viện tuyến dưới nhằm bảo đảm hiệu quả chuyển giao kỹ thuật. Đồng thời, cần tổ chức cho bác sĩ tuyến xã, tuyến huyện theo từng đợt lên bệnh viện lớn hoặc các cơ sở đào tạo y khoa để học tập, nâng cao trình độ. Những biện pháp này góp phần cải thiện rõ rệt năng lực chuyên môn, chất lượng khám chữa bệnh và hiệu quả vận hành của các cơ sở y tế nông thôn.

Tiếp đó, cần định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên trạm y tế thôn, xã. Các lớp đào tạo nên mời các chuyên gia y tế chuyên môn giảng dạy, áp dụng hình thức kết hợp trực tuyến và trực tiếp để truyền đạt kiến thức lý thuyết. Nội dung đào tạo cần được thiết kế toàn diện, bao gồm: phân tích và giải thích chính sách y tế của Nhà nước, quản lý sức khỏe người cao tuổi, chăm sóc sức khỏe trẻ em, kiến thức cơ bản về cấp cứu – chẩn đoán điều trị, cùng nhiều nội dung thiết thực khác. Giảng viên cần phân tích rõ các trọng điểm, khó điểm, đồng thời gắn kiến thức với kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp thông qua các tình huống minh họa cụ thể, sinh động, qua đó giúp học viên hiểu sâu và áp dụng hiệu quả trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu. Thông qua hoạt động đào tạo chuyên nghiệp, đội ngũ y bác sĩ tuyến cơ sở sẽ không chỉ nắm vững các lý thuyết nền tảng, kiến thức chung và kỹ năng cơ bản trong cung ứng dịch vụ y tế ban đầu mà còn nâng cao ý thức trách nhiệm, kỷ luật nghề nghiệp và tinh thần tận tâm với vị trí công tác. Đây là nền tảng quan trọng giúp nâng cao năng lực khám chữa bệnh, phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng tại các trạm y tế cấp xã.

Đồng thời, cần cải thiện chế độ đãi ngộ đối với bác sĩ và nhân viên y tế nông thôn. Việc thực hiện đầy đủ, đúng quy định các chính sách hỗ trợ tài chính cho y tế cơ sở, tăng thu nhập một cách ổn định và bền vững sẽ góp phần củng cố động lực làm việc. Đặc biệt, có thể xem xét đưa bác sĩ của trạm y tế xã vào biên chế sự nghiệp để nâng cao tính ổn định nghề nghiệp, qua đó thu hút thêm nguồn nhân lực y tế chất lượng về công tác tại tuyến cơ sở.

Thứ ba, phối hợp thúc đẩy xây dựng hệ thống an sinh xã hội thống nhất giữa đô thị và nông thôn. Cần tăng cường tính kết nối giữa các chế độ bảo hiểm xã hội của đô thị và nông thôn, từng bước thu hẹp khoảng cách về mức thụ hưởng an sinh giữa hai khu vực.

Trước hết, về công tác chăm sóc người cao tuổi, Nhà nước cần tăng cường hỗ trợ tài chính cho dịch vụ dưỡng lão ở khu vực nông thôn, thúc đẩy xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ người già. Cần thành lập và nâng cấp các viện dưỡng lão nông thôn, xây dựng trung tâm chăm sóc ban ngày tại cộng đồng nông thôn; định kỳ tổ chức đo huyết áp, xét nghiệm mỡ máu và các hình thức kiểm tra sức khỏe miễn phí cho người cao tuổi, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền kiến thức sức khỏe nhằm nâng cao năng lực tự chăm sóc và hiểu biết y tế của người dân cao tuổi. Đối với những người cao tuổi sống tại nông thôn, đặc biệt là người già yếu, sống đơn thân hoặc mất khả năng tự chăm sóc, cần đảm bảo cung cấp các dịch vụ dưỡng lão chất lượng hơn, giúp họ cảm nhận sự quan tâm và ấm áp từ cộng đồng. Bên cạnh đó, cần xây dựng thư viện, phòng thư pháp – hội họa, phòng khiêu vũ và các không gian sinh hoạt giải trí khác, tạo điều kiện để người cao tuổi đọc sách, rèn luyện và tham gia các hoạt động nghệ thuật, đáp ứng nhu cầu dưỡng lão đa dạng. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thôn/xã phải thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc người cao tuổi,

bố trí cán bộ chuyên trách thường xuyên đến thăm hỏi tại nhà hoặc liên hệ qua điện thoại để kịp thời nắm bắt, đánh giá tình hình sinh hoạt của người cao tuổi nông thôn, theo dõi việc thực hiện trách nhiệm phụng dưỡng của gia đình, đồng thời lập hồ sơ quản lý thông tin. Đối với người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, cần tổ chức các hình thức hỗ trợ thiết thực và kịp thời.

Tiếp theo, cần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho lực lượng lao động trong độ tuổi ở nông thôn. Cần đẩy mạnh tuyên truyền về các chính sách đào tạo, chủ động thu thập rộng rãi nhu cầu học nghề của lao động nông thôn để xây dựng kế hoạch đào tạo một cách khoa học. Có thể tận dụng các kênh như WeChat, trang công khai WeChat, tọa đàm việc làm, các buổi gặp mặt với lao động nông thôn hồi hương... để tuyên truyền sâu rộng chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Căn cứ vào nguyện vọng học nghề, tổ chức đào tạo nghề và bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, giúp lao động nông thôn nâng cao trình độ kiến thức – kỹ năng và nắm vững các kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường lao động. Đồng thời, chính quyền cần tích cực cung cấp dịch vụ tư vấn chính sách, hỗ trợ vay vốn ưu đãi bảo đảm cho khởi nghiệp và các dịch vụ hậu cần liên quan, tạo điều kiện để họ tiếp cận nhiều cơ hội việc làm và khởi nghiệp hơn.

4.3.2. Đẩy nhanh kết nối, liên thông hạ tầng đô thị – nông thôn

Thứ nhất, hoàn thiện mạng lưới giao thông đô thị – nông thôn.

Đường giao thông là nền tảng quan trọng trong xây dựng mạng lưới giao thông cho cả thành thị và nông thôn. Việc nâng cấp, cứng hóa mặt đường giao thông nông thôn là một công trình dân sinh hết sức quan trọng. Cần đẩy mạnh triển khai các dự án như chương trình thông suốt đường giao thông đến các thôn, công trình bảo đảm an toàn giao thông đường bộ nông thôn, dự án cứng hóa đường tại các cụm dân cư, qua đó nâng cao năng lực phục vụ của mạng lưới đường giao thông nông thôn, kết nối đô thị và nông thôn thành một chỉnh thể liên thông. Điều này giúp mở rộng phạm vi di chuyển của cư dân đô – nông thôn, đồng thời tạo nền tảng quan trọng để thu hút nguồn lực đô thị dịch chuyển về nông thôn, thúc đẩy đi lại của người dân và hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp.

Chỉ khi giao thông thuận tiện thì các dịch vụ công và các dự án công nghiệp trọng điểm mới có thể thực sự tiếp cận khu vực nông thôn. Song song với đó, cần thúc đẩy các tuyến giao thông công cộng đô thị tiếp tục mở rộng về khu vực nông thôn, đẩy nhanh thực hiện mô hình giao thông công cộng đô thị – nông thôn thống nhất. Thông qua các hình thức như kéo dài tuyến xe buýt, mở tuyến buýt chuyên biệt, xe khách đặt trước hoặc xe buýt cỡ nhỏ, phải bảo đảm các tuyến vận tải hành khách “chạy được, duy trì được và hoạt động bền vững”, giúp người dân cảm nhận được “độ nóng” của chính sách giao thông vì dân trong từng điều nhỏ. Từng bước hiện thực hóa mục tiêu “ra khỏi nhà là lên xe, xuống xe là về tới cửa”.

Ngoài ra, cần tiếp tục triển khai sâu rộng việc đưa dịch vụ bưu chính trực tiếp đến các thôn, xã đã được lập thành đơn vị hành chính, đồng thời hoàn thiện hệ thống logistics chuyển phát nhanh ở nông thôn, thúc đẩy thực hiện dịch vụ logistics đô thị – nông thôn theo hướng nhất thể hóa. Tận dụng hiệu quả các địa điểm như cửa hàng, siêu thị cấp thôn để xây dựng các điểm dịch vụ tiện ích tổng hợp, đưa dịch vụ chuyển phát nhanh vào tận thôn, vào từng hộ, thực sự giúp người dân đạt được “tự do nhận – gửi hàng”. Nhờ đó, nông dân có thể tiêu thụ nông sản ngay từ trước cửa nhà, đưa sản phẩm đến mọi vùng miền trong cả nước, qua đó tăng thu nhập. Đồng thời, cần quy hoạch hợp lý số lượng điểm

dịch vụ tiện ích, xây dựng các điểm bưu điện văn hóa xã chất lượng cao, triển khai các dịch vụ như nhận – gửi hộ, phân phối vật tư nông nghiệp, thu – phát bưu kiện... nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân.

Thứ hai, tối ưu hóa hệ thống hạ tầng thủy lợi nông thôn.

Trước hết, cần tiến hành rà soát toàn diện hiện trạng các công trình thủy lợi; tập trung kiểm tra những điểm yếu và nguy cơ tiềm ẩn trong hệ thống thủy lợi nông thôn. Việc rà soát được thực hiện theo phân bố khu vực, loại hình chức năng và tình trạng vận hành, lập danh mục, xây dựng hồ sơ quản lý, tổ chức khảo sát thực địa. Qua đó làm rõ các vấn đề tồn tại trong quá trình vận hành của các công trình cấp nước sinh hoạt, công trình tưới tiêu và công trình xử lý, bao gồm: công trình vận hành không bình thường, tình trạng cấp nước cho người dân không ổn định, và công tác quản lý – bảo dưỡng công trình chưa đạt yêu cầu.

Tiếp theo, ban hành hoặc hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến xây dựng, vận hành, quản lý, giám sát, đánh giá, khen thưởng – xử phạt và giá nước đối với hệ thống thủy lợi nông thôn; đồng thời triển khai cơ chế quản lý – bảo dưỡng lâu dài ở cấp thành phố, huyện, thị trấn và thôn, gắn chặt với cơ chế đánh giá, khen thưởng và hỗ trợ theo hiệu quả. Làm rõ chủ thể và trách nhiệm quản lý – bảo dưỡng, thực hiện quản lý toàn bộ vòng đời vận hành của công trình thủy lợi, bảo đảm mọi hoạt động đều có căn cứ và có hồ sơ theo dõi. Qua đó bảo đảm các công trình thủy lợi hiện có vận hành ổn định, phát huy hiệu quả phục vụ dân sinh.

Cuối cùng, tăng cường củng cố và nâng cấp các công trình. Kịp thời sửa chữa các công trình thủy lợi để bảo đảm vận hành bình thường; triển khai hoạt động kiểm tra lại chất lượng công trình, tập trung giải quyết các vấn đề nổi cộm. Đối với các công trình thủy lợi chưa đạt yêu cầu chất lượng, phải thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định; đối với trường hợp nguồn nước không ổn định, lưu lượng cấp nước không đủ, cần kịp thời bổ sung hoặc nâng cấp các điểm lấy nước; với những cơ sở hạ tầng xuống cấp, hư hỏng, cần nhanh chóng sửa chữa, thay thế; khi phát sinh nhu cầu cấp nước mới, cần chủ động đề xuất dự án để bảo đảm năng lực cung ứng, kiểm soát tốt nhất “khâu cuối” của an toàn nước sinh hoạt. Bằng việc áp dụng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt như xử lý tập trung theo cụm dân cư hoặc xử lý phân tán tại chỗ, có thể nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước.

Thứ ba, tăng cường xây dựng hạ tầng số nông thôn.

Chính quyền cần coi trọng vai trò nền tảng của hạ tầng kỹ thuật số mới trong thúc đẩy phát triển đô thị – nông thôn tích hợp, đồng thời hoạch định tổng thể lộ trình xây dựng nông thôn số, đặc biệt là tăng cường đầu tư tài chính. Về mạng thông tin liên lạc nông thôn, cần xây dựng hệ thống thông tin di động nông thôn tốc độ cao, giá hợp lý và an toàn; nâng cấp toàn diện băng thông Internet, đưa hạ tầng Internet băng rộng tốc độ cao vào từng thôn, từng hộ. Căn cứ nhu cầu thực tế của khu vực nông thôn, thúc đẩy ứng dụng các giải pháp thông minh như truyền hình số, hệ thống giám sát an ninh, giám sát khí đốt, nhằm nâng cao mức độ tiêu dùng và chất lượng cuộc sống của cư dân.

Đặc biệt cần đẩy mạnh xây dựng mạng 5G nông thôn, để số hóa thực sự thâm nhập vào nông thôn; thúc đẩy mô hình kết hợp 5G + dịch vụ thông tin hóa trong nhiều lĩnh vực, mở ra con đường phát triển nông thôn theo mô hình “Internet+”, qua đó dùng mạng và

công nghệ thông tin làm động lực cho sự phát triển bứt phá của nông thôn. Cụ thể, thông qua đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử hỗ trợ tiêu thụ nông sản, thúc đẩy thương mại điện tử phát triển tại địa bàn nông thôn. Tập trung nắm bắt khâu then chốt là thu hút đầu tư, nỗ lực thu hút nhiều doanh nghiệp công nghệ chất lượng cao đến đầu tư. Đồng thời, tích hợp nguồn lực của địa phương như các hộ sản xuất lớn, chuyên gia nông nghiệp, nhân lực thương mại điện tử; học tập kiến thức cơ bản về vận hành thương mại điện tử và lĩnh vực video ngắn; tích cực khai thác các ứng dụng như video ngắn và livestream để mở rộng đầu ra cho nông sản.

4.4. Lấy phát triển xanh làm định hướng, hiện thực hóa sự hòa hợp sinh thái giữa đô thị - nông thôn

4.4.1. Quy hoạch sinh thái một cách khoa học

Để thực hiện mục tiêu hòa hợp sinh thái đô thị – nông thôn, cần kiên trì lấy quan điểm văn minh sinh thái làm định hướng, xây dựng quy hoạch sinh thái khoa học và hợp lý theo hướng thống nhất giữa đô thị và nông thôn, qua đó cân bằng giữa phát triển đô thị – nông thôn và bảo vệ môi trường tự nhiên, thúc đẩy phát triển bền vững của toàn khu vực²⁹.

Thứ nhất, trong quy hoạch thiết kế đô thị – nông thôn cần đặt bảo vệ môi trường lên hàng đầu. Phải kiểm soát nghiêm ngặt tổng lượng phát thải các chất ô nhiễm ở khu vực đô thị và nông thôn, giảm mức độ ô nhiễm không khí, tài nguyên nước và đất đai, đồng thời tăng cường phòng ngừa và xử lý ô nhiễm sinh thái. Cần cải thiện toàn diện môi trường cư trú của đô thị và nông thôn; trong quy hoạch giao thông phải kiên trì nguyên tắc đi lại thuận tiện, xanh và phát thải thấp, giảm thiểu tối đa tác động ô nhiễm và phá hủy môi trường tự nhiên xung quanh trong quá trình thi công. Trong công tác quản lý ô nhiễm đô thị – nông thôn, cần tùy theo điều kiện từng địa phương để đổi mới phương thức xử lý ô nhiễm, thúc đẩy tái sử dụng tuần hoàn nước tái chế, mở rộng các nhà máy xử lý nước thải, thực hiện xử lý tập trung rác thải, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị – nông thôn thống nhất, từ đó giảm thiểu tác động và mức độ ô nhiễm môi trường trong quá trình xây dựng đô thị và nông thôn³⁰.

Thứ hai, trong quá trình quy hoạch đô thị – nông thôn, cần tính đầy đủ đến yếu tố đất đai, tổ chức khảo sát nghiêm túc trong toàn bộ khu quy hoạch. Có thể thông qua hình thức hội thảo, mời các chuyên gia và học giả thuộc nhiều lĩnh vực tham gia đóng góp ý kiến, nhằm nâng cao tính khoa học của phương án quy hoạch và xử lý tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế đô thị – nông thôn với tài nguyên đất đai. Cần khoanh định ranh giới phát triển đô thị một cách hợp lý, kiên quyết ngăn chặn tình trạng mở rộng đô thị tùy tiện hoặc quá mức, tránh việc xâm lấn, chèn ép không gian phát triển của khu vực nông thôn. Cần đặc biệt coi trọng việc bảo vệ đất canh tác và quỹ đất nông nghiệp ở nông thôn, xác định bố cục không gian đất nông nghiệp vĩnh viễn, qua đó dành đủ quỹ đất cho sự phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng xanh, hiện đại.

²⁹ Lý Xuân Mỹ, Vũ Bình. Phân tích sơ bộ ảnh hưởng của quan niệm sinh thái xanh đối với thiết kế quy hoạch đô thị – nông thôn [J]. Nghiên cứu Lý luận Xây dựng Đô thị (bản điện tử), 2022(36): 2.

³⁰ Trần Văn Quân. Thảo luận về tư duy quy hoạch và xây dựng đô thị – nông thôn dưới góc nhìn sinh thái xanh: Lấy huyện Sùng Tín, thành phố Bình Lương, tỉnh Cam Túc làm ví dụ [J]. Phát triển Tổng hợp Nông nghiệp Trung Quốc, 2023(02):49.

Thứ ba, cần tăng cường công tác giám sát quy hoạch đô thị – nông thôn, đồng thời nâng cao chất lượng đánh giá các phương án quy hoạch. Thông qua việc triển khai cơ chế giám sát theo thời gian thực, bảo đảm kịp thời nắm bắt các vấn đề phát sinh trong quá trình quy hoạch, từ đó kiến tạo môi trường sinh thái lành mạnh, chất lượng, góp phần nâng cao mức sống của cư dân đô thị và nông thôn.

4.4.2. Thúc đẩy tích hợp kinh tế sinh thái đô thị – nông thôn

Thứ nhất, đô thị cần phát huy đầy đủ lợi thế về công nghệ của mình, đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn và cung cấp sản phẩm, dịch vụ phục vụ đời sống cho khu vực nông thôn³¹. Trước hết, cần thực hiện công tác thu hút đầu tư một cách chính xác nhằm tập trung các ngành công nghiệp tuần hoàn; có thể ban hành các chính sách ưu đãi và đổi mới phương thức thu hút đầu tư để lôi cuốn một số lượng lớn doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tuần hoàn, cùng các doanh nghiệp phụ trợ ở khâu thượng nguồn và hạ nguồn của chuỗi sản xuất, từ đó từng bước hình thành chuỗi công nghiệp tuần hoàn khép kín gồm thu gom, luyện kim và tái sản xuất, thúc đẩy nhanh quá trình hình thành cụm công nghiệp kinh tế tuần hoàn. Tiếp đó, cần khuyến khích doanh nghiệp thiết lập quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa sản xuất – học thuật – nghiên cứu với các trường đại học và viện nghiên cứu, tạo nền tảng khoa học – công nghệ vững chắc cho phát triển kinh tế tuần hoàn, đồng thời thúc đẩy rút ngắn thời gian chuyển giao và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

Thứ hai, xây dựng các ngành sản xuất xanh ở nông thôn, thúc đẩy phát triển xanh nông thôn. Hoàn thiện hệ thống thu gom, tái sử dụng và xử lý phụ phẩm nông nghiệp như rơm rạ, màng phủ nông nghiệp, bao bì thuốc bảo vệ thực vật, chất thải chăn nuôi; đồng thời thúc đẩy sử dụng rộng rãi các thiết bị cơ giới hóa nông nghiệp tiết kiệm năng lượng, phát thải thấp. Bên cạnh đó, tối ưu hóa bố cục không gian nông nghiệp, khuyến khích sản xuất phù hợp điều kiện địa phương, tiêu thụ tại chỗ và cung ứng gần. Triển khai hiệu quả chế độ phân vùng chức năng nông nghiệp, thiết lập các khu chức năng sản xuất lương thực, khu bảo vệ sản xuất nông sản quan trọng. Xây dựng quy hoạch ngành hợp lý, phát huy đầy đủ lợi thế của tài nguyên sinh thái, chuyển đổi từ định hướng tăng sản lượng sang định hướng nâng cao chất lượng, qua đó nâng cao giá trị tổng hợp của nông nghiệp. Đồng thời, dựa trên lợi thế tài nguyên và lợi thế so sánh của từng vùng, phát triển mạnh các ngành xanh có ưu thế. Đặc biệt chú trọng phát triển nông nghiệp nghỉ dưỡng và du lịch nông thôn, cung cấp cho đô thị các sản phẩm và dịch vụ sinh thái phong phú, đa dạng. Thông qua phát triển nông nghiệp sinh thái đặc thù, công nghiệp chế biến nông sản sinh thái nâng cao, công nghiệp văn hóa – du lịch sinh thái, thúc đẩy giao dịch thị trường hóa các sản phẩm sinh thái, tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ, nâng thu nhập từ kinh doanh và tiền lương của nông dân³². Trên cơ sở cải thiện môi trường sinh thái nông thôn, cần đẩy mạnh quảng bá, phổ biến và tiêu thụ thực phẩm xanh, thực phẩm hữu cơ, sản phẩm chỉ dẫn địa lý của nông thôn, qua đó hiện thực hóa sự phát triển hài hòa giữa môi trường sinh thái đẹp – ngành nghề thịnh vượng – đời sống người dân khá giả.

4.4.3. Hoàn thiện thể chế và cơ chế bảo vệ môi trường sinh thái

³¹ Lưu Ngọc Bang, Tuệ Hải Hà (2020). Nghiên cứu về sự dung hợp và cộng sinh sinh thái đô thị – nông thôn của Trung Quốc dưới góc nhìn phát triển xanh. Tạp chí Kinh tế Nông thôn, số 8, tr. 22.

³² Chu Lâm Na, Hoàng Tuấn Bằng. “Chấn hưng sinh thái nông thôn: Thành quả, những khó khăn hiện thực và các phương thức thực hiện” [Tạp chí]. Tạp chí Học viện Hành chính Thiên Thủy, 2022, 23(05): 32.

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường sinh thái nông thôn, tạo nền tảng vững chắc cho công tác quản trị môi trường nông thôn, cung cấp bảo đảm thể chế và cơ sở pháp lý để thúc đẩy toàn diện quá trình chấn hưng sinh thái nông thôn. Cần quy định chi tiết về rác thải sinh hoạt nông thôn, chất thải rắn nông nghiệp, chất thải từ chăn nuôi, cũng như các nguồn ô nhiễm được chuyển dịch từ đô thị về nông thôn, qua đó xác định rõ nội dung cụ thể của bảo vệ môi trường sinh thái nông thôn và bảo đảm việc thực thi “có luật để làm theo”. Các địa phương, căn cứ vào điều kiện thực tế khác nhau của nông thôn, cần xây dựng những điều khoản bảo vệ mang tính đặc thù, có tính khả thi cao, đồng thời tôn trọng và bảo đảm quyền môi trường của người nông dân. Bên cạnh đó, cần ban hành các quy định pháp luật về giám sát và trách nhiệm giải trình trong công tác quản trị môi trường sinh thái nông thôn, xác định rõ trách nhiệm quản lý, tránh chồng chéo giữa các cơ quan, thúc đẩy công tác kiểm tra, giám sát đi vào nền nếp và chuẩn hóa. Đây mạnh xây dựng đội ngũ, thiết lập cơ chế đánh giá – giám sát dài hạn; đưa các mục tiêu về quản trị môi trường sinh thái nông thôn vào nội dung đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ và chỉ tiêu đánh giá sinh thái của chính quyền địa phương. Căn cứ vào kết quả đánh giá, kiên quyết truy cứu trách nhiệm đối với các cán bộ lãnh đạo để xảy ra thiệt hại môi trường sinh thái ở nông thôn do thiếu trách nhiệm; chấn chỉnh các hành vi không làm, làm sai hoặc làm hình thức trong công tác giám sát môi trường, hình thành cơ chế quản lý “việc có người làm, trách nhiệm có người chịu”.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế bồi hoàn sinh thái giữa đô thị và nông thôn. Yếu tố then chốt là phải thể chế hóa và pháp luật hóa việc xác định trách nhiệm bồi hoàn, tiêu chuẩn bồi hoàn, phương thức bồi hoàn..., từ đó hình thành cơ chế bồi hoàn sinh thái đô thị – nông thôn với sự tham gia của nhiều chủ thể như chính quyền, doanh nghiệp và cá nhân, nhằm bảo đảm mục tiêu duy trì công bằng sinh thái giữa đô thị và nông thôn.

Trước hết, cần xác định rõ chủ thể phải bồi hoàn, thực hiện nguyên tắc “ai gây ô nhiễm, người đó trả tiền”, bảo đảm sự tương ứng giữa bên hưởng lợi và bên bồi hoàn. Những tổ chức, cá nhân gây tổn hại môi trường không chỉ phải chịu trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự mà còn phải gánh vác trách nhiệm bồi thường thiệt hại, qua đó góp phần hình thành bầu không khí xã hội mà trong đó không ai dám tùy tiện phá hoại môi trường. Bên cạnh đó, cần xem xét đầy đủ chi phí bảo vệ đối với các loại yếu tố môi trường khác nhau, đồng thời nghiên cứu thiết lập mô hình bồi hoàn phân tầng, linh hoạt; mở rộng các hình thức như bồi hoàn bằng công nghệ, hỗ trợ phát triển ngành để thúc đẩy quá trình chuyển đổi sinh thái trong sản xuất nông nghiệp, nhằm đạt được hiệu quả bảo vệ sinh thái tối ưu.

Tiếp đó, cần mở rộng các phương thức bồi hoàn đa dạng. Cần làm phong phú thêm các hình thức như hợp tác theo cặp, chuyển dịch ngành, cùng xây dựng khu công nghiệp, hỗ trợ kỹ thuật – tri thức, bồi hoàn bằng hiện vật... Ví dụ, trong công tác bồi hoàn bảo vệ sinh thái dòng chảy, việc xác định rõ danh mục bảo vệ khu vực nguồn nước cấp tỉnh, cấp thành phố và cấp huyện cùng với trách nhiệm của các bên góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp trong bảo vệ lưu vực. Đồng thời, cũng cần triển khai tốt công tác bồi hoàn bảo vệ sinh thái dòng chảy đối với khu vực lưu – thoát lũ.

PHẦN KẾT LUẬN

Các Mác và Ăng-ghe-n, từ góc độ lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội, đã tiến hành phân tích sâu sắc về quan hệ đô thị – nông thôn, đồng thời dự báo khoa học về xu thế lịch sử của phát triển tích hợp đô thị – nông thôn, qua đó hình thành tư tưởng tích hợp mang tính thực tiễn, chân lý và khoa học. Giải quyết tốt quan hệ giữa đô thị và nông thôn là yêu cầu tất yếu để thực hiện mục tiêu thịnh vượng chung, đẩy nhanh tiến trình hiện đại hóa kiểu Trung Quốc và hoàn thành sự nghiệp phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa.

Kể từ khi nước Trung Hoa mới được thành lập, dưới sự chỉ dẫn của tư tưởng tích hợp đô thị – nông thôn trong chủ nghĩa Mác, quan hệ giữa đô thị và nông thôn của Trung Quốc đã không ngừng tiến hóa: từ cấu trúc nhị nguyên đô thị – nông thôn, chuyển sang phát triển quy hoạch tổng thể đô thị – nông thôn; từ đó tiến tới đô thị – nông thôn nhất thể hóa và sau cùng là phát triển tích hợp đô thị – nông thôn. Hiện nay, Trung Quốc đã xây dựng thành công xã hội khá giả toàn diện. Để tiếp tục thúc đẩy phát triển tích hợp đô thị – nông thôn chất lượng cao, cần kiên định sự lãnh đạo của Đảng, gắn kết tư tưởng tích hợp của chủ nghĩa Mác với thực tiễn phát triển đô thị – nông thôn của Trung Quốc, tập trung xây dựng mô hình quan hệ đô thị – nông thôn kiểu mới và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa hai khu vực.

Trong thời đại mới, Trung Quốc đã đạt được những bước tiến thực chất trong xử lý quan hệ đô thị – nông thôn, tiêu biểu như: thể chế và cơ chế phát triển tích hợp đô thị – nông thôn liên tục được tối ưu hóa; tính phối hợp trong phát triển giữa hai khu vực được tăng cường; mức độ đô thị hóa ổn định nâng cao; sức sống phát triển nông thôn trở nên mạnh mẽ. Tuy nhiên, vẫn cần nhìn nhận thực tế mất cân đối trong phát triển đô thị – nông thôn: nông thôn vẫn tồn tại nhiều điểm yếu và thiếu hụt; tiến trình tích hợp đô thị – nông thôn vẫn đối mặt vô số khó khăn. Cụ thể, dòng chảy các yếu tố sản xuất giữa đô thị và nông thôn chưa thông suốt, mức độ tích hợp công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ còn thấp, chênh lệch về cơ sở hạ tầng và cung ứng dịch vụ công còn lớn, giao lưu văn hóa thiếu cân đối và mức độ hòa hợp sinh thái chưa đủ toàn diện.

Trước thực trạng đó, cần khẩn trương tổng kết kinh nghiệm và rút ra bài học từ quá trình phát triển tích hợp đô thị – nông thôn trong lịch sử; đối chiếu với những vấn đề mới phát sinh, kiên định lấy hòa hợp thể chế và cơ chế làm khâu đột phá, thực hiện tích hợp chế độ giữa đô thị và nông thôn; dựa vào tích hợp ngành để thúc đẩy thịnh vượng chung đô thị – nông thôn; lấy mục tiêu phát triển bao trùm để nâng cao phúc lợi của cư dân đô thị và nông thôn; lấy xây dựng văn hóa làm vai trò định hướng để thúc đẩy giao thoa hòa văn hóa; và lấy phát triển xanh làm kim chỉ nam để hiện thực hóa hòa hợp sinh thái đô thị – nông thôn.

Tài liệu tham khảo:

- 1, Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Công nghệ Điện tử Tây An (Luận văn, Trương Nguyên Nguyên. 2023)
- 2, Nghiên cứu thúc đẩy phát triển đô thị - nông thôn hài hòa trong bối cảnh Chiến lược chấn hưng nông thôn (Sách, Đường Quỳnh. 2020)

Nội dung & Dịch thuật: Ngọc Anh

Biên tập: Đức Toàn